

Wason
HV 7879
V5 B2+
1963, no. 42

Ban Dân

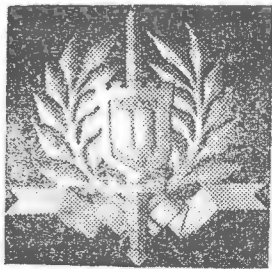
TIẾNG NÓI CẢNH SÁT QUỐC-GIA VIỆT-NAM

N CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

ĐÓ-THÀNH SÀI-GÒN



SỐ 42



BẠN DÂN

Tòa soạn :

241, Đại lộ Cộng Hòa — Saigon

Điện thoại : 24.822/95

Giám-đốc chủ-bút : NGUYỄN-VĂN-HAY

Quản-lý : Đặng Văn-Đức

*

Hình bìa trước và sau



Trường huấn-luyện Cảnh-Sát Quốc-Gia
Đô Thành Saigon

(Ảnh : Văn-Thông)

GIÁ BÁO

Một Số 10đ — Sáu tháng 60đ

Một năm 100đ

Mọi việc giao dịch, thư từ và bài vở,
liên lạc với TÒA - SOẠN BẠN - DÂN
Bưu phiếu, chi phiếu, ngân phiếu, đề
tên ông Quản lý : Đặng - văn Đức
241, Đại - lộ Cộng - Hòa — Saigon

*

Cấm trích dịch, phỏng đăng vào sách báo
ngoại quốc mà không xin phép

Giấy phép : Số 26 - BTT/NĐ ngày 17-2-60
In tại Chấn-Hưng 742. Phan-Thanh-Giản—Saigon

Trong số này :

- Thẻ giới có gì lạ ? — Hiệp ước
ngưng thí nghiệm nguyên tử. — Thỏa
hiệp Maphilindo Nguyễn Việt
- * Trường huấn luyện Cảnh - Sát
Quốc-Gia Đô-thành Saigon L. V. B.
- Gia-Cát bình sinh chi học (tiếp theo) Trần đ. Khải
- * Phương pháp thẩm vấn trẻ em tại
Đan-Mạch Lâm Phi Hải-
Sơn
- Vết nứt rạn trên khối Cộng-sản Lm. N. h-Trọng
- * Nghệ thuật sống P. N. Khuê
- Phạm độc bởi chất Thallium Ng. c. Chánh
- * Gián-điệp Nga-Sô-Việt (tiếp theo) Bạch - Y
- Chuyện các gián điệp Mỹ trên...
không phận Cuba (tiếp theo và hết) Nguyễn - Đại
- * Các viên chức thi hành chức vụ
Thừa-phát-lại nên biết P. T. 9
- Gián - điệp và phản-bội trong thế
chiến II (tiếp theo) N. T. H.
- * Việc Công-an Liên-bang Hoa Kỳ :
Chuẩn bị chiến-dầu N. v. Hội
- Ưu Đại-Lợi có gì lạ ? T. M. C.
- * Cuộc đời sông : ... biển Ng - v - Ích
- Giáo hóa thiếu nhi phạm pháp Hoàng-v-Nam
- * Chết cả tâm-hồn (tiếp theo) Văn Anh
- Câu đố nát óc Búa Thép

BẦU - CỬ LÀ NHIỆM - VỤ VÀ QUYỀN LỢI CÔNG DÂN

SAU một thời-gian kỷ-lục, vượt mọi trở-ngại chúng ta bước vào một giai-đoạn mới, một giai-đoạn thiết-yếu trên con đường Cách-Mạng Quốc-Gia, xây-dựng dân chủ; đó là giai-đoạn thi-hành Hiến-Pháp, đối với quý-vị đó là công-việc làm Luật.

Một công-cuộc bao-la, khó-khăn, liên-quan đến tất cả các ngành hoạt-động của Quốc-Gia đang chờ đợi quý-vị. Nhưng những cố-gắng của quý-vị không phải chỉ thu-hẹp trong phạm vi ấy. Ngoài các đạo-luật mà quý-vị có nhiệm vụ canh-cải hoặc tân tạo, còn có thực-thể của đời sống, còn có những tập-tục dân chủ mà chính quý-vị sẽ gây-dựng và làm cho sự sinh-hoạt hằng ngày của Quốc-Hội được thắm nhuần: chữ Thành, chữ Tín, tinh thần phục-thiện phải là những đức-tính được tôn-trọng trong tòa nhà này.

Được như thế, chúng ta mới bảo toàn nền Cộng-Hòa trẻ-trung của chúng ta và gây ảnh-hưởng cho chế-độ ấy trong giai-đoạn nghiêm-trọng mà chúng ta phải trải qua.

*Trích diễn văn của Tổng-Thống V.N.C.H.
đọc tại phiên nhóm khai mạc Quốc - hội
lập-pháp đầu tiên 9 - 11 - 1956.*

BẦU cử là một thể-hiện tính cách dân chủ của một chế độ chính trị. Chế độ có tự do, người dân mới có quyền bầu cử.

Tham gia vào cuộc bầu cử Quốc-hội, người dân đã thực sự tham gia vào công việc chung của Quốc-gia. Và đó chính là nhiệm vụ và quyền lợi công dân, vì khi cầm lá phiếu bầu một dân biểu là lúc người dân được tự do lựa chọn người đại diện theo ý nguyện của mình để lo việc ích nước lợi dân.

Nhưng việc nước, việc dân là những việc gì ? Người cử tri phải quan niệm như thế nào về trách vụ của dân-biểu và phải chọn lựa theo những tiêu chuẩn nào ?

— Phải chăng trách vụ dân biểu là chỉ cần có mặt ở các khóa họp thường lệ hay bất thường của Quốc-hội để biểu quyết với tinh thần « ai sao tôi vậy » những việc làm của Quốc-hội, những đạo luật, mà không cần tìm hiểu trước nội dung, không cần tham gia ý kiến trong các cuộc tranh luận, rồi sau đó quỳ quắt trở về lo việc tư riêng của mình ?

— Phải chăng trách vụ của dân biểu chỉ là việc lo cứu tế, việc từ thiện, việc cấp học bổng cho vài sinh viên học sinh, việc xin cắt một trường học hay một nhà thương ở một xóm lao động, việc xin giữ một cái chợ lộ thiên thiếu điều kiện vệ sinh, làm cản trở sự lưu thông đã được lệnh dời đi nơi khác theo kế hoạch chỉnh trang đô thị, việc can thiệp xin trả tự do cho một người bị nhà chức trách câu lưu mặc dầu không biết đích xác đương sự có phạm pháp hay không ?

Không ! Đó là một quan niệm lệch lạc, hời hợt.

Sự có mặt của dân-biểu ở tất cả các buổi họp để biểu quyết việc làm của Quốc-hội là một việc đương nhiên mà bất cứ người nào đã được giao phó cho một trách nhiệm và được thù lao lương bổng, đều phải làm. Nó giống như sự hiện diện của một công tư chức ở tại sở. Nếu một công, tư chức thường xuyên có mặt ở sở chỉ ngồi đọc báo giết thì giờ bị coi là thiếu lương tâm chức nghiệp thì sự có mặt của dân biểu ở Quốc-hội để làm cái việc « biểu quyết cho xong chuyện » dĩ nhiên phải bị coi là « thiếu » trách nhiệm.

Còn việc cứu tế, việc từ thiện, việc giúp học bổng cho sinh viên học sinh, là những việc mà bất cứ ai cũng có bổn phận và đều có thể làm được nếu có phương tiện và sẵn một tấm lòng vị tha, không cứ gì phải một dân biểu mới làm nổi.

Đến như việc vận động xin cắt trường học, lập nhà thương, giữ lại một cái chợ cho dân, can thiệp cho một người đang bị câu lưu, tuy thật sự là có lợi cho dân, nhưng chỉ là lợi ích cho một thiểu số hay một vài cá nhân, nó thuộc phạm vi trách nhiệm của những cơ quan chính quyền. Dân biểu biết thương nghĩ đến dân lúc nào cũng có thể giúp đỡ dân, nhưng đó không phải là trách vụ chính yếu của dân biểu. Vả lại khi hành động như thế, dân biểu chỉ dùng uy tín riêng hay sự quen biết thân tình của mình chứ không phải hành động với tư cách một người « đại diện » của dân. Nếu việc có kết quả tốt thì càng hay, bằng không, dân biểu cũng không bị coi là « thiếu » trách nhiệm.

Trách vụ của dân biểu không phải là những việc linh tinh có tánh cách phụ thuộc đó, mà là những trách vụ nặng nề gồm những công cuộc bao la, khó khăn, tế nhị, liên quan đến tất cả các ngành hoạt động chung của Quốc-gia và hạnh phúc của các tầng lớp nhân dân.

GỖI VÀNG

hay là

Trách vụ của dân biểu là phải làm những việc thiết thực đáp ứng nhu cầu của lịch sử dân tộc và nguyện vọng của toàn dân.

Ngoài trách vụ chính yếu là công việc canh cải và tân tạo những đạo luật thích hợp với hoàn cảnh quốc gia, thực trạng xã-hội và trào lưu tiến hóa chung, trong giai đoạn hiện tại, hơn ai hết, dân biểu phải là người am hiểu thời cuộc quốc tế và quốc nội. Thời cuộc quốc tế đang sôi động chuyển hướng, tình thế quốc gia đang khàn trương bởi giặc Cộng-sản, chia rẽ và chậm tiến. Trách vụ cấp bách của dân biểu là làm sao thực sự tiếp tay với chánh quyền trong việc thực hiện đại đoàn kết dân tộc và trong kế hoạch tiêu diệt Cộng sản, tiến tới thống nhất quốc gia, song song với việc xây dựng vững chắc một nền dân chủ pháp trị ngay ở hạ tầng cơ sở là nông thôn để kịp thời đối phó với những bất trắc của lịch sử.

Những vấn đề khác về kinh tế, xã hội, văn hóa cũng đang cần được giải quyết cấp bách. Quốc gia đang cần phải lớn mạnh, nhân dân đang cần có một đời sống đầy đủ, có công ăn việc làm, trách vụ của dân biểu là tích cực giúp sức chánh quyền để thực thi hữu hiệu bao nhiêu quốc sách nhằm chấn hưng tinh thần, võ trang vật chất cho toàn dân.

Dân biểu là người của dân, làm việc cho nước cho dân, chẳng những lo cái lo của dân mà còn phải lo cái lợi cho dân! Quốc hội là một cơ quan tiêu biểu cho nguyện vọng và quyền lợi chính đáng của toàn dân, của quốc gia!

Những trách vụ nặng nề bao la đó đã nói lên được tất cả ý nghĩa quan trọng của cuộc bầu cử Quốc-Hội pháp nhiệm III ngày 31-8-63 sắp đến.

Ý thức được nhiệm vụ và quyền lợi mình, người dân không có quyền thờ ơ với cuộc bầu cử. Cử tri không thể coi việc đầu phiếu như là một việc làm « lấy lệ », cốt sao cho có được một cái « thẻ » bọc vào mình là được. Cử tri phải sốt sắng tham gia cuộc bầu cử và phải hết sức thận trọng trong việc lựa chọn người đại diện cho mình.

Phải lựa chọn người dân biểu tri không nên để việc công và việc tư nhân, vì phe nhóm, vì một vài lợi lộc cử viên này có chương trình, dự án gì cử viên kia đã diễn thuyết hùng hồn nhưng

Dân biểu tương lai, đại diện cho tương quốc gia, có đường lối rõ rệt, tranh đấu, không màng hiềm nguy.

Dân biểu tương lai phải là người mọi vấn đề liên quan đến quốc kế, dân sinh

Dân biểu tương lai phải là người đặc lực và mới biết đặt quyền lợi của dân

Cử-tri chúng ta cần phải sáng suốt cho ta tại tòa nhà Lập Pháp.

Trước hết, cử tri cần phải am hiểu tình cảnh của quốc gia và dân tộc để có thể lựa chọn người đại diện cho mình một cách đúng đắn.

là người có lý trí và dám hy sinh

để am hiểu

thể tranh đấu riêng.

liên xứng đáng

CỬ
TRI
VỚI
CUỘC
BẦU
CỬ
QUỐC
HỘI

Thế giới có gì lạ ?

- **Hiệp-ước ngưng thí nghiệm nguyên-tử : khúc quẹo trong tình hình quốc-tế**
- **Thỏa-hiệp Maphilindo : một khúc quẹo khác trong tình hình Đông-Nam-Á**

TRÊN thế giới, vừa xảy ra hai biến cố lớn, ảnh hưởng đến toàn bộ các quốc gia thuộc 5 Châu. Chúng ta hãy ghi lấy các biến cố ấy qua những nét chính yếu của chúng, để tìm hiểu những triển vọng mà chúng sẽ đem lại cho tình hình quốc tế.

HIỆP ƯỚC NGƯNG THÍ NGHIỆM NGUYÊN TỬ

Chúng ta phải hiểu rằng cả thế giới đã « xoay » chung quanh một viễn tượng về hiệp ước đó từ 5 năm nay. Và Liên-Hiệp-Quốc cũng đã thật sự bắt tay vào vấn đề từ 3 năm, với một Hội-nghị tài binh, coi sóc luôn vấn đề ngưng thí nghiệm nguyên tử.

Vấn đề mà tình hình đòi hỏi là như sau : các cường quốc đã đua nhau thi-đua vũ khí, nhất là vũ khí nguyên tử, và như thế thì đại chiến khó lòng tránh được ! Do đây, cần phải có một cuộc tài binh, và bắt đầu từ cuộc ngưng thí nghiệm nguyên tử (vì ngưng thí nghiệm thì không còn khám phá được những vũ khí mới nữa). Đồng thời, ngưng thí nghiệm còn đem lợi ích cho nhân loại, là tránh được sự gia tăng của bụi phóng xạ (giết người !) trong không khí.

Các cuộc điều đình đã kéo dài, kéo dài vô ích... Cho đến gần đây, Nga-Sô và Trung-Cộng đã xích mích nhau ghê gớm hơn chung quanh chánh sách chung của khối Cộng : Nga-Sô chủ trương phải sống-chung hòa bình với khối Mỹ để tránh chiến tranh nguyên tử, vì chiến tranh nguyên tử sẽ tiêu diệt nhân loại. Xoay quanh thuyết ấy, Nga-Sô có chánh sách hòa dịu, cả đến những lối sách động quá trớn và lối gây du kích ở nội bộ các nước cũng bỏ đi luôn. Còn Trung-

Cộng đã chống lại thuyết của Nga, và chủ trương phải tiến hành mạnh cuộc tranh đấu, tiến cả đến một cuộc đại chiến thế giới. Theo Trung Cộng, do đại chiến sẽ thấy cuộc toàn thắng của khối Cộng-sản. Lý do thâm kín của Trung-Cộng, là kinh sợ một cuộc sống chung hòa bình và cạnh tranh kinh tế, vì kinh tế Trung Cộng là một thứ kinh tế hủ lậu, đi đến đổ nát.

Cuộc tranh chấp Nga — Trung Cộng tiếp diễn từ nhiều năm nay, đã trở nên khốc liệt, phơi bày ra dân chúng và mọi tầng lớp cán bộ đảng viên, những lời lẽ mặt sát nhau nặng nề. Hơn thế, họ lại còn hoạt động phá nhau trên thật tế : phá ảnh hưởng của nhau tại Á-Phi, và chia rẽ nội bộ của nhau.

Trước tình thế ấy, Nga-Sô không thể ngồi yên được nữa, phải có chánh sách dứt khoát : đã chủ trương « sống chung hòa bình », thì phải thi hành chánh sách đó, và lấy việc đó để đập

tan những mưu tranh đấu của Trung Cộng. Đó là một lý do để hiệp ước ngưng thí nghiệm nguyên tử ra đời. Những lý do khác : Anh và Mỹ cũng muốn thỏa hiệp với Nga, và hành động ấy sẽ cắt hẳn khối Cộng ra làm hai, và làm cho Trung Cộng trở nên cô lập.

Nội dung hiệp ước.

Theo hiệp ước, thì sẽ không có những cuộc thí nghiệm nguyên tử nữa, trên thượng — không, trong không khí hoặc dưới nước. Chỉ có những cuộc thí nghiệm bom nhỏ, dưới đất sâu, không tỏa bụi phóng xạ, là không liên quan đến hiệp ước. Hiệp ước được ký vô hạn định ; tuy nhiên, nếu một cường quốc nhận thấy trên thế giới có những cuộc thí nghiệm làm nguy đến nền an ninh của mình, thì có thể rút lui ra khỏi hiệp ước.

Hiệp - ước quy tụ 3 nước Anh — Mỹ — Nga, và hiện đã có gần 50 nước khác xin tham gia, để hưởng ứng « con đường hòa bình » mà 3 nước lớn đã vạch ra.

Những ảnh hưởng sâu rộng của hiệp ước.

Các nhà quan sát vạch ra các ảnh hưởng sâu rộng sau này mà hiệp ước đã đưa tới :

1.— Con đường hòa bình giữa khối Nga và khối Mỹ đã được mở ra. Sau khi ký hiệp ước, Anh — Mỹ — Nga tiếp tục bàn cãi các vấn đề khác, nhất là việc ký một hiệp - ước bắt tương xâm, việc tài binh, các vấn đề xích mích trên thế giới. Hội nghị Tài binh đã họp tiếp ở Genève song song với Hội-nghị các Ngoại Trưởng Anh — Mỹ — Nga cũng tại Genève, và rồi đây sẽ có hội nghị Tồi cao giữa 3 cường quốc đó.

Tổng Thông Kennedy

2.— Hầu hết các nước trên thế giới đều nhiệt liệt tán thành hiệp ước, nhất là các nước Á-Phi muốn sớm đi đến hòa bình. Một vài nước tỏ ý thận trọng về việc khó tin ở thiện chí của Nga.

3.— Nước Đức tán thành hiệp ước, với điều kiện là sau này Anh — Mỹ đừng chủ trương công nhận Đông Đức, nghĩa là công nhận tình trạng chia sẻ lâu dài của nước Đức.

4.— Nước Pháp đương đánh lá bài xây dựng Âu-Châu riêng biệt nên đã không được hài lòng, vì hiệp ước có khả năng cầm Pháp thí nghiệm bom nguyên tử để xây dựng lực lượng. Pháp đã tuyên ngôn không tham gia hiệp ước, nhưng Pháp cũng phải coi chừng sau này — khi Pháp



Thủ Tướng Khrouchtchev

thủ bom — các nước có thể làm một cuộc phản đối toàn diện. Ngoài ra, một cuộc thỏa hiệp giữa Nga và Mỹ, có khả năng phá chánh sách của Pháp muốn thủ lợi trong khi Nga — Mỹ tranh nhau.

5.— Ảnh hưởng rộng lớn nhất đã do hiệp ước gây ra nhằm vào Trung Cộng. Sau khi hiệp ước được ký, Trung Cộng bị cô lập trong một thế giới hướng đến hòa bình. Cả Á-Phi bài xích thái độ hiếu chiến của Trung Cộng. Cuộc xích mích Mạc-Tư Khoa — Bắc-Kinh trở nên khốc liệt.

6.— Hiệp ước có thể làm cho khối Mỹ bớt lo ngại về Nga, do đây sẽ lỏng tay trong cuộc phòng thủ. Nhưng mỗi nguy đó đã được nhiều nhà quan sát nhận định, do đây

các nhà cầm quyền và dân chúng Mỹ, Anh, kẻ như đã được cảnh cáo cẩn thận rồi.

Hai triển vọng lớn

Hiệp ước lại đặt ra hai triển vọng lớn :

1.— Hội-nghị Tài-binh có cơ tiền triển. Đây là việc mà thế giới trông mong nhiều nhất. Tại Hội Tài-binh, các nước trung-lập đương tìm cách làm cho hai lập trường Nga-Mỹ gần nhau lại.

2.— Trung-Cộng bước lần vào tình trạng cô lập nguy kịch, và có thể vì tự ái, vì cay chua, vì mù quáng, mà Trung Cộng sẽ gây rối nhiều hơn tại Á Châu (vụ Ai-lao, vụ Việt-Nam Cộng-Hoà, vụ biên giới Ấn, vụ Đại Hàn, vụ Kim-Môn, Mã-Tổ). Thế-giới Tự-do đã phòng ngừa sẵn rồi, và lần này thì sẽ quyết liệt đối phó với Trung-Cộng, và Trung Cộng không còn được sự che chở, bênh vực, của Nga nữa. Nếu Trung-Cộng làm quá tay, thì các cường quốc sẽ vì mục đích cần thiết phải bảo vệ hòa bình mà đối phó thẳng tay với Trung-Cộng, và góp sức đánh đổ chánh quyền Bắc-Kinh cũng như các chánh quyền phụ thuộc ở Hà-Nội và Bắc-Hàn.



ĐẠI-MÃ-LAI và MAPHILINDO

Ở Đông-Nam-Á, một loại biên cô khác cũng có một tầm quan trọng sâu rộng : đó là việc thành lập Đại-Mã-Lai tiếp đến cuộc thành-lập Liên bang Maphilindo (Mã-Lai-Phi luật tân-Indonésia) Việc thành lập Đại Mã-Lai tạo ra một cuộc tranh chấp, nhưng cuộc tranh chấp này lại tạo ra một cuộc xây dựng về Liên-bang Maphilindo,

Nguyên do nước Anh trả độc lập cho các đất thuộc địa ở Bornéo là Bắc Bornéo, Sarawak, và cho quốc gia bảo hộ Brunei, nhưng không muốn miễn đó rơi vào tay Cộng-sản hay vào tay lần bang Indonésia. Vì thế mà nảy sanh ra giải pháp thành lập Liên-bang Đại-Mã-Lai, gồm có Mã-Lai, Tân-Gia-Ba, Sarawak, Bắc Bornéo, Brunei. Khối Liên-bang sẽ bảo vệ cho các đất lẻ loi, và nhờ đây mà các mối đe dọa không còn đáng sợ nữa.



Tổng Thống Soekarno của Indonésia

Phi-Luật-Tân và Indonésia đã đứng lên chống việc thành lập Đại Mã-Lai, nhưng mọi sự chuẩn bị vẫn cứ được xúc-tiến để tuyên ngôn Đại-Mã-Lai vào ngày 31-8... Cuối cùng, các biên cớ chốt đã diễn ra như sau :

— Đại-Mã-Lai thành lập như đã định, trừ ra Brunei hoãn ngày gia nhập.

— Mã Lai, Phi-Luật-Tân, Indonésia họp Hội-nghị tối cao để giải quyết các mối tranh chấp : kết quả là mời ông Tổng Thợ - Ký Liên-Hiệp Quốc U. Thant quan sát về một cuộc trưng cầu dân ý tại Sarawak và Bắc Bornéo, về việc gia nhập Đại Mã-Lai, rồi liền sau đó, sẽ có cuộc tuyên ngôn thành lập Liên-bang ấy. Người ta tin rằng cuộc trưng cầu dân ý sẽ không làm sai lạc các kết quả đã dự liệu.

— Ngoài ra, lại thành lập một khối Liên-Bang rộng lớn hơn, gồm Liên-Bang Đại-Mã-Lai ấy, cộng chung với Phi-Luật-Tân và Indonésia. Khối Liên-Bang rộng lớn ấy kêu là Liên-Bang Maphilindo.

Những triển vọng về việc thành lập hai khối Liên-Bang.

Khối Liên-Bang vòng trong có quyền độc lập hoàn toàn trước khối Maphilindo. Một kết quả chắc chắn mà họ đạt được là : đã bảo vệ được các đất Sarawak, Bắc Bornéo, Tân-Gia-Ba, lại có thêm cả khối Liên-Bang ngoài cùng bảo vệ cho các đất đó.

(xem tiếp trang bìa sau)



Nữ nhân-viên thao luyện cơ-bản

TRƯỚC năm 1945, Nha Giám Đốc Cảnh-Sát Quốc-Gia Đô-thành có một trường huấn-luyện, nằm trong vương rào của Nha. Trường này là một gian nhà trệt, dài độ 25m, ngang độ 10m, lợp ngói âm-dương, gồm một lớp học duy-nhất. Trong thời-kỳ ấy những nhân-viên thuộc ngạch hạ-dẳng được tuyển chọn cho dự các cuộc thi chuyên-nghiệp vào trung-dẳng đều phải qua một khóa huấn-luyện tại trường này.

Đến tháng 9 năm 1945, vì biến cuộc, trường tạm đình chỉ cho đến tháng 12 năm 1950. Trong thời-gian, dân-số Đô-thành Saigon càng ngày càng tăng và cũng theo nhịp ấy, nhân số Cảnh-sát cũng phải tăng theo để đáp ứng nhu-cầu gìn-giữ an-ninh và trật-tự cho thành-phố (nhân số phải tăng hơn gấp đôi). Vì nhân-viên mới tuyển cần phải qua một cuộc huấn-luyện căn-bản trước khi được đưa ra hành nghề cũng như những nhân viên cũ phải cần qua một khóa tu-nghiệp để làm việc theo những phương pháp mới, cho nên trường được cấp một ngân khoản để tu-bổ và mở lại.

Và cũng từ năm 1950, trường đã hoạt-động đều đều và cứ mỗi 3 tháng thì mở một khóa tu-nghiệp cho độ 80 nhân-viên Cảnh-Sát Đô-Thành Saigon. Song song với việc tu-nghiệp cho nhân-viên cũ, trường còn huấn-luyện căn-bản cho từng nhóm nhỏ nhân-viên mới tuyển-mộ để họ có thể tạm thời đảm-nhiệm công-vụ trong khi chờ đợi tới phiên mình được theo học các khóa huấn-luyện tổng-quát và đầy đủ hơn tại Trung Tâm Huấn-Luyện Sơ-Cấp Rạch-Dừa hoặc tại Trung-Tâm Huấn-Luyện Trung-Cấp.

Ngoài 2 công-việc vừa kể trên và bắt đầu từ tháng 12 năm 1959, thừa lệnh Bộ Nội-Vụ, trường còn phải tiếp-nhận một số nhân viên Cảnh-sát hương-thôn do các Tỉnh gởi đến để được tu-nghiệp về môn có tánh cách đặc-biệt riêng của một thành-phố lớn, như môn : Lưu-thông, môn Cảnh-sát trật-tự và tuần-tiểu, vệ-sinh thành-phố.

Đến năm 1963, nhờ Viện-Trợ Mỹ, ngôi trường cũ-kỷ đã được thay thế bằng một kiến-trúc tối-tân, gồm một giải lầu 3 tầng dài 50m, rộng

T RƯỜNG HUẤN -

★ Bài của L. V. B.

16m, nằm ngay vị-trí của ngôi trường cũ, cạnh Nha Giám-Đốc Cảnh-Sát Quốc-Gia Đô-Thành Sài-gòn, đại-lộ Trần-hưng-Đạo. Phía trước trường có 2 sân quần-vợt, phía sau trường có một sân bóng chuyền rộng lớn. Cả hai sân này vừa dành cho việc thể-thao vừa dành cho các cuộc thực-tập cơ-bản thao-diễn.

Gian nhà trường gồm có :

- 1 phòng tác-xạ
- 1 phòng vũ-thuật
- 4 giảng-đường
- 1 thư-viện
- 1 phòng hội
- và một số văn-phòng.

Phòng tác-xạ nằm ở tầng dưới đất, dài 40m, rộng 11m, dành cho việc thực-tập về súng-lục.

Mỗi giảng-đường có thể chứa được 50 học-viên.

Riêng phòng hội có thể chứa được 300 thính-giả.

Ngoài ra, cũng do Viện-Trợ Mỹ, trường còn có thêm một xạ-trường tối-tân nằm tại Bình-Thới, cách trường độ 4km, dành cho việc huấn-luyện các loại súng tiểu-liên và súng trường.

Tánh cách của Trường Huấn-Luyện Cảnh-Sát Quốc-Gia Đô Thành Saigon, không giống như Trung-Tâm Huấn-Luyện Sơ-Cấp Cảnh-Sát Quốc Gia Rạch-Dừa hoặc Trung-Tâm Huấn-Luyện Trung-Cấp Cảnh-Sát

LUYỆN CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

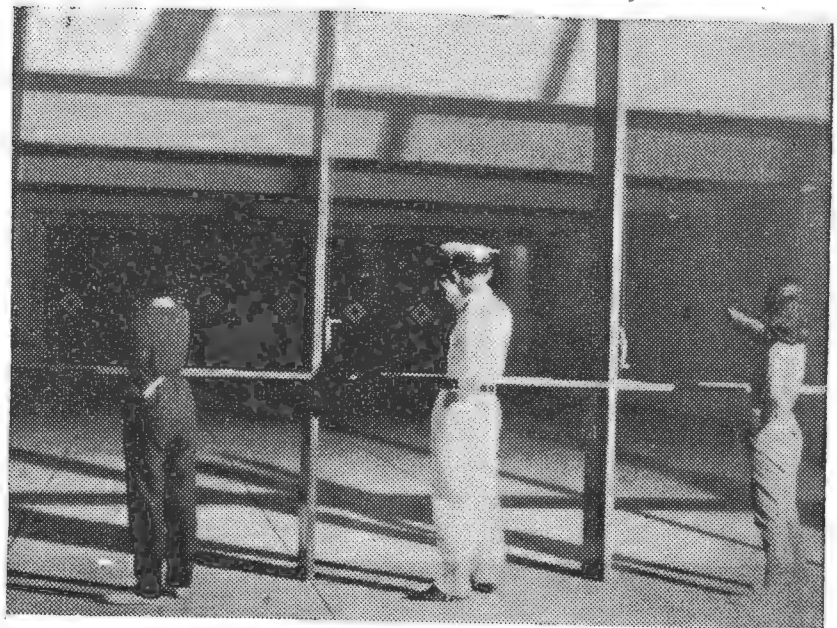
Quốc-Gia Saigon. Hai Trung-Tâm này có tánh cách toàn quốc, trực thuộc Nha Tổng Giám-Đốc Cảnh-Sát Quốc-Gia, còn Trường Huấn-Luyện Cảnh-Sát Quốc-Gia Đô-Thành Saigon chỉ có tánh-cách địa phương, trực-thuộc Nha Cảnh-Sát Quốc-Gia Đô-Thành Saigon, dành riêng cho nhân-viên Cảnh-Sát Đô-Thành Saigon và chỉ huấn-luyện hay tu-nghiệp về một số ít môn học cần-thiết cho sự làm việc hằng ngày trong lúc chờ đợi cho nhân-viên theo học các khóa có tính-cách tổng-quát tại Trung - Tâm Huấn - Luyện Sơ-Cấp Rạch-Dừa hay tại Trung-Tâm Huấn Luyện Trung-Cấp, hoặc huấn-luyện riêng về một môn nào có tánh-cách đặc-biệt mà nhu-cầu địa-phương đòi hỏi phải có đủ số chuyên-viên như : vô-tuyến điện-thoại, lưu-thông đặc-biệt tại Thủ-đô, đánh máy, ngoại ngữ v.v...

Ngôi trường mới của Trường Huấn-Luyện Cảnh - Sát Quốc - Gia Đô - Thành Saigon và xạ - trường Bình-Thới, đã được khánh thành vào ngày 6-7-63, dưới sự chủ-tọa của Ông Bộ-Trưởng Nội-Vụ với sự hiện-diện của các vị chỉ-huy cao cấp tại Nha-Tổng Giám-Đốc Cảnh-Sát Quốc-Gia, tại Nha Cảnh-Sát Quốc-Gia Saigon và một số phối trí-viên Mỹ.

L. V. B.

Hình trên : PHÒNG HUẤN - LUYỆN TÁC-XẠ.

Hình dưới : PHÒNG HUẤN - LUYỆN NHU-ĐẠO.



GIA - CÁT BÌNH SINH CHI HỌC

* của TRẦN - ĐÌNH - KHAI

4. — PHÉP THU NẠP LỜI

SẼN sàng để tâm chịu nghe đã là một sự khó, nhưng khích lệ cho người chịu nói, rồi trong số những lời phát biểu đó biện biệt được phải trái, nhận định được động cơ đã thúc đẩy người ta phải biểu lộ nên lời rồi phân loại điều nào đúng nhiều, điều nào đúng ít, điều nào hợp cho công cuộc cấp thời, điều nào lợi cho công cuộc trường cửu, lại là một sự khó hơn nữa.

Vì vậy, về cả hai phương diện phát biểu và thu nạp đều được coi như một kỹ thuật không thể sơ hốt được.

Cổ chế đã ấn định trong triều đình cũng như trong một gia đình, phải có những bày tôi và người con biết sử dụng những nhận định chân xác và hợp lý để tiền-ngôn.

Vì vậy cái thuật thu nạp lời, là chọn trong những lời can ngăn khuyên giải hoặc tranh luận để thu nhận những xác luận của bề dưới.

Vì thế mà vua thì có gián-thần, cha thì có gián-tử, mục đích để can ngăn và trình bày phải trái với người trên khi đi lầm phải con đường bất nghĩa.

Bốn phận thần tử khi có nhiệm vụ gián, tranh (can ngăn và tranh luận) là phải biểu đồng tình và thuận theo những hành động của người trên khi những bậc này làm đúng điều phải và khuôn cứu khi họ làm những điều trái « **tương thuận kỳ mỹ, khuôn cứu kỳ ác** ». Nếu thuận theo điều ác của bậc quân phụ hoặc phản đối những đường lối cùng chủ trương tốt đẹp thì sẽ đưa quốc gia vào vòng nguy hiểm.

Đó là về phương diện phát biểu của người muốn dâng lời. Còn về phương diện nạp - ngôn của người trên cần phải xử sự ra sao để tránh những hậu quả xấu tới, Gia-Cát công nói :

Nếu bậc quân phụ không chịu nghe những lời gián tranh, thì kẻ thần hạ trung trực sẽ không dám trình bày mưu lược của mình, và trong khi đó thì tà - thần vẫn chuyên áp dụng chính lược sai để thủ lợi, Quốc gia sẽ bị hại.

Cả hai phía, phía nạp - ngôn cũng như phía tiền - ngôn tựa như có một sợi giây liên hệ vô hình giăng co nhau. Nếu không chịu nạp - ngôn tất không có tiền - ngôn, và trái lại nếu sẵn sàng nạp ngôn tất tiền - ngôn sẽ phát triển.

Nhưng trong những trường hợp bậc quân phụ không chịu nghe, phận thần tử vì bốn phận vẫn muốn dâng lời can gián liệu có thu hoạch được kết quả gì chăng.

Ở điểm này, một nguyên tắc cổ điển đã được nêu ra : « **cố hữu đạo chi quốc, nguy ngôn nguy hạnh, vô đạo chi quốc, nguy hạnh ngôn tồn** » nếu gặp được cảnh quốc gia hưng thịnh hữu đạo thì có thể nói thẳng được những điều chính đáng và có thể thực hiện được mọi hành động theo như ý nguyện là gìn giữ phẩm hạnh cao khiết không theo thói tục, nhưng bằng gặp phải cảnh quốc gia không thuận thì chỉ có thể giữ phẩm hạnh cao khiết mà lời lẽ nói ra phải giữ gìn cho kính thuận.

Những bậc minh vương thánh triết thấu triết được sự lợi ích của thuật nạp-ngôn, biết rõ rằng nếu bề trên không có điều gì muốn nghe thì bề dưới không có điều gì để nói, nên Không-tử đã không ngại ngừng mà hỏi điều hay lẽ thiệt ngay ở cả những kẻ bề dưới và Chu. Công cũng không lầy lăm xâu hổ khi phải làm những công việc thấp kém.

Sự liên hệ giữa nạp-ngôn và tiền-ngôn có một tầm quan trọng mà Gia-Cát đã cụ thể hóa bằng một hình thức sau đây :

« **Thi dĩ ốc lậu tại hạ, chỉ chi tại thượng, thượng lậu bất chỉ, hạ bất khả cư hĩ** . » Trong một gian nhà ở, nếu thấy dột ở dưới tất phải sửa ngói lại ở trên nóc, nếu ở trên không sửa được cho khỏi dột thì căn nhà ở dưới không ai ở được nữa.

5. — PHƯƠNG PHÁP XÉT NHỮNG ĐIỂM HOÀI NGHI

Sự ngờ vực là bước đầu để đi đến mọi chán nản của công cuộc. Chẳng những chính người

(1) Xin xem Bận - Dân từ số 40

ngờ biến thành chán nản mà cả những người bị ngờ cũng dần dần bị lây chán nản. Sự mất thiêt của hai bên tan rã dần để đưa đến tan vỡ cho mọi công cuộc hợp tác chung hoặc liên quan tới nhau.

Nhưng nếu không ngờ mà chỉ một mực tin không thôi thì lòng tin đó dần dần bị bao phủ bằng một tấm màn chủ quan, và sự tin đó cũng gây họa hại không kém lòng ngờ.

Cho nên thuật xét nghi, nếu giải thích bằng một cách cụ thể, là sự biện biệt cho rõ màu sắc, thanh âm. Nếu không xét tình tất bị mầu đỏ mầu tía ảnh hưởng tới nhơn giới làm hỗn loạn sự nhận định mầu son, dâm thanh làm hỗn loạn tới sự thẩm âm chính nhạc. Đá trắng trông tựa như ngọc, kẻ ngu sẽ giữ gìn nâng niu, mắt cá cũng giống hạt châu, kẻ ngu sẽ tranh để chiếm lấy, con cáo con chồn cũng tựa giống chó, kẻ ngu sẽ bắt về để nuôi nấng, quả bí đại cũng giống quả dưa, kẻ ngu sẽ lấy để ăn.

Vì định kiến mà không xét thì thị giác, thính giác sẽ làm mờ mắt, làm ù tai, và cả đến tư tưởng ý thức nữa cũng hướng theo chiều định kiến.

Vì vậy khi Triệu - Cao rắp tâm làm loạn định thử xem trong đám quan liêu những ai là người tuyệt đối thuận theo mình mới chỉ vào con hươu mà gọi là con ngựa. Tần-Vương thấy thái độ ấy của Triệu-Cao tuyệt hể vẫn không nghi ngờ mấy may. Lại việc Phạm-Lãi tiễn mỹ nữ cho Ngô-Vương mà Ngô-Vương không hề nhận được dụng ý làm mê hoặc mình.

Vì vậy khi còn ngờ ở kẻ hoạch thì công việc không ăn định được, còn ngờ ở việc thì công nghiệp không thành, cho nên bậc Thánh-Vương chưa tin hẳn ở ý thích của mình mà còn cần phải hỏi tới việc bóc địch để biết cát hung. Kinh thư có nói : « Cùng nhờ ba người chiêm bốc, nhưng sẽ theo lời nói của hai người giống nhau, nhược bằng gặp điều nghi lớn tất phải đem ra bàn với tất cả dân chúng. » Khổng tử cũng từng nói : « Đường lối trị dân của bậc minh quân, không lo người không biết mình, mà chỉ lo mình không biết người, không lo ở ngoài không biết ở trong, mà chỉ lo ở trong không biết ở ngoài, không lo kẻ dưới không biết người trên mà chỉ lo người trên không biết kẻ dưới, không lo kẻ hèn không biết người quý mà chỉ lo người quý không thấu triệt được tâm sự và hoàn cảnh của kẻ hèn ».

Rút lại chỉ vì không biết được hoàn cảnh, tình trạng cùng nguyện vọng của người để cảm thông những chiều hướng tác động của họ nên việc cai trị khó đưa lại kết quả tốt đẹp.

Ngược lại, nếu thực hiện được như lời dạy của Khổng-Tử thì sẽ khiến cho :

Kẻ sĩ vì tri kỷ mà chết, người đẹp vì tri kỷ mà giữ gìn trang sức sắc đẹp, ngựa hay vì kỵ mã giỏi mà chạy nhanh, bậc thần thánh vì cảm thông với mình mà minh hiển.

Đứng về phương diện hình án, người trên phải sáng suốt để quyết đoán, nếu còn bị tư tưởng ngờ vực lớn vờn trong tư tưởng thì sự quyết đoán khó có thể minh liễu được.

Đưa vấn đề áp dụng thực tế này ra để kết thúc cho thiên Sát-Nghi (xét những điềm hoài nghi), Gia-Cát nói :

« Bực minh quân quyết đoán hình ngục, điều đáng lo ngại nhất là mình không được sáng suốt. Nếu không minh sát tất kẻ vô tội bị hàm oan, kẻ có tội lại được vô can, kẻ ngay thẳng bị uốn cong, kẻ bị uất ức không thân mình được. Hơn nữa còn có thể xảy ra những trường hợp mà kẻ thủ tín lại bị ngờ vực, kẻ trung thần bị họa hại. Những việc như thế đều trái ngược với lẽ thiên nhiên, là mầm của mọi họa loạn tai biến

Vì vậy bậc minh quân xét hình án phải biết xét đến thái độ tình tiết lời nói của kẻ can phạm để nhận định xem những lời đó có che đậy có bị cưỡng cách gì không. Xem xét từ dáng điệu vãng lai tiền thoái, nghe từ lời nói âm thanh, nhìn từ khóe mắt đưa đẩy của họ. Nếu hình dáng sợ sệt, giọng nói thảm thương, đến thì nhanh, lui thì chậm, mắt nhìn ngo quánh ngo quẩn miệng thì thở dài, loại can phạm đó tất bị oán kết ở trong tâm khảm, không được cởi mở. Nếu mắt luôn luôn cúi gằm và hay nhìn trộm, lộ vẻ sợ hãi khi bị gọi trở lại, hoặc lộ vẻ trầm ngâm mưu tính, thờ mạnh ho to trong khi nghe, lời nói quanh quẩn, gọi thì đến chậm, về thì bước nhanh, không dám quay cổ nhìn lại, đó là những hạng tội nhân muốn tìm cách để tự miễn vậy. Cho nên Khổng-Tử mới nói rằng : « Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do sát kỳ sở an, nhân yên sự tai, nhân yên sự tai ». Nhìn cái hiện trạng của họ, tìm hiểu tới những lý do vì sao mà họ thành ra thế, rồi xét tới hình tích của họ lúc bình thường, tất nhiên sẽ đoán định được người và nên áp dụng những biện pháp ấy để xét người thì người không còn thể giấu giếm gì được nữa.

T. Đ. K.

THẨM vấn đã là một việc khó, thẩm vấn người đàn bà còn khó hơn nhiều, nhưng cũng chưa khó bằng thẩm vấn trẻ em.

Dù đứa trẻ ở trong trường hợp tội nhân, nạn nhân hoặc nhân chứng, thẩm vấn trẻ em đều khó khăn và phức tạp vô cùng. Chúng tôi thiết tưởng không phải bất cứ thẩm-vấn-viên nào cũng phụ trách được công việc thẩm vấn trẻ em.

Rút kinh nghiệm, Sở Cảnh-sát Cô-păn-ha-gờ (Đan Mạch) vừa áp dụng một phương pháp thẩm vấn trẻ em có nhiều kết quả khả quan.



Ban Điều-tra Hình-sự Sở Cảnh-sát Cô-păn-ha-gờ (Đan Mạch) áp dụng phương pháp ấy như thế nào ?

quả tốt đẹp, một phần lớn cũng là nhờ đèn trang trí. Vì sự liên quan ấy, việc trang trí phòng thẩm vấn cần phải được hoà hợp với tâm trạng của trẻ em.

Phòng này lập ra chỉ dành riêng cho các vụ thẩm vấn trẻ em mà thôi. Bên trong phòng, bốn bức tường được bọc bằng ván mỏng nhỏ và đánh vệt-ni, trên tường không treo một vật gì cả.

Một tấm ta-pi một màu trơn trải lên nền gạch. Bàn viết trải một tấm nilon xanh và để một « mi-crô ».

Máy ghi âm giấu trong phòng bên cạnh để tránh kêu gọi tánh hiệu kỳ của trẻ em trong khi nó lo trả lời.

Ghế ngồi của trẻ em để ngang hông bàn viết, về phía tay trái của thẩm

lành nghề thẩm vấn, hay ít ra cũng đã được huấn luyện về thẩm vấn.

Vì giữa người đàn bà và trẻ em hình như đã sẵn có tự bao giờ một mối cảm tình nồng hậu, và một sự che chở thương yêu của người mẹ...

Thật ra, trẻ em đứng trước một người đàn ông, tâm trạng nó sẽ khác hơn khi nó đứng trước một người đàn bà. Bởi vậy, Sở Cảnh-sát Đan-Mạch đã tìm thấy ở người nữ nhân viên một khả năng chuyên môn phụ trách thẩm vấn trẻ em.

Thẩm vấn như thế nào ?

Trước hết, thẩm vấn viên để cập đến một vấn đề không liên quan đến nội vụ, như học hành, phần thưởng trường học, vườn hoa, giải trí, v.v.... để cho trẻ em đi vào bầu không khí tự do, vui tươi trong một tình trạng thân mật và đồng thời cũng để quên mình đang ở trước một vấn đề quan trọng.

Nữ thẩm vấn viên không bao giờ tự đặt mình vào địa vị một người có thẩm quyền, và nên tỏ ra là một người mẹ hay cô dì mà lúc nào cũng cùng về « phe » với đứa trẻ.

PHƯƠNG PHÁP THẨM - VẤN

THAU VÀO MÁY GHI ÂM
TRONG KHI THẨM VẤN
TRẺ EM.

Việc làm nhằm hai mục đích :

A) Toà Án có thể nghe được những lời cung khai tự nhiên và thành thật của trẻ em như đang dự trong cuộc thẩm vấn.

B) Để tránh phải thẩm vấn lần thứ hai, thứ ba, v.v. .. mà những lần sau trẻ em không còn cung khai như lần đầu tiên nữa, vì lẽ là trẻ em hay chóng quên.

Thật như vậy, những lời cung khai lần đầu tiên của trẻ em *liền sau khi sự việc xảy ra* mới là thành thật và xác thực hơn ; vì những lời ấy chưa bị chế biến kịp vì ảnh hưởng của thời gian.

Nếu sự việc đã xảy ra lâu rồi mới thẩm vấn, trẻ em có thể quên được những điểm chánh một cách dễ dàng, hưởng hồ những chi tiết nhỏ. Nếu gặp trường hợp này, nhân chứng trẻ em không thể giúp ích Cảnh-sát một điều chi cả.

TRANG TRÍ PHÒNG THẨM VẤN.

Những cuộc thẩm vấn trẻ em có thau vào máy ghi âm đều đem lại kết

TRẺ EM

TẠI ĐAN - MẠCH

✱ của Lâm Phi Hải Sơn

vấn viên. Trẻ em ngồi ngó mặt lại thẩm vấn viên.

Đôi diện thẩm vấn viên có để một ghế thứ ba dành cho nhân chứng.

Cách trang trí phòng thẩm vấn như trên nhằm mục đích không để tiếng động bên ngoài lọt vào trong và tiếng nói bên trong lọt ra ngoài. Hơn nữa trẻ em sẽ không còn gặp phải bất cứ một « chương ngại vật » nào khác hơn có thể làm xao lãng tâm trí trong lúc thẩm vấn.

Cho được cẩn thận hơn, phòng thẩm vấn nên đặt tại một nơi nào mà nhân viên ít qua lại, yên tĩnh và thanh vắng.

TIẾN HÀNH CUỘC THẨM VẤN.

Nhân viên phụ trách thẩm vấn trẻ em phải là một NGƯỜI ĐÀN BÀ

Như vậy cho đến khi nào đứa trẻ được bình tĩnh, yên vui như những lúc ở bên các bạn trẻ của nó, nữ thẩm vấn viên mới bắt đầu đi vào sự việc.

Nữ thẩm vấn viên bảo trẻ em thuật lại những gì mà nó đã thấy và nghe về việc xảy ra.

Ta không nên ngắt lời trong khi nó tường thuật, mặc dầu nó kể lại không thứ tự trước và sau. Nếu có ngắt lời là khi nào ta thấy trẻ em đi lạc ra ngoài đề, lúc ấy ta hãy khôn khéo đặt em đi trở lại sự việc.

Khi nó kể lại hết rồi, nữ thẩm vấn viên mới bắt đầu hỏi :

- 1.— Tên họ của nó.
- 2.— Tuổi
- 3.— Tên họ cha
- 4.— Tên họ mẹ

(xem tiếp trang 60)

VẾT RẠN NỨT

* Bài của Linh mục NGUYỄN-HỮU-TRỌNG

Mở đầu bản tuyên ngôn Cộng sản, Karl Marx viết năm 1848 : « Một con ma đang ám ảnh Âu Châu là con ma cộng sản ». Ngày nay thế giới Cộng sản lại đang bị ám ảnh bởi một con ma khác là « con ma chia rẽ ». Và mặc dầu các lãnh tụ Cộng sản đã từ lâu tiên đoán cuộc điều tàn của thế giới tư bản do sự bất hòa nội bộ, thì nay chính Cộng sản quốc tế lại đang rạn nứt do những « mâu thuẫn nội tại ». Các báo ít lâu nay thường nói đến sự bất đồng quan niệm giữa Nga Sô-viết và Trung Cộng, thì bây giờ, theo các nhà quan sát chuyên môn sự chia rẽ ấy đã đi đến chỗ toàn vẹn và vô phương cứu chữa.

Đây là cuộc khủng hoảng lớn nhất trong lịch sử đa sự của đảng Cộng sản, mà căn bản có tính cách vừa lý thuyết vừa quốc gia, vì đây là cuộc đối chọi của hai đảng Cộng sản to nhất cũng như của hai quốc gia Cộng sản lớn nhất.

Cuộc khủng hoảng này nếu ta chỉ thấy những sự kiện rời rạc liên tiếp trong các báo hàng ngày, có thể coi như không đến nỗi nào, nhưng nếu đem gom góp cả lại như nhà quan sát Stanley Karnow đã trình bày sau đây trong tờ tạp chí quốc tế « Life » (vol. 34, 4067) ta mới thấy rõ vẻ trầm trọng của nó.

Một điều cốt yếu, là Mác-tư-khoa và Bắc-kinh xung đột về phương tiện chứ không phải về cứu cánh. Cả hai đều nhằm mục đích tác tạo một thế giới Cộng sản. Nhưng đi đến mục đích ấy bằng cách nào, đó

mới là vấn đề. Do hòa bình hay chiến tranh, tiến hóa hay cách mạng và dưới quyền hướng dẫn của ai ? Lãnh tụ Cộng sản Nga - sô Kút-sép hô hào mọi đảng viên cộng sản hợp nhất và vận động hồ cho đúng giờ với nhau, nhưng Cộng sản Tàu đặt ngón tay vào trung tâm vấn đề khi họ hỏi : « Phải theo đồng hồ của ai ? »

Do một phần, cuộc xung đột là giữa một nước giàu và một nước nghèo, giữa nước Nga với kỹ nghệ tân tiến, có vũ khí nguyên tử, với một nước Tàu chậm tiến, không nuôi nổi dân số luôn luôn tăng gia của mình. Cuộc cạnh tranh này cũng phản chiếu hai kinh nghiệm cách mạng khác nhau. Đảng Cộng sản Nga có tính cách căn bản là chính trị, có lực lượng ở các đô thị, và trong cuộc chiến đấu đã đắc thắng hầu như tức thì. Đảng Cộng sản Tàu lúc đầu là một quân đội du kích, hoạt động ở miền thôn quê và phải mất gần 30 năm để chinh phục nước Tàu. Lại thêm là Trung Cộng đã đứng hầu như biệt lập với cộng đồng quốc tế, như ở ngoài vòng, có thể theo đuổi một chính sách vô trách nhiệm, quá khích hơn Nga, vì Nga còn cảm thấy phải giữ ít nhiều thể diện trên thế giới. Sau hết còn một điểm khác biệt ở hai nhân vật chủ động : Mao Trạch-Đông tự coi mình như một hòa hợp giữa Karl Marx và Thiên-tử Trung quốc, trước mắt ông, Kút-sép chả có gì hơn một tay chính trị tầm thường.

Sau các điểm khác biệt ấy còn cả một lịch sử. Từ thượng cổ miền

trên khỏi cộng sản

đất Trung Á vẫn là một vùng lộn xộn. Cách đây hơn 2000 năm người Tàu đã xây Vạn lý trường-thành để chống các cuộc xâm lăng tự phương Bắc. Về mấy thế kỷ sau, dân Nga phải chiến đấu để tự giải phóng khỏi ách đô hộ Mông Cổ và các bà mẹ Nga vẫn còn dọa trẻ con bằng những câu chuyện người Tàu và Mông-cổ độc địa. Ngay trong thế kỷ vừa qua, Nga đã chiếm cứ hay kiểm soát những miền mà Trung quốc coi là của mình. Các bản địa đồ do Trung-Cộng xuất bản gần đây (năm 1960) trình bày nhiều miền đất Nga như Kazakhstan, Kirghizia và Tajikistan, cũng như một phần đông bắc Tây-bá-lợi-á gồm cả hải cảng Vladivostok, như « đất đai Trung quốc bị đế quốc chiếm cứ. » Chính Mao Trạch Đông đã tuyên bố đất Ngoại Mông, kiện chư hầu Nga Sô, là của Tàu.

Cuộc tranh chấp về những « vong địa » vẫn còn sôi nổi ở Bắc kinh.

VẾT RẠN NÚT TRÊN KHỐI CỘNG SẢN

Trên tờ Dân Báo ngày 8 tháng 3 vừa qua, đảng Cộng sản Trung hoa ngỏ ý là « khi có đủ điều kiện » họ có thể đòi lại nhiều miền đất rộng lớn của Nga xô. Trung Cộng hiện cần đất cho một dân số mỗi năm tăng lên 15 triệu người, và trong mười năm vừa qua, nhiều cuộc di cư khổng lồ về miền Bắc đã được thực hiện dưới sự chỉ huy của đảng cộng sản. Mấy năm trước đây khi một chính khách Anh viếng Mạc tư Khoa có tiên đoán với Kút-sếp là một ngày kia người Tàu sẽ tràn lên phía Bắc vào Tây-bá-lợi-Á, hay về phía Nam vào Úc-dại-Lợi, Kút-sếp đáp : « Tôi rất đồng ý về Úc-dại-Lợi. »

Một sự kiện lịch sử khác cũng đưa lại cho người Tàu một lý do để nghi kỵ Nga xô. Mặc dầu Nga xô có giúp vào việc thành lập đảng Cộng sản Tàu vào khoảng 1920, nhưng vẫn chú trọng hơn về phong trào Quốc-dân đảng do một sĩ quan trẻ tuổi lãnh đạo, là Tưởng-giới-Thạch. Họ mời Tưởng-giới-Thạch đến Mạc tư Khoa, huấn luyện con trai của ông ở đây và gởi cố vấn chính trị và quân sự Nga cho quân đội quốc gia. Xít-ta-Lin không quan tâm lắm đến Trung-quốc, một nước mà ông không bao giờ hiểu thực sự, nên cho Quốc-dân đảng là một lực lượng chống đế quốc, mà hoạt động chỉ có lợi cho Cộng sản. Ông ra lệnh cho Cộng sản Tàu phải tùy phục vào Tưởng-giới-Thạch. Mặc dầu năm 1927 ở Thượng hải, Tưởng-giới-Thạch giết giáo giết hại đảng viên và muốn tiêu diệt đảng cộng sản ở Trung hoa, Xít-ta-lin vẫn hô hào Cộng sản Tàu phải cộng tác với Quốc-dân đảng. Nhưng nhiều đảng viên Cộng-sản sống sót, bất kể chỉ thị của Mạc-tư-Khoa, quần tụ dưới quyền của Mao-trạch-Đông và rút lui vào tỉnh Quảng Tây

để thành lập nền Cộng-hòa Xô-viết Trung hoa đầu tiên.

Ròng rã bao nhiêu năm, Mạc-tư-Khoa cứ từng thời kỳ, công kích Mao đi lạc đường lối và chế nhạo tổ chức nông thôn của ông. Các sự việc xảy ra trong thời kỳ ấy làm Mao nhận thấy là Cộng sản Trung hoa chỉ có thể tiến lên như một lực lượng độc lập, căn cứ các quyết định trên những thực tế nước Tàu chứ không phải trên sự từng phục Nga-sô. Mao cũng bắt đầu nghi ngờ luận thuyết của Nga-Sô là ở các miền chậm tiến, Cộng sản phải hợp tác với « tư sản quốc gia ».

Tuy nhiên Trung Cộng không dám liều lĩnh đoạn tuyệt với Mạc-tư-Khoa. Trong nhiều trường hợp vào khoảng năm 1930 họ vẫn tuân theo những mệnh lệnh của Nga xô mà nếu có thể họ tất làm ngược. Chẳng hạn một điều đã được chứng tỏ, là Xít-ta-lin đã khiến họ thả Tưởng-giới-Thạch khi bị bắt cóc do nhóm ly khai theo ảnh hưởng Cộng-sản. Xít-ta-lin cũng đã hô hào họ cộng tác với Trung-Hoa quốc gia để chiến đấu chống quân Nhật mà Nga xô coi như một mối đe dọa cho tương lai của mình ở Á Đông. Ngay sau thế giới chiến tranh thứ hai, Xít-ta-lin vẫn quan tâm nhiều về Nga Xô hơn là cho quyền lợi của đảng Cộng sản ở Trung quốc. Quân đội chiếm đóng của Nga Xô đã tháo đem về đến 2 tỷ Mỹ kim máy móc kỹ nghệ ở Mãn Châu, và các nhân viên ngoại giao Nga đã điều đình với Trung hoa quốc gia để giữ quyền lợi kinh tế đặc biệt trong tỉnh Sin-Kiang. Vì sợ Mỹ can thiệp vào Trung hoa có thể đưa đến thế giới chiến tranh mà ông muốn tránh, Xít-ta-lin cũng khuyên Trung-Cộng đừng mở cuộc tấn công Trung-hoa quốc gia. Về sau, với một niềm

thành thật hiếm có, Xít-ta-lin thú nhận mình đã lầm và « các đồng chí Tàu chứ không phải đồng chí Nga đã đúng lý ! »

Trước bao nhiêu vụ tính sai của Nga xô như thế, ta hiểu rằng Mao càng thêm tự tin vào kinh nghiệm, phán đoán và sáng kiến của mình. Ông gạt bỏ các cố gắng của Nga Xô thúc ông tổ chức đám vô sản thành thị và trái lại ông đem ra lý thuyết ngành Cộng sản đặc biệt của ông căn cứ trên nông dân. Lần lần ông đi đến chỗ tự đặt mình đồng hạng với Các-Mác và Lê-Nin như một lý thuyết gia Cộng sản có sáng kiến thiết lập những chiến lược mới cho cách mạng ở các nước chậm tiến. Như một tư tưởng gia Trung cộng đã viết : « Các-Mác và Lê-Nin là người Âu : họ viết bằng ngôn ngữ Âu-Châu về các lịch sử và văn đề Âu Châu, ít khi họ bàn luận đến Á Châu hay Trung-hoa... Mao-trạch-Đông là người Tàu... ông đã sáng tạo một hình thức Mác-xít Trung-hoa hay Á Châu. Trung quốc là một nước bán phong kiến, bán thuộc địa trong đó những đám đông con người sống gần biên giới sự chết đói, cày cuốc từng mảnh đất con. Kinh tế ở đây có tính cách nông nghiệp, lạc hậu và tàn nát... Có những điều kiện giống thế ở các nước khác miền Đông Nam Á. Đường lối Trung-quốc đã lựa chọn sẽ ảnh hưởng đến họ tất cả. »

Ngay sau khi kiểm soát được lục địa Trung-hoa năm 1949, đảng Cộng sản Trung quốc đã biểu dương sự quan trọng của mình trong phong trào cộng sản trên thế giới. Họ trưng ra « lý thuyết của Mao-trạch-Đông » mà Nga xô không công nhận, và họ lớn tiếng rêu rao cuộc cách mạng của họ là một « kiểu mẫu » cho việc nổi dậy ở Á Châu, Phi-Châu và Nam Mỹ. Nhưng ít lâu sau họ

VẾT RẠN NÚT TRÊN KHỐI CỘNG SẢN

lại tạm thời thôi không nói đến thuyết đặc biệt của Mao nữa, có lẽ chỉ vì Trung Cộng lại cần sự giúp đỡ của Nga Sô.

Theo những khế ước được ký kết giữa khoảng từ năm 1950 đến 1959, Nga-Sô cho Trung-Cộng vay 430 triệu Mỹ kim, thỏa thuận xây cất thêm hơn 300 xưởng kỹ nghệ tính giá trên 3 tỷ Mỹ kim, và gởi qua lối chừng mười ngàn chuyên gia Nga-Sô. Cuộc viện trợ này đã đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ nghệ to tát của Trung Cộng trong chương trình ngũ niên thứ nhất. Nhưng Nga Sô thương lượng giá cả rất khắt khe và dùng những mảnh lời xảo quyết. Họ bắt trả nợ bằng những lợi phẩm như khoáng chất, kim khí, tơ sợi và thực phẩm, lại bắt đánh giá bằng tiền Nga để họ có thể xoay sở cho dễ. Họ trả giá chừng 70 Mỹ kim một tấn đậu nành của Trung Cộng, mà trên thị trường đáng giá 120 Mỹ kim. Họ bắt Trung Cộng phải trả 8.300 Mỹ kim một xe chở hàng hiệu Nga sô, trong khi cũng một kiểu ấy của Tây phương chỉ bán bằng một phần ba giá ấy. Họ bán cho Trung-Cộng nửa ký đường hóa học Tchèque với giá tương đương 18 Mỹ kim, trong khi cũng thứ đường ấy của Đức chỉ bán giá 1 Mỹ kim. Họ mua lông heo của Trung cộng với giá rẻ mạt đến nỗi họ có thể bán lại ở Rotterdam (Hà lan) dưới giá thị trường ở Thượng hải.

Khi kinh tế Trung - cộng bắt đầu khủng hoảng sau 1958, Mạc - tư - khoa chỉ giúp Bắc - kinh bằng cách cho chịu lại số nợ ít lâu, và lại tìm cách quanh

co để làm mất mặt Trung - cộng bằng cách công bố các món nợ còn thiếu. Và đến năm 1960 khi cuộc tranh chấp Trung - Cộng Nga-Sô trở nên nghiêm trọng, Kút-sếp ra lệnh rút khỏi Trung-Hoa hàng ngàn chuyên gia Nga-Sô, và theo lời Trung-cộng tố cáo mới đây « đã dùng áp lực kinh tế và chính trị đến mức xé bỏ các thỏa thuận và khế ước một cách gian xảo và độc đoán ».

Cũng một cách ấy Nga gây cuộc chiến tranh Đại-Hàn, để Trung-Cộng cung cấp « chí nguyện quân », rồi bắt Bắc-kinh phải trả hàng tỷ Mỹ kim phí tổn vô trang. Người Tàu đã lớn tiếng cần nhân bị thiếu thịt ăn, vì phải gởi heo sang Nga để trả tiền nợ chiến tranh Đại Hàn.



CHO đến năm 1958 những chỗ xung khắc giữa Mạc tư Khoa và Bắc kinh còn giữ tính cách kín đáo, ngầm ngầm. Nhưng đến khoảng tháng 12 năm ấy, trong cuộc Đại hội thứ 20 của đảng cộng sản, Kút-sếp đưa ra những ý tưởng và chính sách làm đảo lộn cả thế giới Cộng-sản.

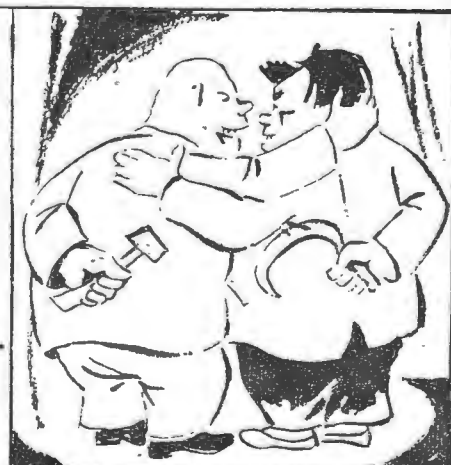
Kịch liệt nhất là cuộc tấn công Xít-ta-lin mới chết ba năm trước. Việc tố cáo tội ác của nhà độc tài quá cổ hăm ngụ là quyền kiểm soát của Nga Sô trên các đảng cộng sản ngoại quốc phải được nói rộng. Điều ấy thả lỏng những lực lượng ly tâm và đưa đến một tình trạng mà lãnh tụ đảng cộng sản Ý, Palmiro Togliatti gọi là « Cộng sản đa tâm ». Nhiều vụ sô sát bùng nổ ở Ba lan, dân Hung-gia-lợi khởi nghĩa và khối Cộng-sản có vẻ hướng đến chỗ tan rã. Trung Cộng can thiệp vào để hồi phục sự duy nhất và họ đề nghị là các đảng Cộng-sản đều hưởng những « tương quan bình đẳng » trong một thứ liên bang quốc tế cộng sản. Nhưng vấn đề liên quan các đảng vẫn chưa được giải quyết, và vẫn còn là một mối rắc rối nghiêm trọng trong khối Cộng-sản.

Nhiều nhà quan sát cộng sản cho rằng cuộc xung đột Nga Sô và Trung cộng bắt đầu trầm trọng vào cuối năm 1957. Sau một thời kỳ ngắn ngủi « trăm hoa đua nở », Trung cộng bỗng đột ngột xoay về chính sách cứng rắn. Dân chúng mới bị khổ sở về những vụ mất mùa đầy đe dọa

(xem tiếp trang 16)



Anh đi đường anh, tôi đường tôi...



Còn tình đâu nữa, thù đó thôi !
(Phóng theo báo ngoại quốc)

TRONG cuộc sống rất gay go và tẻ nhĩ hàng ngày, muốn đạt được kết quả cũng như muốn tránh thất bại đáng tiếc tất nhiên ta phải tổ chức một cuộc sống có nghệ thuật.

Cách sống có nghệ thuật nói đây, không phải là có ý nhắc đến cách sống của Chúc-Đà, Đinh-Vị, chỉ thu gọn cuộc đời vào một tác động xu-nịnh, cúi cò phất râu, hồng van xin lấy chút ân huệ của người ban cho ; cũng không phải cách sống của Ngô-Khởi chỉ nhằm nhằm mưu cầu danh vị, đến nỗi nhẫn tâm giết cả người bạn chí thân yêu là người vợ hiền của y để cầu được cất lên chức Đại-Tướng ; hoặc kể cả những cách sống khác nữa cũng chẳng kém ti tiện, phũ phàng, ngông cuồng, háo hắc. Đó đều là những cách sống phản nghệ - thuật, mất quân bình, hay nói khác đi nó là những cách sống bệnh-hoạn.

Sống có nghệ thuật ở đây là cách sống khôn ngoan, sâu sắc, là tự ý thức về bản tính của mình với những ưu và khuyết điểm. Lối sống này đòi hỏi một sự suy nghĩ, cân nhắc và luôn luôn có một quyết định loại dần những tính xấu ra khỏi con người. Chính vì thế mà lối sống này rất tẻ nhĩ.

Nay muốn sống cho có nghệ thuật, tất nhiên ta phải lo loại trừ ngay từ đầu kẻ thù số một của nó là lối sống mất quân bình tức lối sống bệnh hoạn. Một khi bệnh hoạn đã được diệt trừ, chúng ta sẽ tiến tới lối sống nghệ thuật một cách dễ dàng. Do đó, ta có thể nói « nghệ thuật đối lập với bệnh hoạn », hay nói một cách cụ thể hơn, sự hiện diện của nếp sống thứ nhất mặc nhiên chối bỏ nếp sống thứ hai, và ngược lại.

Thật thế, bất cứ con người trong tầng lớp nào, nếu biết tổ chức một cách sống có nghệ thuật thì cuộc đời sẽ tạo được nhiều dịp thêm bạn bớt thù. Đối với người thường thì cuộc đời sẽ thêm phần tươi vui, còn nếu là bậc vua chúa, nó có thể bảo vệ cho sự nghiệp được bền vững, và triều-đại được lâu dài.

Bệnh hoạn trong cuộc sống kẻ ra có rất nhiều. Sau đây xin mở xẻ mấy bệnh trầm trọng nhất mà cổ nhân đã nêu ra ; đó là 4 thứ bệnh :

- 1/ — Bệnh « Ngạo » là bệnh do ở lòng kiêu căng khinh đời gây ra.
- 2/ — Bệnh « Tích » là bệnh do ở lòng thiên lệch, không bình chính, không thông đạt phát ra.
- 3/ — Bệnh « Táo » là bệnh ở lòng nóng nảy, cấu kình phát ra.
- 4/ — Bệnh « Cấp » là bệnh do ở lòng hấp tấp, nông nổi ít suy nghĩ phát ra.

Đó là 4 đại bệnh thường nằm trong việc trị nhà, trị nước và cư xử với mình, với đời. Vậy muốn tổ chức một cuộc sống có nghệ thuật chúng ta phải nhất nhất lưu tâm đề khởi bị nhiễm phải, hoặc là đã nhiễm phải ít nhiều thì nên mau giải độc trừ căn và phải trừ ngay từ gốc thì sau này mới khỏi lo bệnh sẽ tái phát. Tuy nhiên, đã là người thì ít nhất cũng mang trong mình một phần nào những căn bệnh nguy hại đó. Cho nên muốn diệt trừ chúng, cần phải có một ý thức về mình để truy tìm và nhận ra chúng. Sau nữa, lại phải có một ý chí mạnh mẽ để gạt bỏ chúng ra ngoài không mấy may thương tiếc. Sự đòi hỏi này quả có lớn lao mà không dễ mấy ai đã làm nổi.

Sau đây là những mối nguy của 4 đại bệnh đó :

Người mắc bệnh « ngạo, tích » thường hay độc đoán cố chấp, hung hăng, cương cường. Phàm làm việc gì cũng theo ý mình, tuy vẫn biết ý đó là thiên lệch đi chăng nữa, cũng không chịu hoán cải cho hợp thể đạo nhân tâm. Người mắc

bệnh này, giàu thì ngạo mình giàu không thêm đề ý đến ai ; sang thì ngạo mình chức trọng quyền cao, coi đời là sâu bọ tầm thường, không đáng đề vào mắt ; có tài thì ngạo mạn cậy tài lên mặt khinh đời, tự coi mình như thánh thần ; nghèo thì ngạo cái chí của mình không thêm lụy ai ; hèn thì ngạo cái tính của mình, bất chấp thiên hạ. Do đó bệnh « ngạo, tích » tự đem từ từ cái họa mỗi ngày một to, làm tiêu hủy mất cả nghệ thuật sống ở đời.

Còn những người mắc bệnh « tảo, cấp » gặp sự gì hơi bị xúc phạm là biến sắc mặt, nổi giận dưng dưng: Nếu chẳng may gặp kẻ cương cường hơn thì tai họa xảy ra trước mắt. Ví dù có mạnh hơn người đi nữa thì rút cục cũng chỉ thấy có tổn hại mà không có ích lợi, có chia rẽ mà không đoàn kết, thật là một bệnh nguy hiểm hơn bệnh « ngạo, tích » nhiều. Cho nên thầy Mạnh-Tử đã nói : « Hãy giữ chí mình, chớ bạo khí mình ! » Đó là lời khuyên rất đích đáng.

Vả chẳng người mắc bệnh « tảo, cấp », lửa giận thường bùng bùng nổi lên, lửa này là do « hỏa khí » nằm trong thận thủy bốc lên đốt cháy tạng phủ làm cho tiêu ma chân khí con người, cho nên kẻ giận nào mày mặt cũng đỏ gay, hoặc tái mét, hoặc xám ngoét hay trắng bệch (tùy theo sắc mặt từng người), và đầu óc thì nặng trĩu, nhức buốt, mắt đỏ và nước mắt trào ra, chân lạnh toát thân thái hôn mê, lý trí hỗn hoặc, vì thể xét việc thường hồ đồ. Nhất là đối với người tuổi còn trẻ, khí mạnh bốc lên còn dữ nên cần phải tránh có sự động khí.

Xét ra bệnh « tảo, cấp » đem tai họa lại mau chóng, bệnh « ngạo, tích » đem tai họa lại từ từ, nhưng tóm lại 4 bệnh này đều là trọng bệnh cho nghệ thuật sống cả. Ai mắc phải nó thì cuộc đời chỉ có thất bại mà ít thành công, có đổ vỡ mà ít xây dựng. Kẻ lớn thì họa lớn, kẻ nhỏ thì họa nhỏ. Bên trong nó làm tổn thương thân thể, bên ngoài nó làm tổn thương tình đời, khiến cho người đời thường bỏ mà đi hơn là tìm mà đến. Đó là những đại bệnh ai lỡ mắc rồi cần phải chữa ngay. Nhưng chữa bằng cách nào ?

Theo bài học khôn ngoan qua đạo lý của thánh hiền cũng như cách xử trí khéo léo của bậc minh triết đề lại thì bậc thượng đẳng (vua, chúa) nếu chẳng may mắc phải 4 bệnh này nên dùng hai chữ « Khoan thứ » mà trị ; bậc trung đẳng (quan) mắc phải nên dùng hai chữ « Khiêm ái » mà trị ; bậc hạ đẳng (dân) phải nên dùng 2 chữ « Nhẫn nại » mà trị. Đó là những phương thuốc kiến hiệu vô song. Khi 3 phương thuốc đó đã dùng rồi thì 4 bệnh « ngạo, tích, tảo, cấp » tức thời phải hết. Đó là 3 phương thuốc có thể chữa được các bệnh tâm, bệnh lỗi lầm, bệnh nghèo, bệnh chết yểu, hay nói rộng ra 3 phương thuốc đó có thể bảo toàn được thân danh, tính mệnh không những riêng cho mình mà đến cả gia đình cũng khỏi nghiệt tử bại vong. Thật là môn thuốc thoát thai, hóa khí, đổi cốt thay hình một cách mau nhiệm, không phải là thường.

Luận về nghệ thuật sống ở đời của người xưa qua 4 căn bệnh và 3 phương thuốc chữa trên đây ta thấy thực là tinh vi đầy đủ. Mặc dầu lúc mới thoạt đọc, không cảm thấy có gì lạ, nhưng nếu ta đề ý nhận xét kỹ càng thì thấy trong lịch sử từ ngàn xưa đến nay, những bậc vương hầu khanh tướng làm nên sự nghiệp vẻ vang, hay trái lại, đề cho giang sơn nghiêng ngả phần lớn cũng là do sự biết tránh hay không và chịu chữa hay không 4 đại bệnh trên kia đó thôi.

Xem như thế, sự tổ chức một cuộc sống có nghệ thuật theo phương pháp của người xưa đề lại là một việc đáng khiến cho chúng ta phải lưu ý.

☆ Ph. ng. Khuê

(TIẾP THEO TRANG 13)

phá hoại cả các chương trình kinh tế, và các lý thuyết gia trong phẩm trật Cộng-sản, từ trước vẫn hô hào phải có những chương trình phát triển mạnh mẽ, được đưa ra trước ánh sáng. Họ muốn cho đi đôi những chính sách bạo dạn đối nội, với những hành động quyết liệt đối ngoại. Cũng vào khoảng thời ấy, Nga Sô mới thí nghiệm được một hỏa tiễn xuyên qua lục địa và đã thành công với quả « Sputnik » đầu tiên. Những sự kiện ấy làm Mao-trạch-Đông cho rằng lực lượng Cộng-Sản đã vượt xa lực lượng của « đế quốc ». Ông gọi Mỹ là « cọp giấy » và muốn Kút-sếp theo ông để tổ một thái độ khiêu khích hơn đối với thế giới không Cộng-Sản. Có lẽ ông cũng tin tưởng lúc ấy, như có nhiên bằng cứ cho biết, là Kút-sếp có ý chia sẻ vô khí nguyên tử cho Trung Cộng.

Kút-sếp lại hiểu tình trạng quốc tế một cách khác hẳn. Ông thừa nhận là hỏa tiễn xuyên lục địa và quả Sputnik đã tăng lực lượng Cộng sản, nhưng không cho là khối Cộng sản mạnh hơn khối tự do nhiều lắm. Thay vào một thái độ công kích và không muốn khuyến khích những vụ xung đột lật vật có thể đưa Tây phương đến chỗ sử dụng nguyên tử, Kút-sếp lại quả quyết là Cộng-sản có thể thắng bằng cách « cạnh tranh hòa bình ». Ông phản đối lý thuyết của Lê-nin cho rằng chiến tranh không thể tránh được bao lâu khi còn có tư bản, và ngờ ý Cộng-sản có thể chiếm chính quyền bằng những cách thức đại nghị. Đây là một quan niệm của thuyết Cộng sản sơ khai, là Cộng - sản sẽ thắng đó các hoạt động kinh tế và xã hội hơn là quân sự thuần túy. Những điều ấy là tà thuyết đối

với Mao trạch Đông chỉ tin tưởng câu châm ngôn của ông là « chính quyền mọc ra ở cái nòng súng ».

Cuộc tranh chấp Nga Sô - Trung Cộng về chiến lược đại thể lại trở nên trầm trọng hơn do cuộc tranh luận về « công - xã » sáng kiến của Trung cộng để huy động nhân lực cho « bước nhảy vọt » năm 1958. Bắc Kinh quả quyết rằng chương trình mới này không những giải quyết được vấn đề thực phẩm cho Trung Quốc, mà lại làm nhanh chóng hơn cuộc biến chuyển đến chế độ Cộng - Sản. Đối với Nga Sô, đây đúng là một cử chỉ phô trương của Trung Cộng cho rằng mình đã vượt cả Nga Sô trên đường ảo mộng, và các báo ở Mạc-tư-Khoa đặt tên cho ý kiến ấy là « hoài bão tư tưởng ». Kút-sếp tỏ một thái độ thiết thực hơn. Trong một cuộc phỏng vấn với thượng nghị viên Mỹ Hubert H. Humphrey, ông nói rằng Công-xã sẽ thất bại « vì không có thể sản xuất nếu không có sự kích thích ». Ông Humphrey cho là câu nói ấy có vẻ tư bản, thì Kút-sếp đáp : « Muốn gọi nó là gì thì gọi, nhưng nó có công hiệu ».

Mặc dầu có vẻ viển vông và lý thuyết, ý kiến của Trung-Cộng có công dụng thực sự. Nhưng theo giáo sư Denald Zagoria ở Đại học Columbia, đối với Nga, chịu nhận chế độ Công - xã của Mao là chính sách có hiệu lực, tức là nhìn nhận quyền lãnh đạo của Bắc Kinh trong cuộc cách mạng ở Á Châu, Phi Châu và Nam Mỹ. Hai thái độ tương phản đối với chính trị Quốc-tế còn rõ rệt hơn nữa trong hoạt động cụ thể. Trong cuộc khủng hoảng ở Trung Đông năm 1958, Trung-Cộng lớn tiếng hô hào phải « đập vào đầu Anh Mỹ », trong khi Kút-Sếp đề nghị hội họp hội nghị tối cao và hội đồng An ninh để tránh

bạo lực. Ít lâu sau đó, khi Trung-Cộng bắt đầu oanh tạc Kim-Môn và Mã-Tổ, Kút-sếp có hứa sẽ bảo vệ Trung Cộng nếu bị tấn công, nhưng không đá động gì đến việc giúp Bắc Kinh xua đuổi hạm đội thứ bảy của Mỹ khỏi eo biển Đài Loan. Tháng 9 năm 1959, khi Trung-cộng sô sát với Ấn Độ ở biên giới, Mạc Tư Khoa gọi việc ấy là « bi đát và thâm khốc ». Mới đây, nhắc lại chuyện này, Trung-Cộng tố cáo thái độ trung lập của Nga Sô lúc ấy là sự chỉ trích Trung-Cộng, và thêm : « Đó là lần thứ nhất trong lịch sử mà một nước Cộng-Sản kết án một nước Cộng-Sản anh em khách, trong khi bị khiêu khích bằng vũ lực. »

Trong mấy năm sau đó, những vấn đề căn bản chia rẽ hai thủ đô Cộng-sản càng ngày càng xuất hiện rõ rệt. Căn cứ vào kinh nghiệm riêng của mình, Mao chủ trương cách mạng ở các vùng chậm tiến trong khi Kút-sếp bênh lập trường cộng tác với các lãnh tụ quốc gia « tư sản ». Vì đứng đầu một nước không có vô khí nguyên tử nên Mao không lấy làm quan trọng những nguy hiểm của chiến tranh nguyên tử. Ông nghĩ rằng Kút-sếp sẵn có trong tay những kỹ thuật quân sự tân thời, phải có thể hành động cứng rắn hơn. Nhưng khác với Trung Cộng, Nga-Sô, một nước đã kỹ nghệ hóa đến trình độ cao, nên bày ra nhiều tặc địch dễ làm mồi cho bom nguyên tử. Khi Mao gọi Mỹ là « cọp giấy » thì Kút-sếp gọi : « Cọp giấy với hàm răng nguyên tử » Và làm bao trùm các mối chia rẽ ấy còn một vấn đề rắc rối cho cả khối từ ngày Xít-tà-Lin qua đời, là « mối liên hệ giữa các đảng Cộng sản với nhau và ai là thủ lĩnh. »

Cuộc tranh chấp ăn sâu vào phong trào Cộng sản, chia rẽ Âu

với Á và gây ra khó khăn cả trong nội bộ nhiều đảng Cộng sản. Trong các cuộc hội nghị, người ta cố gắng che lấp sự chia rẽ trên giấy tờ. Nhưng sau mỗi lần hòa giải, những mâu thuẫn lại nổi lên trên mặt ngay. Trước sự đe dọa chiến tranh về vụ Cuba năm ngoái, Kút-sép đã khôn ngoan rút lui, và Trung Cộng được dịp gọi hành động ấy là một « Munich Cộng sản ». Khi Trung Cộng xâm chiếm Ấn Độ, Kút-sép tự đứng ra làm trung gian và kỳ thực bênh vực thủ tướng Nehru bằng cách gửi cho những phi cơ tối tân MIG-21 của Nga, thứ phi cơ chiến đấu mà Mạc tư Khoa chưa bao giờ cho Trung Cộng.

Như Edward Crankshaw đã nhận xét, Kút-sép đã khôn khéo xoay sở cho việc gây hấn giữa Bắc-kinh — Mạc tư Khoa xuất hiện như thực sự là việc gây hấn với toàn thể phong trào Cộng sản Quốc tế. Trong mấy tháng vừa qua trong những cuộc hội họp đảng Cộng sản ở Đông Âu, Trung Cộng luôn luôn bị cô lập và lép vế. Bên Đông Đức tháng giêng năm nay (1963) phái đoàn Trung Cộng đã bị la ó và phỉ nhổ do một đám đông giống như một lũ học trò trốn học. Sau việc ấy Kút-sép hình như cho là mình đã đi xa đủ rồi, ông phác vài cử chỉ làm hòa. Nhưng Trung Cộng không chịu người giận, Trong tháng hai và tháng ba sau đó, họ đã cho in khoảng 400.000 tiếng chữ rửa Mạc tư Khoa, với một giọng tố cáo táo bạo sau đó không một khối nhất thống nào có thể tồn tại được.

Vết rạn nứt càng ngày càng rộng giữa Mạc tư Khoa và Bắc Kinh không phải chỉ là một cuộc khẩu chiến. Căn cứ vào con số xuất cảng từ Nga Xô sang Trung Cộng, từ năm ngoái đã sụt mất 30%, người ta thấy Nga Xô đã giữ lại các cơ khí

Cuộc chiến tranh hiện tại là cuộc chiến tranh toàn diện, toàn dân, toàn quân. Do đó, sự đoàn kết của mọi thành phần, của mọi tầng lớp nhân dân là nhu cầu thiết yếu, là sứ mạng thiêng liêng.

Nên trong giai đoạn quyết liệt này, tình đoàn kết dân tộc càng phải thắt chặt, và nếu có những sự hiểu lầm nào, thì phải đồng tâm dàn xếp trên căn bản lương tri và ái quốc. Bởi vậy, những vấn đề liên quan tới Phật Giáo đã được giải quyết trong tinh thần trách nhiệm, mặc dầu Cộng sản quốc tế và tay sai cố kết với bọn đầu cơ chánh trị phát xít ẩn nấp dưới danh nghĩa dân chủ đã cố tình lợi dụng cơ hội để xúi giục chia rẽ bên trong, đầu độc dư luận bên ngoài. Song quốc dân đã sáng suốt đề phòng, và đặt quyền lợi tổ quốc và của sự thật lên trên quyền lợi riêng tư của mỗi người hay mỗi giới đã bắt đầu tự giác và giác ngộ đối với những mưu mô phản quốc phản dân của chúng.

Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa

kỹ nghệ và các hàng hóa khác cần thiết cho Trung Cộng. Nga Xô đã đóng cửa các sứ quán của họ tại các đô thị lớn ở Trung Quốc, và có bằng chứng rõ ràng là Nga hiện đang rất dè dặt trong việc viện trợ quân sự. Phần đông các cố vấn quân sự Nga đã rời bỏ Trung-Quốc, và người Tàu đã lên tiếng than phiền, vì thiếu các đồ phụ tùng cho các khí cụ quân sự do Nga đã cung cấp cho trong quá khứ. Và Trung cộng không thể nuôi một hy vọng đầu nhỏ nhặt nào về sự giúp đỡ của Nga Xô để tác tạo vô khí nguyên tử nữa.

Tuy nhiên cả Nga lẫn Tàu, không bên nào có thể mong có lợi trong một cuộc tuyệt giao hoàn toàn. Không có sự bảo vệ nguyên tử của Nga, Trung-cộng chỉ còn là một cường-quốc hạng nhì, rất dễ bị tấn công; không có mối liên minh của Tàu, địa vị của Nga bên Á-Châu sẽ bị yếu đi. Một vụ tuyệt giao bộc lộ có thể phá hoại cả phong trào Cộng-Sản vì chia rẽ các đảng Cộng-sản Âu Châu với các đảng ở Á-Châu, Phi Châu và Nam Mỹ. Nó lại có thể ảnh hưởng đến nội bộ của mỗi đảng Cộng sản nữa. Dư luận cho rằng

Trung-Cộng được ủng hộ mãnh liệt trong nhiều phong trào cách mạng ở các nước chậm tiến. Hơn nữa người ta tin rằng có thể có một nhóm thân Tàu chống Kút-sép ngay ở trong diện Cẩm-Linh nữa.

Vụ Trung-Cộng ly khai hiện nay đã khai triển một lực lượng riêng của mình nó có vẻ bất chấp mọi biện luận duy lý.

Thật ra cả hai bên đều rất muốn hòa giải được cuộc xung đột. Nhưng mỗi bên lại muốn hòa giải theo điều kiện của mình. Trung Cộng đã có mời Kút-sép qua viếng Bắc Kinh trong một ngày gần đây để thương lượng hòa giải, và như thế có thể đem trưng bày một bộ mặt thống nhất. Nhưng trừ một cuộc đầu hàng theo Mao, Kút-sép không thể ký kết một sự thỏa thuận nào có thể có giá trị lâu dài. Cái hố chia rẽ Cộng sản Đông và Tây hiện nay đã sâu và rộng quá để có thể được hàn gắn hay bắt cầu bằng sự nhượng bộ. Như Bắc - Kinh mới đây đã nhận xét: Phong trào Cộng sản Quốc-tế « quá đã đi tới một giai đoạn khủng hoảng ».

L.m.N.H. Trọng (theo báo Life)

PHẠM ĐỘC BỞI CHẤT

THALLIUM

* NGUYỄN-CÔNG-CHÁNH dịch thuật

N NGÀY 30 tháng 10 năm 1957, một thanh niên 23 tuổi được đưa đến cứu cấp tại bệnh viện CLAUDE BERNARD trong trạng thái hôn mê; người này lâm bệnh bại xuội tứ chi từ 15 hôm trước và bệnh tình biến chuyển nguy ngập. Tới bệnh viện, người ta ghi được các triệu chứng của bệnh thần kinh: trước là chứng cảm-giác trì-độn ở 2 tay và 2 chân (dysesthésie des pieds et des mains), kế đó là chứng tri-giác quá-mẫn ở phía dưới bàn chân (hyperesthésie plantaire), khiến cho người bệnh quá bị kích thích và mất ngủ. Bệnh liệt bại đã khởi sự từ dưới 2 chân rồi đi lần lên tới 2 tay và lên tới óc; động-mạch-áp được ghi lên tới 21-10. Và chẳng bệnh nhân này thoát chết được là nhờ cuộc giải phẫu khí quản (trachéotomie) để thực hiện một hệ thống hô hấp nhân tạo.

Liên tiếp trong mấy ngày, việc nghiên cứu bệnh vẫn nằm trong vòng lẩn quẩn, không tìm ra nguyên nhân, cho đến khi triệu chứng trúng độc bằng chất thallium phát lộ ra cho thấy bởi hiện tượng tóc của nạn nhân bắt đầu rụng lần cho đến sạch hết.

Đồng thời, các ông R. TRUHAUT và C. BOUDÈNE cũng phân chất nước tiểu của bệnh nhân và tìm thấy có dấu vết đáng kể của chất thallium bị bài tiết ra. Mặc dầu được các y sĩ trị bệnh cứu chữa tận tâm trên mọi phương diện, bệnh nhân này vẫn ở trong tình trạng mất trí và sống sót một đời vô vị kéo dài trong 3 năm...

Một trường hợp khác cũng được ghi nhận sau vụ vừa kể trên. Một thiếu nữ 24 tuổi được chở tới đường đường vì mắc phải bệnh xuội bại bắt đầu hành ở 2 chân và làm nhứt nhối trong các bắp thịt, nhứt là dưới bàn chân. Trên mặt bệnh nhân thì lở ở môi và nổi mụn dày đặc như trứng cá (acné au visage).

Các triệu chứng bệnh này xem giống với triệu chứng phạm độc thallium đã xảy ra hôm trước, nên lương y điều trị lưu ý chờ xem tới hiện tượng rụng tóc. Một bữa nọ, khi xem bệnh, một chùm tóc dính vào tay bác sĩ và liền khi đó, cuộc thí nghiệm nước tiểu cũng đem lại thêm một yếu tố quả quyết về sự hiện diện của thallium trong cơ thể. Trong vụ này việc cứu chữa

bệnh nhân có vẻ kịp thời hơn trước và đem lại kết quả mỹ mãn.

Trong 2 vụ trình trên đây, tuy rằng người ta không được biết chi tiết về sự trúng độc, nhưng lẽ tự nhiên là người ta phải nghĩ đến có kẻ phạm tội giết người.

Theo cuộc xem bệnh giải thích trên đây, việc trúng độc thallium có điểm riêng biệt: việc đoán ra nguyên nhân bệnh rất khó trong những ngày bệnh bắt đầu; trong vụ thứ nhứt, xét thấy nếu bệnh nhân không sống sót nhờ sự cứu cấp trong khi hiện tượng rụng tóc: chưa xảy ra thì chắc chắn không ai đoán ra được nguyên nhân thật sự của các chứng bệnh đã thấy.

Các vụ đầu độc người bằng thallium, hiện nay biến thành vấn đề thời sự. Trên sách báo, có những tác giả lợi dụng cốt chuyện loại ấy trong những thiên tiểu thuyết trinh thám; trên phương-diện hình-pháp-học, các bảng thống-kê cũng đã có ghi những con số đáng kể. Lần lần kẻ âm mưu hại người không còn dùng chất thạch tín như hồi xưa, vì chúng cho rằng chất thạch tín có những sự công phạt sanh ra các chứng bệnh mà phần nhiều ai cũng đã được biết.

Tại Hòa Lan, có ông J. PRICK, ở Pháp thì có ông R. TRUHAUT, đang lo nghiên-cứu đặc biệt về chất thallium, để thấu lường đầy đủ chi tiết về độc dược này, nhứt là trên phương diện hình-sự sau đó trên các lãnh vực phạm độc vì nghề nghiệp hay bởi sự rủi ro. Trong ngành y dược, người ta đã công nhận rằng chất thallium có hiệu nghiệm làm rụng tóc và lông.

CHẤT THALLIUM VÀ CÁC MUỐI THALLIUM.

Thallium thuộc về một nguyên chất được sắp hạng về mặt hóa học giữa thủy ngân và chì; người đã tìm ra nó hồi tháng 3 năm 1861 là nhà bác học CROOKES, người Anh, nhưn một cuộc phân tách chất cặn của một hợp chất có Sélénium và Tellure dùng trong cuộc nấu acide sulfurique. Dem xem trong phân-quang-kê (spectroscope), chất này phát ra một tia màu xanh lá cây (raie verte) rất chói sáng, mà từ trước người ta chưa từng thấy. Vì lý do trên ông CROOKES đã đề nghị đặt tên chất mới tìm thấy

là « thallium », tiếng la-tinh « Thallus » thường được dùng để chỉ màu xanh tươi rướm rả của loài cây cỏ sum sê.

Năm 1862, Ô. LAMY đã phân ra được đơn chất « thallium » từ trong các bã chỉ dùng chế tạo ra acide sulfurique.

Thallium có tính chất như sau đây. nó là một loại kim thuộc về hạng nặng, không cứng lắm, có hai mức độ hóa trị trong các sự kết-hợp với chất khác, ví dụ nó sanh ra được «oxyde thalleux» và «oxyde thallique». Chất chuyển hóa của hợp-chất thứ nhứt là các muối « thalleux » phần nhiều tan trong nước; chất chuyển hóa của hợp chất thứ hai là các muối « thalliques». Ông TRUHAUT có đem thí nghiệm chất chuyển hóa D.L. 50 của Sulfate thalleux, đối với loài chuột bọ; hiệu nghiệm như sau: tiêm thuốc vô gân: 32, 8 mg/kg; tiêm dưới da: 41, 3 mg/kg; cho thấm vô theo lối miệng: 45, 6 mg/kg; đối với loài người, một tiểu lượng độc được loại ấy từ 1 tới 2 gr sẽ làm chết tức tốc. Độc được này cũng có hiệu nghiệm công phạt khi bị dồn dập lại; sự bài tiết nó ra khỏi cơ thể con người thì rất chậm; cách thắm độc xảy ra thường thường là do sự ăn uống, mà trong các trường hợp khác chất thallium cũng có thể đi vô theo hơi thở, hay là thắm vào da thịt.

PHÂN TÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP NHIỄM ĐỘC

Vào cuối thế kỷ vừa qua, muối thallium đã được đem ra sử dụng làm thuốc trị chứng đờ mồ hôi trộm cho người lao phổi, do các ông Combemale, Huchard, Vassaux đề xướng. Kể đó ông Sabouraud đem dùng nó làm thuốc trị bệnh sài đầu (traitement des teignes du cuir chevelu), bởi tính đặc biệt của nó làm rụng tóc và lông...

Nhưng sau một thời gian kinh nghiệm, có những tai nạn chết người đã xảy ra, cho nên chất thallium không còn được tiếp tục thông dụng để trị bệnh.

Trên lãnh vực hành nghề, ở các mỏ khai thác thallium, cũng như trong các ngành kỹ nghệ dùng đến chất này, ví dụ trong xưởng chế tạo thuốc trừ chuột bọ và thuốc trừ kiến, kỹ nghệ làm thủy tinh, kỹ nghệ chế tạo bóng đèn điện tungstène, kỹ nghệ chế tạo sơn phát quang màu xanh và vàng, kỹ nghệ chế tạo ngọc, bìa thạch, nhân công vận dụng hằng ngày chất thallium tất nhiên về lâu sẽ bị nhiễm độc và sanh ra bệnh hoạn.

Khi mà thuốc giết chuột hay thuốc trừ kiến được bán tự do trên thị trường cho công chúng mua dùng, tất nhiên không tránh khỏi tai nạn xảy ra bởi các sự nhầm lẫn của người vô ý tứ; người ta không quên

vụ trúng độc ghê gớm xảy ra ở Tulare (Tiểu bang Californie), có 21 người bị rủ ro trúng độc, trong số đó có 6 người chết, vì ăn nhầm lúa mì đã trộn bột giết chuột loại thallium.

Tác giả PRICK có ghi ở trang đầu quyển sách viết về độc dược thallium, câu tựa « Murder is easy » (giết người là việc dễ làm). Lời tựa này rất có ý nghĩa, vì các muối chuyển hóa của thallium không có mùi vị, khiến cho sự nguy dụng nó vào mục đích giết người trở thành một việc rất dễ làm.

Ở các phương trời xa đã có những vụ tương tự, như vụ Bà Martha Mareck, người Áo, đầu độc liên tiếp 2 người chồng, một đứa con gái, một người dì, và 1 bạn thân; vụ cô Grills, người Úc-đại-Lợi, tục gọi là « Tante Carrie » đã dùng độc dược thallium mưu toan giết chết 8 người một lượt, trong số có 5 người không thoát chết, còn 3 người may mắn được cứu chữa kịp thời.

SỰ BIẾN CHỨNG TRONG KHI TRÚNG ĐỘC

Người ta phân biệt được những trường hợp trúng độc mạnh mà nạn nhân đành cam chịu chết trong vòng 1 tuần lễ, những trường hợp trúng độc nhẹ và những trường hợp phạm độc kinh niên. Thật sự, trong giới y khoa hiện nay người ta không phân biệt 3 trường hợp kể trên. Một nạn nhân có thể nhờ đến sự hô hấp nhân tạo để thoát chết liền

sau khi bị độc dược công phạt làm cho nghẹt thở, nhưng trong thời gian sau, tình trạng bệnh kéo dài sẽ biến chuyển thuận lợi hay nguy hại cho tánh mạng tùy theo bộ thần kinh bị thuốc làm suy yếu nhiều hay ít.

Xưa kia rất có thể đã xảy ra rồi nhiều vụ trúng độc thallium mà các nạn nhân vì chết cấp kỳ, nên không đủ thì giờ để đem chữa bệnh; như vậy kẻ phạm pháp còn thung dung ngoài vòng pháp-luật.

Người ta phải chú ý tới triệu chứng quan trọng của chất thallium gây ra làm rụng lông tóc; triệu chứng này phát hiện ra tương đối rất muộn nên khó đoán trước ra bệnh.

Ngoài ra, nếu độc dược càng thắm nhiều vào cơ thể một người, thời gian công phạt ngấm ngấm của độc dược lại càng thâu ngắn lại; chứng bệnh phát ra dưới các hình thức như bọng dạ, mửa đồ ăn ra, đau bụng, tháo dạ; sau thời kỳ sơ khởi đó, bệnh nhơn sẽ

(xem tiếp trang 29)





KHẢO CỨU

của

**B
A
C
H
Y**

UT
63.

PHẦN THỨ NHẤT.— CHƯƠNG II

**NƯỚC PHÁP, ĐỊA ĐIỂM HOẠT-ĐỘNG
SỐ 1 TỪ 1920 ĐẾN 1936**

(TIẾP THEO)



thầy y trở về, lầy lăm lo ngại, đã hỏi thăm các bạn bè và cuối cùng bắt buộc phải đền báo cho cảnh-sát.

Nhắc lại năm 1917, trong lúc thế chiến thứ nhất đang tiếp diễn dữ dội, một cuộc cách mạng bùng nổ tại nước Nga lật đổ chế độ quân chủ Nga-Hoàng. Cuộc cách mạng lúc đầu có xu hướng hoàn toàn dân chủ đã được kềm chế trong vài tháng bởi các lãnh tụ xã hội như Kerensky, và vẫn tiếp tục chiến tranh chống Đức bên cạnh các nước đồng minh cổ truyền Anh-Pháp. Nhưng không bao lâu cuộc cách mạng này xoay chiều và hướng theo bọn Bôn-Sơ-Vít là bọn cộng-sản do đó Lénine cướp được chính quyền và ký kết hoà ước Brest Litovsk chấm dứt chiến tranh Nga-Đức. Trong khoảng thời gian này, nước Nga rối loạn ghê gớm. Hai tướng của quân đội Nga là Denikine và Wrangel liền đứng lên cầm đầu phong trào chống cách mạng của bọn Bôn-Sơ-Vít và cố gắng dùng vũ lực cướp lại chính quyền, nhưng vô hiệu. Lực lượng Nga « trắng » của hai tướng này

**Gián
Điệp
Nga-Sô-Viét**

**VỤ BẮT CỐC TƯỚNG KOUTIEPOV
THÁNG GIÊNG NĂM 1930.**

Tháng giêng năm 1930, tại giữa thành phố Ba-Lê, một người lồi 50 tuổi, có tên tuổi trong nhiều giới, đã thành linh bị mất tích giữa ban ngày, tại một góc đường. Gia-đình người ấy vì không

dù được Anh-Pháp hết sức giúp đỡ, nhất là Pháp đã can thiệp tại Hắc hải năm 1919, đều bị đánh bật ra khỏi lãnh thổ Nga và đến đây bắt đầu một cuộc lưu vong vĩ đại kéo dài trong nhiều tháng trời. Phần lớn lực lượng của Tướng Wrangel và dân chúng còn trung thành với Nga-Hoàng hay chống Cộng đã chạy sang ẩn náu tại bán đảo Gallipoli thuộc Thổ-Nhĩ-Kỳ dưới sự bảo vệ của lực lượng liên minh Anh-Pháp đang chiếm đóng thành phố Constantinople. Lực lượng Nga « trắng » này đều bị tước khí giới. Nhiều người khác chạy sang các nước vùng Ba-Nhĩ-Cán như Nam-Tur hay Lỗ-Mã-Ni. Thời kỳ này là thời kỳ mà dân bà Nga đang tìm chống Pháp để được nhập quốc tịch của chống. Rồi dần dần số người này, nạn nhân của một cuộc cách mạng, lần lượt lưu vong khắp nơi, nhất là sang Pháp mà số người Nga tỵ nạn đã lên đến 400.000, riêng lời 100.000 sống tại thủ đô Ba-Lê. Họ phải lo tìm sinh kế để tiếp tục sống chuỗi ngày lưu vong : họ mở các quán rượu, họ làm bất cứ nghề gì, nhiều sĩ quan Nga đã làm tài xế taxi. Họ vẫn đoàn kết và tự đặt dưới sự lãnh đạo của quận công Nicolas, chú của Nga - Hoàng Nicolas II, và một số tướng tá còn trung thành với chế độ Nga - Hoàng. Và đến đây bắt đầu vụ mất tích của tướng Koutieпов.

Tướng Wrangel hiểu ngay rằng một cuộc tranh đấu quân sự chống bọn Cộng-sản Nga sẽ không thể nào thành công, ông cho rằng cần chờ tình thế chín mùi và dân chúng Nga nổi lên làm hậu thuẫn mới có thể khởi thế công được. Việc này có thể còn lâu, một hay hai thế hệ nữa. Nhưng trong lúc ấy người Nga lưu vong không nên ngừng tranh đấu. Cuộc tranh đấu này phải được hướng về các công tác phá hoại được điều khiển từ hải ngoại để chống bọn Cộng-sản đang cầm quyền trong nước. Mười năm trôi qua và ngày 26 tháng 4 năm 1928, tướng Wrangel chết tại Bruxelles, thủ đô Bỉ. Người ta cho rằng ông bị đầu độc. Và gần một năm sau, tháng giêng năm 1929 quận công Nicolas cũng rời bỏ cõi đời.

Tướng Koutieпов, phụ tá của tướng Wrangel tiếp tục nhiệm vụ lãnh đạo người Nga lưu vong. Ông là chủ tịch « Hội Ái-hữu Cựu Chiến sĩ Nga » tại hải ngoại.

Pavel Alexandrovitch Koutieпов là một tướng có tài, lúc 36 tuổi đã là người chỉ huy vệ binh của Nga-Hoàng. Người tầm thước, nhưng to lớn và mạnh mẽ, can đảm có thừa, kỷ luật gương mẫu

Tướng Koutieпов là một chiến sĩ, một quân nhân từ chân lông kẻ tóc. Tháng 3 năm 1924, quận công Nicolas đã giao cho ông nhiệm vụ điều khiển tất cả các tổ chức mật vụ của Hội Cựu Chiến-Sĩ Nga và ông đã làm cho bọn gián điệp, tay sai của Cộng-sản nhiều phen thất điên bát đảo trên đất Pháp cũng như tại các nước khác. Nhưng thời cuộc dần thay đổi, Pháp đã lập lại liên lạc ngoại giao với Nga Sô-Viết, một tòa Đại sứ Nga đã hoạt động tại Ba-Lê, nhưng hai chính phủ vẫn còn nghi ngại nhau vì họ chưa quên được cuộc chống đối nhau hồi năm 1917, cũng như các chính phủ Pháp nối tiếp nhau vẫn theo dõi cuộc tranh đấu giữa người Nga « trắng » và Nga « đỏ ». Chính phủ Pháp phải thành lập tại các cơ quan Công-an và Cảnh-sát một bộ phận chuyên phụ trách các vấn đề của người Nga.

Tướng Koutieпов thường hay di chuyển luôn. Ông vẫn dư biết cái hân hạnh được bọn Nga « đỏ » chú ý theo dõi, nhưng không phải vì thế mà ông tỏ vẻ quá lo ngại. Vì muốn tiết kiệm nhân lực, ông không chịu có người hộ vệ riêng, ông vẫn tin tưởng vào sự bảo vệ của một đội tác-xi đặc biệt có nhiệm vụ che chở cho ông và tránh cho ông việc sử-dụng các phương tiện di chuyển không chắc chắn.

Từ Nam-Tur đến Pháp năm 1924, ông đã lưu trú cùng gia đình gồm vợ và một đứa con trai nhỏ tại đường Rousselet thuộc quận 7 Ba-Lê. Đầu tháng giêng năm 1930, ông đã đến thành phố Nice, miền Nam nước Pháp chủ tọa lễ đặt bằng đồng kỷ niệm quận công Nicolas. Trở về Ba-Lê vài ngày sau, ông lại lên đường đi Bá-Linh ngày 17 với một nhiệm vụ « bí mật ». Ngày 25, ông dự lễ kỷ niệm hàng năm Hội Cựu Chiến-sĩ Nga và qua ngày hôm sau thì ông bị mất tích.

Là một tín đồ công giáo, mỗi chúa nhật ông đi lễ tại nhà thờ riêng của các chiến sĩ Nga lưu vong tại số 81 đường Mademoiselle thuộc quận XV. Chúa nhật 26 tháng giêng này vì có cuộc lễ cầu hồn cho một người bạn vừa chết nên Koutieпов đã hứa trước nhất định sẽ có mặt. Chủ-tịch Hội Cựu Chiến-Sĩ Gallipoli là Tướng Repzev đang đợi ông trước nhà thờ. Nhưng mãi đến quá giờ hẹn mà không thấy ông đến. Việc này làm mọi người đều ngạc nhiên vì ai cũng dự rõ Tướng Koutieпов là người luôn luôn đúng hẹn.

Tướng Koutieпов rời khỏi nhà hồi 10g30 và đã hứa với vợ sẽ trở về trễ nhất là hồi 13 giờ.

Nhưng thời gian qua mà không thấy ông trở lại. Đến 15 giờ vợ ông phải báo động và gửi vị sĩ quan tùy viên của ông đi tìm ông khắp nơi nhưng tuyệt nhiên không thấy ông đâu cả. Đến 22 giờ ngày ấy, Tướng Miller phụ tá của ông mới báo cho cảnh-sát Pháp. Bà Koutieпов đã vô đơn kiện kẻ vô danh đã bắt cóc và giam giữ trái phép chồng bà. Lúc ấy Thủ-Tướng Pháp là André Tardieu đang phó hội tại Luân-Đôn về vấn đề giải trang hải quân, đã đánh điện ra lệnh mở ngay cuộc điều tra. Bốn trăm nhân viên công an được huy động để thi hành công tác này dưới quyền điều khiển của Thanh-tra Faux Pas Bidet.



KHOẢNG năm 1930 là thời kỳ tương đối yên tĩnh trên toàn cõi nước Pháp. Một trường hợp người mất tích một cách bí mật như trường hợp Tướng Koutieпов giữa ban ngày, tại trung tâm thành phố ánh sáng Ba.Lê đã gây một sự xúc động mãnh liệt trong các chính giới và dư luận Pháp, và dư luận đã không ngần ngại tố cáo ngay chính bọn gián điệp Nga-Sô-Việt là những kẻ bắt cóc Tướng này.

Những lời khai của nhiều người chứng đầu tiên không đưa lại được kết quả nào đáng kể. Cảnh-sát liền tìm cách lập lại thời giờ của Tướng Koutieпов sau khi ra khỏi nhà riêng. Người ta nhận thấy ông đi ngoài đường, người ta cũng nhận thấy ông tại con đường Sèvres và ông đang đi về hướng đại lộ Invalides, hồi 11 giờ ông được nhận thấy tại góc đại lộ này, gần trạm tàu điện số 86 và hình như ông đang chờ đợi một người. Rồi người ta cũng nhận thấy ông đi theo đại lộ Invalides hướng về đường Oudinot và đến đây không còn ai nhận thấy ông nữa. Nhưng có một điều chắc chắn : ông không đi về ngã đường Mademoiselle. Vậy thì ông đã làm gì tại đại lộ Invalides ?

Báo chí Pháp bình luận gắt gao về vụ mất tích này và theo dõi cuộc điều tra của nhà cầm quyền,

Một số người chứng lại đền khai với cảnh-sát ngày 29 tháng giêng.

Trong số các nhân chứng mới này có 2 vị tu sĩ : thầy Denis của Trại Thiều-niên tàn tật và nghèo khổ và cha Robert giám đốc bệnh viện Saint Jean de Dieu. Họ cùng đền khai với cảnh-sát rằng có một thiếu niên tên Auguste Steinmetz của trại đã nhận thấy, ngày chúa nhật vừa qua hồi 11 giờ trong lúc đang giữ nệm trên căn phòng trước cửa bệnh viện đầu đường Rousselet, hai chiếc ô-tô đang đậu dưới đường và một cảnh binh đang đứng gần đây. Một chiếc màu xanh, cửa mở sẵn. Hai người lạ mặt cũng đang đứng cạnh xe hướng về đại lộ Invalides. Chiếc thứ hai là một tắc xi màu đỏ đậu trên đường Oudinot cản ngá đi vào đường Rousselet, đầu xe cũng hướng về ngả Invalides. Rồi thỉnh thoảng xe đều cho nổ máy, trong lúc có một người mập mạp, để râu, mặc chiếc áo ngoài màu sẫm, đầu có mũ, vừa từ đường Oudinot đi đến, sắp rẽ sang đường Rousselet. Người này sau này được Steinmetz xác nhận là tướng Poutieпов khi Cảnh-sát đưa ảnh cho hắn xem. Hai người đàn ông đứng cạnh chiếc ô-tô thứ nhất liền nhảy đèn năm lần người có râu mỗi người giữ một tay đồng thời đẩy mạnh người này vào ô-tô mà cửa đang mở sẵn. Người có râu đã chống cự mãnh liệt. Việc xảy ra trong vòng vài sao đồng hồ. Tên cảnh binh đang đứng gần đây cũng nhảy lên xe ngồi cạnh tài xế và hai chiếc ô-tô vụt chạy về hướng đại lộ Invalides...



Từ đây, cảnh-sát cố gắng theo dấu hai chiếc ô-tô này và được nhiều nhân chứng khác xác nhận thêm :

— 11g05, một cảnh sát viên gác tại đại lộ Villars đã nhận thấy 2 chiếc ô-tô này đi qua và trong xe trước có cuộc xô xát, nhưng vì thấy có đồng nghiệp mình ngồi phía trước nên cho rằng việc này không có gì lạ : một vụ bắt bớ sôi nổi.

— 11g10, trên cầu Alma, một bà tên Flottes có nhận thấy trong lúc kẹt xe, chiếc ô-tô xanh trong

ây có một người đang dùng khăn mu-xoa拭 vào mặt một người khác đang đẩy dũa. Trên băng trước một cảnh binh đang ngồi với tài xế. Bà đèn cạnh xe và hỏi thăm viên cảnh-sát và được người ta cho biết rằng đây là một người bị tai nạn đang được cho người ê-te để đỡ đau và sắp được đưa vào bệnh viện. Bà Flottes tưởng thật và trong lúc ấy xe lại tiếp tục chạy về hướng bên Branly.

— 11g20, hai chiếc ô-tô lại được nhận thấy tại ngã Saint Cloud.

— 12g, lại được nhận thấy tại khu Rivière Thibouville.

— 13g30, hai chiếc ô-tô dừng lại công tàu hỏa Pont Evêque và Trouville.

— 13g40, đang tiến vào con đường số 27 hướng về Cabourg.

Giữa đường đi Cabourg có một nơi vắng vẻ của bờ biển Vaches.Noires cao và gập ghềnh, từ làng Auberville đèn đây bằng một con đường mòn nhỏ.

— 14g, hai chiếc ô-tô lại được nhận thấy đậu tại ngã tư hai con đường 27 và 163 cạnh một miếng vườn được gọi là Croix d' Henland. Những người đi xe trong ấy có một cảnh-binh và một thiếu phụ mặc áo choàng màu xám đang ngồi chơi trên bãi cỏ, mặc dù lúc ấy thời tiết cũng không lạnh gì lắm.

16g, hai khách du ngoạn nhận thấy có vài người đang khuân một cái bao bồ to dài, từ các gộp đá xuống tận bãi biển. Tại đây, một chiếc thuyền máy đang đợi sẵn, ngoài khơi một chiếc tàu hàng đang đậu. Người ta đặt chiếc bao xuống thuyền và lập tức thuyền nẩy chạy ra hướng tàu hàng. Những người khuân bao liền trở lên, vào hai chiếc ô-tô và chạy đi.

— 16g30, hai chiếc ô-tô này đi qua thành phố Bonneville sur Touques và được ông Thị-trưởng tại đây trông thấy nhận có một trong những người trong xe là tên Yanovitch nhà ở Villers sur Mer. Tên Yanovitch, sau này được biết là tài xế riêng của Staline, là tên chỉ huy đoàn vệ sĩ của nhà độc tài đỏ. Hắn bị thanh trừng và mất tích vào khoảng năm 1937.

— 17g, hai chiếc ô-tô được nhận thấy chạy qua cầu Port Evêque hướng về Ba-Lê.

Đèn đây không tìm được dấu vết vì của nó nữa.

Nhưng với các chi tiết kể trên, người ta cũng nhận thấy rằng cuộc bắt cóc Tướng Koutie-pov được tổ chức vô cùng chu đáo và các thủ phạm đã biết rõ được là Tướng này không đi vào con đường Mademoiselle để đến nhà thờ và ông cũng không trở về nhà bằng con đường Oudinot trái lại ông đi thẳng vào cái bẫy của chúng đang giăng ra. Dù sao cảnh-sát cũng không đủ bằng cứ để buộc tội chế độ Nga-Sô-Việt thủ phạm vụ tổ chức bắt cóc này. Người ta có tìm Yanovitch nhưng lạ lùng thay hắn cũng mất tích. Vợ hắn lại vừa được Tòa Đại sứ Nga đưa sang Bỉ. Còn tên cảnh binh giả ? Bỉ-mật ! Có người cho rằng đã nhận thấy hắn thường có mặt tại đường Oudinot ... nhưng ai lại đi để ý đến một cảnh binh, người có bốn phận thay mặt luật pháp giữ gìn an ninh và trật tự ? Cuộc điều tra của công an về tung tích của tên cảnh binh giả hiệu này cũng không đưa đến kết quả nào. Cảnh sát thành phố Ba-Lê thì nhìn nhận không có đặt cảnh-binh nào tại góc đường Rousselet và Oudinot ngày ấy cả. Như vậy vai tướng của hắn thật là rõ rệt : hắn đứng đây để mọi người qua lại luôn cả Tướng Koutie-pov không nghi ngờ gì đến hai chiếc ô-tô đang đậu và đồng thời làm cho cuộc bắt cóc có vẻ là một cuộc bắt bớ hợp pháp. Tất cả các hiệu cho mượn y phục của Ba-Lê đều được hỏi đến và người ta được biết rằng vài bộ sắc phục cảnh binh đã được cho thuê, vì lúc ấy người ta đang ở giữa mùa ăn lễ hóa trang. Một bộ sắc phục Cảnh-binh không được trả lại, nhưng tiếc thay chủ hiệu lại không có địa chỉ, tên họ của kẻ đã mượn.

Lại còn chuyện của Trung-Ủy Fortunato, tài xế taxi riêng của Tướng Koutie-pov. Fortunato thuật lại một chuyện ly kỳ : ngày chúa nhật ấy anh thức dậy lỗi ro giờ sáng và anh còn nhớ đã thở ra khoan khoái khi sức nhớ rằng Tướng Koutie-pov thân mến của anh không cần xe ngày hôm ấy, nếu không thì anh dậy như thê quá trễ rồi. Sau đây anh ra đi. Khi nhìn lên đồng hồ của một nhà thờ anh giật mình vì nhận thấy đồng hồ tay của mình lại trễ mất trọn một giờ. Đã có người vào phòng anh để sửa đồng hồ tay của anh ? Và người ấy không biết rằng Tướng Koutie-pov đã cho phép anh nghỉ cũng như hắn có ý muốn rõ rệt không cho anh đi rước Koutie-pov đúng giờ như thường lệ.

Cả thủ-đô Ba-lê sôi nổi ; nhiều cuộc hội họp phản đối nhà cầm quyền nhiều cuộc lặc quyền

tự động đề giúp phương tiện cho cuộc điều tra. Ngày 4 tháng 2, Đại-sứ Nga-Sô là Dorgalevski chính thức phản kháng với Bộ Ngoại giao Pháp. Ngày 11 tháng 2, nghị-sĩ Quốc hội Pháp Ybarnégaray yêu cầu chính phủ tuyệt giao với Nga-Sô. Và qua ngày 17 cả nội các Pháp đổ vì một vấn đề tầm thường do một nghị-sĩ không tầm tiếng đặt ra. Cuộc khủng hoảng chính trị bắt đầu và trước khi Thủ-tướng André Tardieu trở lại chính quyền, dư luận đã quên vụ Koutieпов.

Tuy nhiên, cuộc điều tra còn cho biết thêm :

Chiếc tàu hàng còn đậu ngoài khơi Vaches Noires buổi chiều chúa nhật 26.1.1930 là một chiếc tàu Nga tên Spartak. Nó đến hải cảng Havres ngày 19, nhổ neo ngày 25 trên đường đi về hướng Tây và qua ngày 27 đến hải cảng Anvers để rồi ngay chiều hôm ấy lên đường đi Lénningrad.

Người ta nghi rằng tướng Koutieпов không thể đến được Mạc-Tư-Khoa và có thể ông đã chết dọc đường hoặc trên tàu Spartak. Vì mặc dù lực lưỡng nhưng ông mắc phải bệnh đau tim rất nặng khó chịu nổi khí bị bọ bắt cóc cho ông ngửi chất ê-te hay cồ-lô-rô-phốt (chloroforme). Nếu người ta chịu khó bắt cóc ông là vì người ta muốn mang ông ra xử một cách long trọng và được quảng cáo rầm rộ sau khi đã cần thận tẩy não ông, chứ không phải để thủ tiêu một kẻ cầm đầu người Nga trắng lưu vong. Vì ngay sau khi Tướng Koutieпов bị mất tích, đã có người khác lên thay thế.

ĐẾN LƯỢT TƯỚNG MILLER BỊ BẮT CỐC THÁNG 9 NĂM 1937

Người thay thế tướng Koutieпов để cầm đầu tổ chức người Nga trắng lưu vong không ai khác hơn là Trung tướng Miller, nguyên tuyền viên quân sự Nga-Sô tại nhiều nước, một tướng tham mưu có tài. Tướng Miller đang giữ chức vụ phụ tá cho Koutieпов trước ngày tướng này chưa bị bắt cóc.

Ngày 23 tháng 9 năm 1937, dân chúng Ba-Lê nhận thấy trên mặt báo tin quan trọng sau đây : «Tướng Miller người kế vị Koutieпов ở chức chủ tịch Hội Cựu Chiến-Sĩ Nga, đã mất tích tại Ba-Lê. Người ta cũng không biết số phận của cộng sự viên của ông là Đại-tá Skobline». Rồi tất cả báo chí đều đua nhau bình luận sự mất tích này, xảy ra trong hoàn cảnh tương tự như

sự mất tích của Tướng Koutieпов trước đó 7 năm.

Bảy năm sau đúng ngày 22 tháng 9 năm 1937, tướng Miller cũng bị bắt cóc mất tích. Bảy năm, bao nhiêu sự đổi thay mà những người được nhắc đến nhiều nhất là vợ chồng một sĩ quan Nga « trắng » đó là Skobline và vợ là Plevitzkaia, một danh ca người Nga.

Plevitzkaia sau này được dư luận Pháp và thế giới nói đến nhiều nhất vì nàng là bị cáo trong các vụ gián điệp được mang ra xử vào lúc thế giới chiến tranh thứ II sắp bùng nổ. Trong các giới người Nga lưu vong, nàng được biết là một ca sĩ có tài, đã từng được cái biệt hiệu « oanh vàng của Nga Hoàng ». Lúc xảy ra vụ bắt cóc tướng Miller, nàng là người đàn bà có tuổi, lối 50, nhưng vẫn còn giữ được những nét khêu gợi của tuổi thanh xuân. Nàng có một di vãng cũng sôi nổi như những người Nga lưu vong. Sinh tại vùng Koursk ở Nga trong một gia đình nghèo, ngày kia nàng đi theo một đám xiếc dạo để dần dần trở thành một nghệ sĩ có danh. Dưới thời Nga Hoàng, nàng đã từng đem giọng hát bi ai và vô cùng gợi cảm của mình giúp quần thần trong Nga triều cũng như binh sĩ ngoài mặt trận giải khuây. Và chính cái lúc lãnh nhiệm vụ giải trí cho binh sĩ Nga ngoài mặt trận mà nàng trở thành nhân tình của Đại-tá Skobline lúc ấy đang chiến đấu dưới quyền Tướng Kornilov. Tướng này là một vị anh hùng của mặt trận phía Đông, đã từng nhiều lượt suýt chọc thủng hàng ngũ liên quân Đức Áo. Có lẽ đây là một trong các tướng tài ba nhất của chế độ Nga Hoàng. Nhưng cuộc cách mạng tháng 10 đã làm tan rã hàng ngũ của lực lượng Nga mà ông không có cách nào hàn gắn lại được.

Skobline và Plevitzkaia cùng sở tàn quân Nga chạy sang quần đảo Gallipoli. Họ lầy nhau vào năm 1921, năm mà đàn bà Nga tìm chồng để được thay đổi quốc tịch. Plevitzkaia đẹp, nhưng thiếu học hay tin dị đoan và thích chưng diện. Sau khi lầy nhau, nàng đi hát, Skobline thì không làm gì cả. Năm 1928, người ta nhận thấy họ ở Nice, một thành phố miền Nam nước Pháp, trong cảnh thiếu thốn. Nhưng thịnh linh, họ lại được nhận thấy rất giàu có. Năm sau họ đến Ba-lê mua nhà và sắm ô-tô. Nàng Plevitzkaia thường được thấy trong các giới người Nga « trắng » nhất là những giới có liên lạc với Tướng Koutieпов.

Skobline vẫn sòng bám vào nàng. Sau đây lại có tiếng đồn nàng làm việc cho mặt vụ Nga-Sô.

Năm 1932, một tên thất nghiệp Nga trắng, Pavel Gorgulov đã ám sát Thủ tướng Pháp Paul Doumer mà lý do không ai được biết. Skobline lúc ấy bị tình nghi có dính dáng đến vụ này. Bị đưa ra trước một tòa án danh dự, hắn chứng minh được sự vô tội của mình và nội vụ được xếp. Năm 1935 Skobline là người chỉ huy tổ chức « Nga trắng » của thành phố Ba-Lê và trong thời gian sau không ai được biết hắn làm gì nữa.

Trong lúc ấy Skobline mưu phản.

Cũng như Tướng Koutieпов, Tướng Miller vẫn là người biết quá nhiều về cuộc cách mạng Nga Sô của bọn Cộng-sản và bị xem như một trong số kẻ thù địch quan trọng nhất của chế độ Staline. Chắc chắn ông là người có một vai tướng trong cuộc thanh trừng vĩ đại tại Nga dưới thời Staline, trong số nạn nhân có Tướng

Toukhatchevski và nhiều người khác ! Cơ quan mật vụ Nga sô quyết định bắt cóc ông như họ đã làm đối với Tướng Koutieпов. Ngày 22 tháng 9 năm 1937 là ngày họ quyết định ra tay.

Tướng Miller lúc ấy lồi 50 tuổi, người mạnh khỏe, dễ râu. Ông sống với vợ và hai người con gái tại Ba-Lê. Ông cũng có một người con trai đã thành gia thất lúc ấy đang làm việc tại Nam Tư. Ông sống một cuộc đời đạm bạc cả ngày ông vẫn làm việc tại trụ sở của Hội Ái hữu Chiến sĩ Nga mà ông là chủ tịch. Thường ông vẫn dùng bữa trưa tại văn phòng không về nhà.

Nhưng ngày 22 tháng 9, trái với thường lệ ông rời khỏi văn phòng vào lúc 12g10 và trước khi ra đi đã gọi sĩ quan tham mưu của ông là Tướng Paul Kussonsky để cho biết là ông có hẹn và sẽ trở về ngay.

Nhưng, ông nói, nếu tôi không về thì anh hãy mở thư này ra để biết mọi việc.

Kussonsky nhận lấy bao thư dán kín, bỏ vào hộc tủ và không nghĩ đến nó nữa. Trong lúc ấy Tướng Miller ra đi và từ đây người ta không còn thấy ông nữa.

Vợ chồng Skobline lúc ấy vẫn ngụ ở Ba-Lê, tại một khách sạn nhỏ. Ngày hôm ấy họ phải đến nhà ga để đưa vài người bạn Nga trở về Bỉ sau

khi sang Pháp thăm bạn bè. Người ta cũng nhận thấy họ có dùng bữa tại một hiệu ăn người Nga đường Longchamp và sau đây thì Skobline đưa vợ đến hiệu may để chọn áo. Hắn bỏ vợ xuống tại hiệu may Caroline và hứa sẽ quay lại rước. Lúc ấy là 12g30. Nàng Plevitzkaia thử áo suốt một giờ và quyết định ra đi vào lúc 13g40. Vừa bước ra khỏi cửa hiệu may, xe của Skobline cũng vừa đến, về mặt hốt hoảng hắn xin lỗi vợ vì xe hỏng và hai vợ chồng vội vã lên xe để ra ga ngay vì hắn đã trễ hẹn với các người bạn mà hắn có bốn phận phải đến rước họ cùng đi. Đưa bạn lên tàu hỏa xong, từ nhà ga ra, vợ chồng Skobline liền đi đến nhà Tướng Miller và tại đây họ được bà Miller cho biết là chồng bà chưa về ... Kể đây người ta nghĩ rằng hai vợ chồng Skobline lại quay về nhà riêng ở ngoại ô một lúc trước khi trở lại khách sạn ở Ba-Lê.

Hối 17 giờ, tại trụ sở Hội Cựu Chiến-sĩ Nga, số 29 đường Colisée, nhiều người khách đang đợi Tướng Millero. Tướng Kussonsky cũng đi khỏi. Đến 20 giờ, bà Miller có điện thoại đến cho người gác trụ sở để thăm tin tức chồng nhưng không ai được biết Tướng Miller đâu cả. Bà Miller lo sợ là lập tức cho tất cả bạn bè hay vì bà chắc chắn rằng, cũng như Tướng Koutieпов, chồng bà là một người rất đúng hẹn.

Khi hay tin Tướng Miller mất tích, Kussonsky mới chợt nhớ đến bức thư. Ông lật đặt đi ngay đến trụ sở tìm mở bức thư ra xem. Thư viết như sau :

« Hôm nay lúc 12g30, tôi có hẹn với Đại-Tá Skobline tại góc đường Jasmin và Raffet. Hắn phải dắt tôi đến nơi hẹn với một sĩ quan Đức tên Stralmann, được biết là tùy viên quân sự tại một nước Ba-Nhi-Cán và một người tên Wagner làm việc tại Tòa Đại sứ Ba-Lê. Cuộc hội kiến này do Skobline tổ chức. Có thể đó là một cái bẫy. Do đó tôi để lại giấy này nếu trường hợp ấy xảy ra ».

Kussonsky cũng nhớ đến lời than phiền trước đây của tướng Miller: « Nếu cần phải đến một cuộc hẹn hơi nghi ngờ, ta phải để lại vài lời, chính điều mà tướng Koutieпов không làm ».

(xem tiếp trang 36)



CHUYỆN CÁC GIÁN - ĐIỆP MỸ

* NGUYỄN - ĐẠI lược thuật

TRÊN... KHÔNG

GẦN trưa hôm đó, Tổng Thống lại tiếp kiến Ngoại-trưởng Xô-Việt Andrei Gromyko theo chương trình định trước. Andrei Gromyko nói chuyện Nga định ký hòa ước riêng với Đông-Đức. Nhưng khi Tổng Thống Kennedy nhắc đến vụ Cuba và lời tuyên bố của ông hôm 13 tháng 9 rằng : « Nếu Nga-Sô mưu toan biến Cuba thành một căn cứ tấn công quân sự thì Hoa-Kỳ sẽ bắt buộc phải hành động », Ngoại-Trưởng Gromyko đã chối dài : « Nga không bao giờ dự định thiết lập lực lượng quân sự tại đây cả. »

Ngày 19 tháng 10, có tin đồn rằng một biến cố lớn sắp xảy ra. Việc di chuyển một phi đội phản lực của Hải-quân tới Florida làm báo chí chú ý. Ngoại-Trưởng Mỹ Dean Rusk hủy bỏ cuộc đi kinh lý ở Virginia. Các vị Tham-mưu-Trưởng họp liên quân được lệnh ở lại Hoa-Thịnh-Đồn « vì công việc bận rộn gấp rút ». Báo chí đặt câu hỏi : có thực Xô-Việt đang đặt phi đạn tầm 1500 dặm ở Cuba không. Ngũ - giác - dài chối lơ mơ rằng « không có tin tức gì chứng tỏ vụ ấy cả. »

Để làm yên dịu tình hình, Tổng Thống Kennedy dự định đi Ohio và Illinois hôm thứ sáu. Nhưng cuộc kinh lý lại bị gián đoạn.

Tại Bạch-Cung, Tổng Thống Kennedy phụ nhân đến gặp ông sau ngày nghỉ cuối tuần. Hai người đi bách bộ một hồi lâu trong sân cỏ rồi Tổng Thống trở về bàn giấy. Lát sau, ông lại gọi ái nữ Caroline và

cậu con trai mới đẻ John vào ngay bàn giấy ông chơi. Ngoài sân mấy chiếc máy bay trực thăng đã sẵn sàng để đưa gia đình Tổng Thống đến một hầm trú ẩn bom nguyên tử ở một nơi xa Hoa - Thịnh - Đồn. Nhưng Tổng Thống và gia đình vẫn bình tĩnh.

Sau rốt mọi người đều quyết định sang ngày hôm sau là thứ bảy, sẽ đưa ra lời yêu cầu đòi Nga tháo gỡ các phi đạn và các vũ khí khác rời khỏi Cuba, nếu không sẽ có phong tỏa hạn chế. Nhưng bộ ngoại giao xin hoãn lại 24 tiếng đồng hồ tức là đợi ngày thứ hai, để kịp thông báo cho các Đại sứ quán Mỹ ở các nước, hầu giải thích kịp thời hành động của Mỹ và lời kéo được sự ủng hộ của các nước bạn.

Khắp hoàn cầu, các hoạt động của Mỹ đều được sửa soạn nhận nhịp, ăn khớp với nhau nhưng chưa có ai biết rõ chuyện gì.

Và Tổng Thống Kennedy sắp sửa đọc một bài diễn văn quan trọng nhất đời ông.



VÀO đầu tuần lễ quan trọng ấy, các đơn vị của Hải quân Mỹ ở Đại-Tây-Dương sắp bắt đầu một cuộc « thao diễn » đại quy mô, tập đổ bộ ở đảo Vieques cách mũi Nam Porto-Rico 20 dặm. 20.000 binh-sĩ sẽ dự cuộc thao diễn, với mục tiêu lập một đầu cầu ở đây và đồng thời đánh đổ một chính phủ « ma » lấy tên là Ortsac (tên Castro đọc ngược).

Nhưng nửa đêm chúa nhật 21 tháng 10, các tin điện từ Bộ Chỉ huy Hải quân Đại-Tây-Dương đánh đi ra lệnh đặt Hải-quân trong tình trạng báo động. Các bức điện đều có nói đến việc Tổng Thống Kennedy sắp gửi một thông điệp cho thế giới về sự hiện diện của các hỏa tiễn và vũ khí nguyên tử tấn công tại Cuba.

Sáng hôm thứ bảy 20 tháng 10, Đô-Đốc Hải - quân Alfred Gustave Ward lên giữ quyền Tư-lệnh Đệ-nhi Hạm-đội. Nhiệm vụ của ông sẽ là chỉ huy các lực lượng phong tỏa. Với Đô-đốc, thời gian 50 tiếng đồng hồ sau khi nhậm chức thật là bận rộn vô cùng. Đô-đốc phải họp bàn, thảo luận, lấy hàng trăm quyết nghị, dự liệu hàng ngàn chi tiết cho kế hoạch phong tỏa. Chiếc hàng không mẫu hạm Indépendance và chiếc hàng không mẫu hạm khổng lồ chạy bằng nguyên tử Enterprise cũng tham dự lực lượng phong tỏa, ngoài một số lớn các tàu ngầm không được tiết lộ chạy tuần tiểu quanh hạm đội.

Trong khi đó các đơn vị không quân lục quân và thủy quân lục chiến cũng được phái đến các vị trí quan trọng.

Trên lục địa, các giàn phóng hỏa tiễn liên lục địa cũng sẵn sàng và các phi đội sẵn giặc cũng sẵn sàng cất cánh.

Đến đêm hôm chúa nhật, Đô-đốc Mc Elroy được lệnh xuất phát các chiến hạm ra khơi. Và đến buổi chiều ngày hôm sau, các chiến hạm

(Tiếp theo Bạn-Dân số 41)

PHẦN CUBA

của Đội khu trục 601 đã tiến đến gần thủy lộ giao thông chính trong eo biển giữa Bahama và Florida.

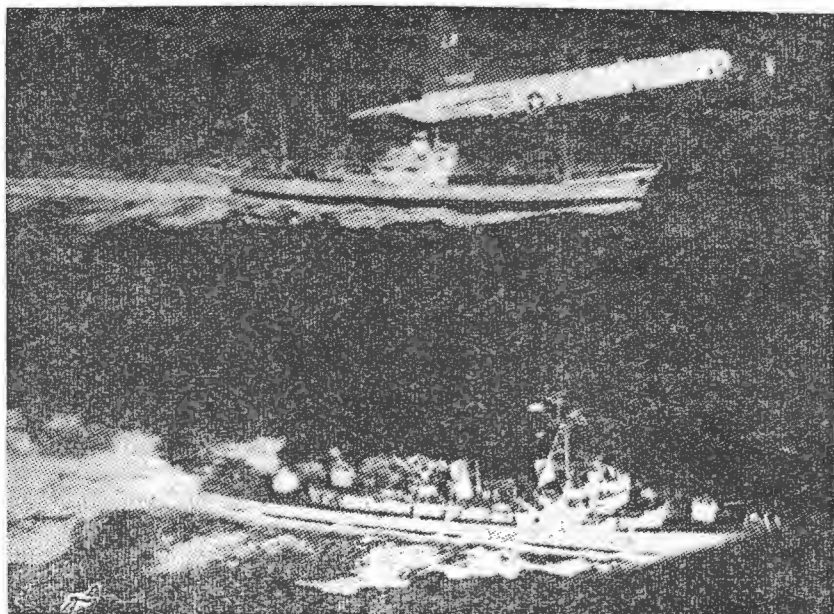
Bộ máy phong tỏa đã bắt đầu. Trong khi ấy, ở bên kia lục địa, Thủ-tướng Khrouchchev đã biết rõ những gì đang xảy ra.

Từ đầu, khi mới chĩa móng nhọn Đô của mình sang Cuba, Khrouchchev nghĩ rằng Hoa Kỳ sẽ không dám tranh đấu thẳng tay vì quyền lợi của Cuba. Cuộc đổ bộ bất thành lên Cuba hồi năm trước đã chứng tỏ điều ấy.

Nhưng đến lúc bài diễn văn của Tổng-Thống Kennedy vang trên các làn sóng điện và tời điện Cẩm-Linh — lúc ấy vào 2 giờ sáng ngày 23 tháng 10 — thì các nhà lãnh đạo Đô biết rằng mình đã đánh giá lầm địch thủ.



CHƯA một vị Tổng Thống nào đã đọc một bài diễn văn dựa trên một lực lượng được chuẩn bị kỹ càng hùng hậu và kinh khủng như Tổng-Thống Kennedy đêm hôm đó, 22 tháng 10-1961. Lúc Tổng Thống bắt đầu đọc thì một mệnh lệnh đã được ban ra tại phòng Hành Quân Hồn Hợp ở Ngũ Giác Đài, và các đèn chớp cùng bản kiểm soát với các con số cứ chớp hoài tại các tổng hành dinh của Mỹ trên khắp thế giới Toàn thể lực lượng quân sự Mỹ khi đó đã sẵn sàng thì hành lệnh Hành quân số 3 trong số 5 lệnh hành quân tối mật ban sẵn để thi hành vào những trường hợp khẩn cấp



Chiếc Khu-trục - hạm Barry của Mỹ (ở dưới) có máy bay tuần tiễu bay kèm, đang chặn đường chiếc tàu hàng Nga « Anosov » từ Cuba về Nga

khác nhau. Riêng có bộ Tham-mưu Không-quân Chiến-lược khi đó được ban hành lệnh hành quân số 2. Tất cả các cuộc bay huấn luyện được bãi bỏ. Tại hơn 80 căn cứ không quân ném bom ở Hoa-Kỳ và hải ngoại, tất cả các phi cơ đều đổ đầy đủ xăng nhớt được chất sẵn bom nguyên tử và... sẵn sàng cất cánh đến mục tiêu đã định.

Với các giàn hỏa tiễn liên lục địa sẵn sàng, và các phi cơ phóng pháo sẵn sàng, Không-quân Chiến thuật Hoa-Kỳ đã có tới 85 o/o hỏa lực nguyên tử của toàn thế giới tự do, và 90 o/o số ấy đã sẵn sàng được phóng đi. Trưa hôm chúa nhật, Đại-tướng Power đã huy động nốt cả các đội phóng pháo nặng B.52 để sẵn sàng bay một đoạn đường cộng lại dài tới 20.022.000 dặm, tiêu thụ 70 triệu ga-lông xăng và nhớt cho 4076 phi vụ trong 30 ngày đêm phong tỏa !

Đúng 2 giờ 18 phút sáng ngày 23 tháng 10-1962, tại Mạc-Tư-Khoa, người ta nghe được giọng

nói cương quyết, trịnh trọng và hùng hồn của Tổng Thống Hoa-Kỳ, vị nguyên thủ của quốc gia mạnh nhất và cũng là người lãnh đạo trẻ nhất của Thế giới Tự-Do :

« Chánh sách của chúng ta vẫn từng theo một đường lối kiên nhẫn và thận trọng, phù hợp với đường lối lãnh đạo của một quốc gia chuộng hòa bình và mạnh khi dẫn đầu một cuộc liên minh quốc tế. Nhưng giờ đây, chúng ta cần có những hành động khác để bắt đầu cho những hành động khác nữa.

« Chúng ta sẽ không hy sinh quá sớm và một cách vô ích để đi tới một cuộc chiến tranh nguyên tử mà kết quả của kẻ chiến thắng cũng chỉ là tro tàn mà thôi, nhưng chúng ta cũng không chịu lùi trước một hy sinh như thế nếu chúng ta cần phải đổi phỏ.

« Sự đe dọa mới đây của Sô-Viết, hoặc bất cứ một sự đe dọa nào khác dù là riêng rẽ hay là để trả lời cho hành động của chúng ta trong tuần này sẽ được chúng ta cương quyết

đối phó. Bất cứ một sự điều động nào nghịch với chúng ta ở bất cứ đâu đâu trên thế giới để chống lại an ninh và tự do của các dân tộc mà chúng ta đã cam kết—kể cả số dân chúng can đảm của Tây Bá-Linh—sẽ được chúng ta đối phó với mọi hành động cần thiết.»

Hoa-Kỳ đã sẵn sàng để trút một hỏa lực bằng 30 tỷ chất nổ TNT lên đất Nga. Có lẽ đó là những phút giây quan trọng nhất của đời người. Khrouchtchev có lẽ đang nghĩ ngợi về những sự đánh giá sai lầm của mình về Hoa-Kỳ.



TRÊN lãnh vực ngoại giao, chánh trị, cuộc tấn công của Hoa-Kỳ cũng không kém phần hùng hậu.

— Tất cả các quốc gia Nam Mỹ đều đồng thanh ủng hộ hành động của Hoa-Kỳ. Tại Đại Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc một cuộc tranh luận xảy ra giữa Đại biểu Hoa-Kỳ, Adlai Stevenson và Đại biểu Nga Valerianzorin. Đại biểu Nga lúng túng trước thái độ đường hoàng của Adlai Stevenson khi ông từ từ trưng bày cho Hội-Đồng những bức hình chụp các căn cứ mới thiết lập tại Cuba. Cả thế giới đã được dịp nhìn bộ mặt trái của Cộng-sản !

Tại Âu-Châu, Hoa-Kỳ cũng ráo riết hoạt động để giải thích quan điểm và hành động của mình với các đồng minh. Trước ngày Tổng Thống Hoa-Kỳ đọc diễn văn, cựu Ngoại-trưởng Mỹ Dean Acheson đã được phái sang Âu-Châu, mang theo cho mỗi quốc gia bạn một thông điệp của Tổng-Thống Mỹ kêu gọi Âu-Châu. Hai giờ sáng thứ hai ông tới căn cứ không quân Evreux. Sáng sớm hôm sau, ông hội đàm với một

nhóm nhân vật và sĩ quan cao cấp của Mỹ và trình bày các hình ảnh về Cuba. Tất cả mọi người đều e ngại không hiểu Tổng Thống De Gaulle và các quốc gia trong Minh ước Bắc Đại Tây-Dương sẽ phản ứng thế nào trước quyết định hành động đơn phương của Mỹ.

Sau cuộc hội kiến với Tổng-Thống De Gaulle trong 1 giờ 10 (trước chỉ dự định có nửa giờ), các nguồn tin tức đáng tin cậy cho biết phản ứng của Tổng-Thống De Gaulle như sau : « tôi hiểu rõ mối nguy hiểm mà Nga-Sô đang đe dọa Hoa-Kỳ. Tình hình nguy hiểm lắm, nhưng Pháp sẽ ủng hộ các ông 100 phần trăm.»

Tổng-Thống De Gaulle hết sức ngạc nhiên khi được xem các hình chụp. Ông cứ lấy kính ra rồi lại đeo kính lên để xem cho kỹ và thỉnh thoảng lại lẩm bầm : « Thật là kinh khủng ». Một nhân viên tham dự cuộc hội kiến có thuật lại rằng cái bản chất con người chiến sĩ trong Tổng Thống đã vùng dậy. Ông không rời các bức hình chụp nửa bước, và phê bình với những lời lẽ không phải là của một chính khách mà là của một nhà quân sự với những ý nghĩ chuyên môn chiến lược bị thức tỉnh vì sự khám phá này. Thật là một cuộc thành công không thể tưởng tượng được vì Pháp đã hoàn toàn ủng hộ Tổng-Thống Kennedy vô điều kiện.

Sau đó, cựu ngoại trưởng Acheson tới dự phiên họp thân mật của Minh ước Bắc-Đại-Tây-Dương. Khi các hình chụp được trưng ra, 15 vị đại sứ của Minh-ước ngạc nhiên không xiết.

Trước kia đã có người vẫn khoái trong bụng khi thấy chú bé Castro vượt râu chú Sam to lớn. Nhưng nay, ai nấy đều biết không phải là chuyện đùa nữa. Có người thì thầm rằng đáng lẽ Hoa-Kỳ phải thông

báo cho các nước hội viên trong Minh-ước biết trước rồi mới nên hành động sau. Nhưng ai nấy đều biểu đồng tình rằng làm như thế sẽ mất hẳn yếu tố « bất thần » rất cần thiết trong các kế hoạch tác chiến. Thế là toàn thể Minh-ước Bắc-Đại-Tây-Dương cũng đã đồng thanh đứng sau lưng Hoa-Kỳ.

Trong khi đó, sau khi đã chắc chắn rằng toàn thể thế giới sẽ ủng hộ mình, Tổng-Thống Kennedy càng tăng gia áp lực đối với Khrouchtchev.

Ngày thứ ba, 23 tháng 10 : Bộ-Trưởng Quốc - Phòng Mỹ Mc Namara công bố tin có 25 tàu chiến Nga đang trực chỉ Cuba. Trong 24 giờ qua, những chiếc tàu vẫn không đổi chiều.

Ngày thứ tư 24 tháng 10 : Bộ-Trưởng Mc Namara, tiên đoán cuộc đụng độ đầu tiên Mỹ-Nga sẽ xảy ra hồi 7 giờ 30 chiều. Nhưng trưa hôm đó bộ Quốc-Phòng Mỹ loan tin có vài chiếc tàu hình như đã đổi chiều.

Ngày thứ năm 25 tháng 10 : tin cho hay có 12 chiếc đã quay mũi đi hướng khác. Có lẽ những chiếc ấy có chở vũ khí nguyên tử tới Cuba. Một chiếc khác chở dầu hỏa được phép đi lọt hàng rào phong tỏa vì dầu hỏa chưa liệt kê vào bảng các hàng cấm.

Ngày thứ sáu 26 tháng 10 : Tòa Bạch Cung tuyên bố các hình mới chụp được bằng máy bay vẫn cho thấy là công việc thiết trí trên Cuba vẫn tiếp tục theo một đà rất mau lẹ thay vì chúng phải được gỡ xuống. Các nghị-sĩ Mỹ đã bàn đến một cuộc ném bom xuống Cuba. Sự thật, kỳ hạn chót để ném bom xuống Cuba là 30 tháng 10 nếu Nga không nhượng bộ.

Ngày thứ bảy 27 tháng 10 : Hãng không tấn Tass công bố một bức thư của Khrouchtchev với lời lẽ đột ngột trở nên cứng rắn, đòi Hoa-Kỳ phải rút các giàn hỏa tiễn

của mình ở Thổ Nhĩ-Kỳ về nếu muốn Nga gỡ các hỏa tiễn ở Cuba với sự quan sát của Liên Hiệp Quốc.

Nhưng Hoa-Kỳ từ chối !

Ngày hôm đó là ngày đen tối nhất trong thời gian phong tỏa. Hồi 10 giờ sáng hôm đó, Thiếu Tá Rudolf Anderson lái chiếc máy U.2 đi chụp hình bị bắn rơi, có lẽ là do các hỏa tiễn SA.2 phòng không của Sô-Viết. Hai chiếc khác bay thấp hơn cũng bị trúng đạn. Buổi chiều hôm đó một chiếc U.2 khác ở Alaska, trong khi bay trên Bắc cực để thử nghiệm thời tiết, sắp bay lâm đường sang Mạc-Tư Khoa, nếu viên phi công không lạnh lẽ nhận ra các máy bay địch đang sắp sửa tấn công mình ở dưới.

Nếu Khrouchchev cố ý gây chiến

ông đã vịn vào cớ đó mà đổ cho Hoa-Kỳ muốn tấn công mình trước nên cho U.2 đi do thám lần chót trước khi hành động. Ông Hilsman, bấy giờ là Thứ trưởng phụ trách Viễn Đông sự vụ, hét hải nhảy ba bậc thang một lên báo cáo nội vụ cho Tổng Thống Kennedy hay mối nguy gần kề.

Nhưng Tổng Thống Kennedy, từ đầu tuần lễ lúc nào cũng bình tĩnh, chợt phá lên cười và nói: « Các ông không hiểu gì ư ? » Và ngày hôm sau, Hoa-Kỳ công khai xin lỗi Nga-Sô về vụ đó. Nhưng đồng thời khi đó, Tổng-Thống lại gửi một mật thư cho Khrouchchev với lời lẽ cương quyết bảo rằng... y chỉ còn vài giờ nữa để quyết định về Cuba

Thế rồi sáng chúa nhật 28 tháng 10, Khrouchchev nhượng bộ ! Đài phát thanh Nga thông báo đã ra lệnh cho tháo gỡ các vũ khí mà Hoa-Kỳ cho là có tính cách tấn công, để đóng thùng mang về Nga.

Thế là Hoa-Hỳ đã xác nhận ý chí cương quyết của mình trong một trận giặc của thời đại nguyên tử. Địch thủ đã từ chối một trận thử thách. Vụ Cuba tạm xong. Thị-trường chứng khoán Mỹ lại lên vùn vụt, cao hơn lúc nào hết kể từ khi đệ nhị thế chiến kết liễu. Khrouchchev đã được một bài học. Và để trả lời cho Trung-Cộng, y đã nói : « Hoa-Kỳ là một con cọp giấy, nhưng con cọp giấy có bộ răng nguyên tử. »

N. Đ.

PHẠM ĐỘC BỞI CHẤT THALLIUM

(TIẾP THEO TRANG 19)

bí đại tiện và bắt đầu khó chịu, bởi bị thêm 2 chứng sổ mũi và ho hen.

Dầu sao, bệnh thế sẽ mang nhiều hình thức khác nhau mà kết cuộc, chỉ có 2 thứ bệnh phát hiện lên rõ rệt hơn hết là : bệnh thần kinh và bệnh ngoài da.

BỆNH THẦN KINH TRONG THỜI KỲ ĐẦU SAU KHI NHIỄM ĐỘC THALLIUM

Các triệu chứng bệnh thần kinh hiện ra không có tính cách rõ rệt. Các y-sĩ thường để ý tới những cử chỉ mới và khác thường của bệnh nhân, thí dụ bệnh nhân bỗng nhiên trở nên ưu sầu lo sợ vô cớ, tính tình trở nên nóng nảy, ban đêm mất ngủ và đôi khi lại có các sự nhận xét lộn xộn. Sự nhức nhối là điểm đặc biệt : trước hết nghe ở các đầu ngón tay và đầu ngón chân rần như kiến bò, kể đó tứ chi phát đau lên từng hồi hay liên tiếp, không rõ rệt ở chỗ nào cả, đến nỗi sự cọ sát 2 chân với tấm vải trải giường cũng là một điều không chịu nổi. Chân bắt đầu xụi đi, rồi tới cả thân mình, tới 2 tay, và các dây thần kinh trên đầu bị tê liệt ; bộ hồ hấp bớt cử động lần lần khiến thiếu hơi thở. Đến đây, tình trạng bệnh đòi hỏi đến cuộc giải phẫu ở cuống họng, để thiết lập một hệ thống hô hấp nhân

tạo. Các chứng động kinh và tình trạng hôn mê nói lên cho biết hệ thống thần kinh của người bị trúng độc không còn nguyên vẹn.

Các chứng bệnh giải thích ra trên đây có thể là nguyên nhân của một cuộc trúng độc mạnh, mà cũng có thể là nạn nhân bị phạm độc trong nhiều lần rồi dồn lại ; mỗi lần chỉ ăn vào một tiểu lượng thallium cũng có cớ hại lớn về lâu.

BỆNH NGOÀI DA

Các triệu chứng bệnh ngoài da hiện lên rất muộn sau khi bị trúng độc.

Hiện tượng rụng tóc xảy ra từ ngày thứ 14 tới ngày thứ 18 sau khi nuốt độc vô tình. Một đôi khi, cũng có thể bị rụng tóc sớm hơn thời kỳ ấn định trên. Tóc rụng nhiều mỗi lần nên bệnh như thành người sói đầu. Các thứ lông trong nách, trong háng, lông mày, lông nheo cũng bị rụng hết. Sau một tháng, nếu bệnh nhân còn sống, tóc sẽ mọc lại, lần này nhuyển hơn và lợt hơn khi trước.

Ngoài ra, còn những bệnh uy không có vẻ riêng biệt cho lắm, nhưng cũng đáng kể ra cho biết là : mọc mụn trứng cá trên mặt, da lưng bàn tay và da mặt bị ăn lan, môi bị lở, áp lực máu tăng lên, mấy khớp xương phát nhức, tiểu ra đường, tỷ lệ đường trong huyết sẽ lên quá mức thường, trông trắng trẻo sẽ tìm thấy trong nước tiểu.

PHƯƠNG PHÁP XÉT BỆNH

Cuộc xét bệnh vì phạm nhiễm chất độc thallium rất nhỏ, khi hiện tượng rụng tóc chưa xảy ra. Ảnh hưởng của thallium đối với bộ tiêu hóa và bộ thần kinh gây ra những chứng bệnh thông thường có thể làm cho y-sĩ lầm tưởng đến một cuộc trúng độc: với chất chì hay chất thạch tín.

Như vậy, cuộc sưu tầm dấu vết thallium trong cơ thể bệnh nhân là việc tối cần để xét đoán về mặt pháp y.

Theo như ông R. TRUHAUT đã quy định, tuy là chất thallium có tính cách dễ phân tán ra trong khắp châu thân, độc được này vẫn được kể như là một chất độc có công hiệu khi bị dồn dập lại trong cơ thể người sống và nó bị bài tiết ra theo một mức độ rất chậm do ngó tiểu tiện, đại tiện hoặc là nước dãi.

Trong việc phân chất dấu vết thallium theo môn độc-vật-học, người ta vẫn áp dụng phương pháp tiêu diệt hết chất hữu cơ của tỳ bào theo thể thức thường; kể đó, sử dụng đến phương pháp thí nghiệm hóa-học (gravimétrie, volumétrie, colorimétrie), hoặc phương pháp thí-nghiệm theo vật-lý-học (spectrographie, polarographie, chromatographie).

TRỊ BỆNH

Sự can thiệp của các lương y điều trị bệnh ít khi được có kết quả mau lẹ đối với bệnh nhân phạm nhiễm chất thallium. Việc tối cần là phải cho bệnh nhân uống thuốc mửa ra cho hết chất độc đã vô dãi dày v. bơm rửa bao tử theo cách thường. Trong việc tìm thuốc khử độc, nên lưu ý rằng nước pha trông trắng trắng không có công hiệu để trừ khử thallium, vì chất này không có phản ứng với chất hữu cơ, khác với các loại kim khác thuộc về hạng nặng.

Thêm nữa, người thụ độc thường được đưa đi bệnh viện hay đã chữa bệnh nhiều ngày sau khi bị làm bệnh mà không biết; điều ấy dễ hiểu là vì trước khi đó chưa thấy phát hiện ra những dấu hiệu bệnh thần kinh hay là rụng tóc. Bởi có vậy, một mặt phải kiểm thể khẩn cấp làm cho chất độc mất hiệu nghiệm, mặt khác phải kích thích việc bài tiết chất độc và đồng thời chặn đứng trước các bệnh sanh ra trong giai đoạn kế tiếp bởi chất độc.

Nhiều thứ thuốc khử thallium đã được nghiên cứu từ lâu nay: thí dụ sulfure de sodium xét thấy có khả tính phản ứng với chất này để kết tạo ra thành sulfate de thallium; iodure de potassium sẽ đưa đến sự hợp thành iodure de thallium; còn hyposulfite de sodium thì cũng có thể đem chích vô gân theo độ lượng 1gr mỗi ngày (dung dịch 10%) để chữa bệnh.

Còn các vị thuốc khác cũng cần biết là « Thioacétamide », đã được bác sĩ JOSZPA thí nghiệm thấy có công hiệu trong 2 vụ phạm độc mạnh; riêng thuốc « E. D. T. A. calcique » dùng chữa bệnh trúng độc do chất chì gây ra thì theo ý kiến các ông Truhaut, Albahary và C. Boudène, không có nhiều công hiệu để trừ chất thallium bằng cách cho nó theo đường tiểu tiện. Ông Truhaut cho rằng các « acides aminés soufrés » (cystine, méthionine) bảo vệ được an toàn cho bệnh nhân bằng cách tăng phần thải trừ chất độc do nước tiểu (thí nghiệm của ông Lund) sau hết chất chlorure de potassium cũng có công hiệu giống như các thuốc kể trên.

Ngoài phương diện trị bệnh người trúng độc thallium bằng các món thuốc trên, người ta cũng nghĩ đến các đồ chứng liệu pháp, thí dụ như giải phẫu ở cuống họng bệnh nhân bị thiếu thở để thiết lập một hệ thống hô-hấp nhân tạo phụ khuyết, bởi bổ sức lực bệnh nhân bằng những thức ăn hay thuốc bổ (les analeptiques) thí dụ trong trường hợp yếu tim, và các thứ sinh tố, như là sinh tố B (Kuhn).

PHÒNG NGỪA TAI NẠN RỦI RO

Để phòng ngừa tai nạn rủi ro xảy ra cho dân chúng, một quy chế đã được đặt ra để quy định việc sử dụng các chất chuyển-hóa của thallium.

Trên đất Pháp, người dân chỉ được phép mua dùng các chất độc ấy trong nghề nông mà thôi, để chế tạo các mồi dùng giết loài chuột bọ gặm phá mùa màng. Điều kiện chế tạo chất làm mồi giết chuột phải là giữ nguyên vẹn những hạt lúa thóc đem tẩm thấm thuốc độc; độc được không bao bọc dính chung quanh hạt thóc; tỷ lệ chất độc không quá 20/o thallium nguyên chất; xong, các mồi đã dính độc phải được nhuộm màu đen, xanh hay đỏ sậm, cho dễ phân biệt.

Việc mua bán thuốc độc này thuộc về độc quyền của các dược sư. Ngoài ra, thùng, hộp, gói thuốc phải có dán nhãn hiệu theo thể thức thông - dụng cho các chất độc sắp về hạng A. Luật pháp cấm ngặt việc rải mồi độc lan ra trên đất, mà các hạt thóc dính thuốc phải đặt cho có chỗ như trong hang chuột, hang kiến.

Ở các xứ Âu Châu, trong bản sắp xếp các chứng bệnh sanh ra trên phương diện xã hội, chất thallium và những hợp-chất chuyển-hóa của nó đứng hàng thứ 13, đối với các hóa phẩm khả - dĩ sanh ra bệnh hoạn cho các tầng lớp người hoạt động bởi nghề - nghiệp.

NGUYỄN-CÔNG-CHÁNH

(Theo « Revue du Praticien » số 11)

CÁC VIÊN CHỨC

THI - HÀNH CHỨC - VỤ

THỪA - PHÁT - LẠI NÊN BIẾT

Bài của P. T. 9

TRONG phạm vi quản hạt của một tòa nào không có Thừa - phát lại, thì chiếu điều 59-NĐ 111 ngày 4-2-1950 Bộ Tư - Pháp có quyền đề cử Cảnh - sát - Trưởng hoặc Quận-Trưởng hành chánh nơi đó tạm thời làm công việc Thừa-phát-lại. Trong trường hợp này các vị trên phải tuân theo những thể lệ y như Thừa-phát-lại.

I.— THỪA-PHÁT-LẠI, là công lại nghĩa là những nhân viên có độc quyền hành một nghề do chính phủ tổ chức và kiểm soát. Thừa-phát-lại, ngoài phiên tòa có nhiệm vụ tổng đạt (signification) và thi hành mọi giấy tờ về tư-pháp, thi hành án văn trực xuất, phát mãi động - sản và bất động-sản.

Thừa-phát-lại còn làm các hành vi thủ-tục thuộc loại tư-pháp hoặc ngoại tư-pháp như sau :

1) *Truyền phiên* (trát đòi)

2) *Tờ đốc thúc* (sommation)

Do một bên nhờ làm đề hồi thúc đối phương phải trả nợ, hay thi hành một điều gì.

3) *Tờ chứng nhận* (constat) để ghi một việc gì xảy ra khả dĩ làm bằng chứng sau này có thể sử-dụng trước tòa như chứng nhận một vụ đập phá đồ đạc, một vụ phạm gian.

4) *Biên bản hay vi bằng* để trần thuật lại những việc đã làm như đã tuân theo án lệnh cho sai áp bảo thư đồ đạc của bị đơn.

Mỗi loại văn kiện trên của Thừa-phát-lại có một lối soạn thảo khác nhau về nội dung nhưng tựu trung đều phải theo các điều lệ sau : Tài liệu làm thành bản chánh giao cho người đứng xin thiết lập và bản sao giao

cho người nhận lãnh. Trong bản chánh và bản sao đều phải ghi ngày, tháng, năm, giờ, tên họ, địa chỉ của 2 bên đương sự. Thừa-phát-lại phải ký tên và ghi giá tiền thù lao.

II.— GIÁ TIỀN CÔNG CỦA THỪA- PHÁT-LẠI.

Khác với công chức, Thừa-phát-lại không lĩnh lương hàng tháng của nhà nước ; khác với Luật-sur, Thừa-phát-lại chỉ được quyền thu tiền công theo giá luật định. Dưới đây là giá tiền công của Thừa-phát-lại đối với một vài loại văn thư theo NĐ ngày 2-2-1952.

1.— Tất cả các biên bản lập trong mỗi buổi 3 giờ là : 60đ.

Buổi đầu tiên dù lâu hay mau cũng phải trả trọn cả tiếng. Mấy buổi sau thì trả tiền theo tỉ số thì giờ đã dùng.

2.— Giá các văn thư mà luật định phải giao cho Thừa - phát - lại biên thảo và các truyền phiếu liên quan đến thủ tục áp dụng trước mọi tòa án là 50đ.

3.— Tất cả văn thư thuộc về các vụ tranh tụng mà số tiền dưới 200đ. tiền công đều hạ xuống 1/3.

Nếu số tiền ghi trong văn thư trên 200đ thì phải trả thêm cho Thừa-phát-lại một số tiền công tính thêm lần lần như sau :

— Đối với các giấy thôi thúc hoặc biên bản sai áp thì :

Từ 201đ đến 1000đ thêm 12đ

Từ 1.001đ đến 3000đ thêm 24đ

Từ 3.001đ đến 10.000đ thêm 48đ

Trên 10.000đ thêm 75đ

— Nếu đơn không định rõ số tiền thì phải trả số tiền công như định 24đ.

— Nếu đơn nói về việc đòi tiền cấp dưỡng, tiền cho thuê ruộng, cho thuê nhà thì tiền công Thừa-phát-lại sẽ tính theo số tiền còn thiếu.

III.— TIỀN LỘ PHÍ.

Khi nào Thừa - phát - lại bắt buộc phải đi đến một nơi nào cách chỗ ở 4 cây số thì Thừa-phát-lại được thu tiền lộ phí. Nếu đi bằng xe lửa hay bằng xe vận tải công cộng thì Thừa-phát-lại được thu tiền vé xe khứ hồi đoạn đường xe chạy theo hạng nhì nếu đi xe lửa và hạng nhất nếu đi xe chuyên chở công cộng.

Trong trường hợp không có hai loại xe trên, Thừa-phát-lại có thể thu tiền lộ phí theo giá biểu chính thức cho thuê mướn xe hơi.

Ngoài ra, Thừa-phát-lại còn được trả một món phụ cấp tùy theo sự lựa chọn của mình hoặc món phụ cấp nhất định là 32đ mỗi ngày rời xa chỗ ở và thêm 20đ nữa nếu thời gian từ khi đi đến khi về trên 5 giờ và dưới 10 giờ, hoặc món phụ cấp di chuyển cách chỗ ở 4 cây số và tính từ cây số thứ tư, cứ mỗi cây số là 1đ cả đi lẫn về.

IV.— TIỀN CÔNG CỦA CÁC VIÊN CHỨC THI HÀNH CHỨC VỤ THỪA-PHÁT-LẠI.

Trong trường hợp không có Thừa - phát - lại, những người được cử một cách hợp thức để giữ chức vụ Thừa-phát-lại (Cảnh-sát-Trưởng, Quận-Trưởng hành chánh v.v...) sẽ được hưởng tiền công và lệ phí như Thừa-phát-lại nhưng bớt đi một phần ba (số đi các viên chức này chỉ hưởng có 2/3 số tiền công của Thừa-phát-lại vì họ có lĩnh lương hàng tháng).

Tiền lộ phí của các viên chức này cũng chỉ bằng 2/3 tiền lộ phí của Thừa-phát-lại.

Khi được triệu dụng đến chứng kiến mở các cửa ngõ và các động sản khác đóng bằng khóa thì Cảnh-sát - Trưởng sẽ được lãnh số tiền là 30đ.

V.— CHẾ TÀI.

Điều 14 Nghị-định 2-2-1952 cấm các Thừa-phát-lại cũng như các viên chức thi hành chức vụ Thừa-phát-lại

(xem tiếp trang 42)

UT
63-



**GIÁN
DIỆP**

Va Thán
BỘ

CÁI LỒNG CHIM KIM-TƯỚC (1)

HOẠT động bí mật của « ông Vua thành phố Belize », tên thật khoán quý quyết, còn được khám phá dưới nhiều hình thức khác. Dần dần các cơ quan mật vụ Anh Mỹ đã lột trần hết âm mưu của hắn.

Cơ quan F.B.I. và nhân viên G.2., cơ quan quân sự phản gián của Mỹ đã từ lâu tình nghi một người đang ở Cuba. Hắn có những cử chỉ của một người Đức và chính hắn là một người tỵ nạn chính trị. Sau vụ gián điệp ở Belize, hễ nói đến xứ Honduras là người ta nghĩ ngay đến Đại-Úy Gough. Các nhân viên phản gián Mỹ, lẽ dĩ nhiên nghĩ đến mối liên hệ giữa hai người. Đó chỉ là một sự nghi ngờ mà thôi, nhưng dù rất ít bằng cứ, họ chỉ cần có vài tháng để xác nhận hắn là một trong số những tay gián điệp quan trọng của Tây bán-cầu.

Hắn tên là Enrique Luni, theo sổ thông hành của xứ Honduras, hắn là người Do-Thái sinh đẻ tại xứ này. Theo lời hắn kể, thì hắn đã từng sống ở Rotterdam thủ-đô Hòa-Lan. Sau khi Hòa-Lan bị Đức xâm chiếm, hắn phải sang Mỹ-châu nơi được người ta xem như quê hương của hắn và hắn là người tỵ nạn đã bỏ hết của cải.

Hắn đã đi khắp các nước Trung Mỹ và hô hào trong nhiều hiệp hội giúp đỡ người tỵ nạn. Hắn còn

nhận các trợ cấp tạm thời của các nước này và hắn hứa sẽ lập lại sự nghiệp.

Luni là một người to lớn và mạnh khoẻ, với bộ mặt phi nộn kém vẻ hiền lành, một bộ ria lấm tấm, mày rậm và để tóc xuống gáy. Người ta có thể lầm hắn là người Tây-Ban-Nha vì hắn nói tiếng nước này rất giỏi, mặc dù với vài giọng Hòa-Lan do thời gian rất dài sống ở Rotterdam.

Với sổ thông hành của Honduras, hắn đi lại các nước Mỹ châu rất dễ dàng. Chúng ta có thể tưởng tượng và nêu lên giả thuyết sổ thông hành này là do bọn của Đại-úy Gough làm ra, và giao thẳng cho hắn. Nó cũng có thể là lấy trog sổ lưu trữ của tên thanh tra Gestapo Đức là Paul Kraus ở Hambourg, và chính Kraus đã giao cho Luni.

Luni đã là một tên tập sự gián điệp của Paul Kraus, người trước đây đã tuyển Bill Sebold vào lớp huấn luyện vô tuyến điện gián điệp (xem chuyện gián điệp bằng các làn sóng điện). Khi đã tốt nghiệp trường ghê gớm này, Heinrich August Lünig, tự là Enrique Luni, liền sang Tân thế giới.

(1) Loại chim nhỏ ở quần đảo Canaries thuộc Tây Ban Nha

Trong THẾ CHIẾN II

N. T. H. trích dịch của KURT SINGER

xem *Bạn-Dân* từ số 31 ngày 15-9-62

Sự thật thì Lüning được sanh đẻ tại Bremen và vẫn sống ở đây. Hắn có một vợ và một con được bảy tuổi. Hắn được vào làm việc cho một hãng xuất nhập cảng của Đức. Văn phòng ngoại thương của Đức, « Auslandsorganization » đang cần dùng người có kinh nghiệm về buôn bán như Lüning để thi hành một nhiệm vụ « lợi ích quốc gia ». Do vậy mà văn phòng này gửi Lüning sang Saint Domingue, rồi Panama và vùng biển Antilles để « nghiên cứu ». Và kịp đến khi hắn trở về nước, người ta cho gọi hắn đến Hambourg để chuẩn bị cho hắn thi hành các công tác mà chiến tranh sắp cần đến,

Trong một buổi ban mai, ngày 29 tháng 9 năm 1941, chiếc tàu hàng Villa de Madrid của Tây Ban Nha sắp cập bến ở La Havane thủ đô Cuba. Nó chở nhiều người tỵ nạn chính trị đã xin được thông hành kịp thời để tránh nạn đi đày trong các « Ghettos » (1) hay chết trong các phòng hơi độc ở Ba-Lan. Gia đình họ sống tại Mỹ Châu và đã phải dứt lốt nhiều số tiền vĩ đại cho các công chức Cuba để xin được nước này chiếu khán nhập nội. Một trong số các hành khách theo sự chứng kiến của nhiều người, đã thoát khỏi thông lệ này một cách màu nhiệm, đó là Enrique Luni. Trường hợp may mắn này do hắn là công dân xứ Honduras, nơi sanh đẻ hắn.

Hắn trình diện với nhà cầm quyền Cuba và với Ủy ban các người tỵ nạn. Hắn thuật lại các chi tiết diễn hình của sự tàn bạo Đức quốc-xã, nhưng hắn quên không cho ai biết rằng hắn có mang theo ba ngàn đô-la, tiền Hoa-Kỳ. Hắn đến ở tại một phòng nhỏ của hội Thanh niên Công giáo (2) của thành phố La Havane. Hắn còn dự tính muốn sang Honduras vì nơi đây, một người bà con của hắn sẽ tìm được việc làm cho hắn.

Hắn đã tìm được việc làm tại Belize, nhưng không phải nhờ bà con của hắn mà lại nhờ Đại-úy Gough. Luni và Gough đã cùng nhau đặt kế hoạch hoạt động

gián điệp tại các hải cảng một cách có hiệu quả. Và kết quả là một loại thiệt hại ghê gớm của ngành hàng hải Đồng-minh từ Cuba đến Floride.

Enrique Luni đi đó đây trong nhiều tháng, hắn đã tiếp xúc với nhiều tay sai của Gough và của Wesemann, lúc ấy đã rời khỏi xứ Honduras. Lúc nào thấy cần, hắn trở lại Cuba. Vui vẻ, hắn kể lại những cuộc vận động của hắn với Ủy ban các người tỵ nạn, hắn gặp người bà con, một người cậu đã chịu giúp đỡ hắn mở tại La Havane một cửa hiệu bán y phục phụ nữ và đồ trang sức.

Hắn ở một căn phòng đầy đủ tiện nghi tại đường Teniente Rey. Hắn có ý định hưởng thụ một đời sống đầy đủ. Sau các cuộc thử thách mà hắn đã trải qua ở nước Đức của Hitler, hắn vẫn được khoẻ mạnh, và có việc làm khá giả, tại sao hắn không có quyền thụ hưởng đầy đủ? Người ta nhận thấy hắn trong các quán rượu, sòng bạc, vũ trường. Hắn lại thích các nơi rẻ tiền, các nơi có nhiều thủy thủ đến chơi. Một ngày kia, tình cờ, hắn đến quán « New York bar ». Hắn ngồi ở một góc phòng, thản nhiên nghe các bản nhạc « rumbas » êm dịu hay các bản « Swings » dặt gàn. Hắn nhìn người ta nhảy. Trong lúc ấy, một vũ nữ tên Rebecca đến bàn hắn. Rebecca là một gái nhảy người Cuba, cao lớn nhưng mảnh khảnh, nhảy giỏi nhưng hát rất xoàng. Ngoài công việc lôi khách nhảy, nàng còn kiếm thêm được tiền hoa hồng bằng cách uống rượu cùng khách hay hầu chuyện với các tay « hảo ngọt ». Công việc của nàng là cổ mờ khách uống, càng nhiều nàng càng được tiền : 10% huê hồng.

Enrique biết rõ việc này nhưng không phải vì thế mà lòng hắn nguội lạnh. Hắn còn khoe cửa hàng của

(1) Các xóm tập trung người Do Thái tại thành phố Varsovie thủ đô Ba Lan.

(2) Y.M.C.A. Young men Christian Association

hắn và không ngần ngại tỏ cho nàng biết hắn có nhiều tiền, và nếu nàng ưng hầu hắn một đêm, hắn sẽ trả công nàng xứng đáng.

Sau đó, Rebecca trở thành nhân tình của Enrique và là nguồn an ủi của hắn trong cảnh xa gia đình. Đồng lõa trong việc gián điệp, nàng đã tỏ ra một người đàn bà khác thường, ngay thật và tuyệt đối trung thành với Enrique.

Người ta không được biết rõ ràng nàng đã tham gia hoạt động gián điệp cách nào. Có thể là nàng vô tình không biết đã nhúng tay vào các hoạt động này. Nàng rất giản dị, không biết nói dối, và đã vô tình cung cấp tin tức về các cuộc di chuyển tàu bè mà nàng thu thập được của các thủy thủ đã kể lại cho nàng nghe. Có thể nàng không biết rằng Luni đã chuyển các tin tức này cho các tàu ngầm gần đây hay cho Đại-ủy Gough ở Honduras.

Tại trường huấn luyện gián điệp Đức ở Hambourg, người ta không dạy môn ái-tình, nhưng các tay tập sự đã học cách ráp máy vô tuyến điện có công suất thấp. Luni đã mua được các bộ phận và ráp một máy vô tuyến điện trong phòng hắn.

Với việc mua sắm các bộ phận để ráp máy vô tuyến điện, Luni còn nghĩ đến việc sắm một cái lồng chim với vài con kim-tước. Chúng ta không biết có phải chính Canaris đã phát minh ý kiến này hay không, nhưng các con chim kim-tước la hét om sòm tối ngày làm át cả tiếng tíc tắc của máy phát sóng điện của Luni. Ý kiến này càng hay hơn nữa, khi có người đến dọn phòng hay muốn nói vài câu chuyện, thì Luni đã có cơ để chưa vội mở cửa. Trong phòng hắn la lên rằng không thể cho vào được ngay, vì có một con chim kim-tước của hắn đang thoát khỏi lồng và đang bay lung tung. Luni yêu cầu khách hay người dọn phòng đợi vài phút để hắn bắt con chim lại.

Vài phút này hắn dùng để cất máy vô tuyến điện vào va-ly và giấu vào nơi kín. Và sau khi xong xuôi, ra vẻ mệt nhọc, đầu tóc tơ bời, Enrique Luni mở cửa, trên tay còn cầm cái lưới bắt chim. Hắn tươi cười tỏ vẻ vui mừng vì đã nhốt lại được con chim quý của hắn.

Rất lâu, hắn làm việc một mình. Hắn không biết ai là người có thể tin cậy được. Hắn chỉ chuyển đi các tin tức do hắn thu thập được, hay do Rebecca thuật lại cho hắn.

Enrique Luni còn phải lo đến cửa hàng của hắn nữa. Hắn là người buôn bán rất hoạt động, hàng ngày hắn viết gần 20 bức thư cho các nhà xuất nhập cảng ở

khắp nước Mỹ la-tinh. Hắn hỏi thăm về các loại hàng hóa và giá cả, về phương tiện chuyên chở. Hắn đặt mỗi nơi một chút ít hàng và hỏi thăm ngày đến, ngày được chất xuống tàu và tên tàu chở hàng đến cho hắn. Hắn cũng có tiếp xúc với nhiều nhà buôn lớn Hoa-Kỳ.

Đó là những sự liên lạc làm ăn, buôn bán thường, nhưng khi cơ quan kiểm duyệt bưu điện của Hoa-Kỳ bắt đầu nghiên cứu bức thư ấy thì người Anh cũng làm theo. Nhiều chi tiết của các bức thư buôn bán ấy, tỏ ra đáng nghi ngờ.

Nhà cầm quyền Hoa-Kỳ biết được nhiều chuyện về Enrique mà chính Chánh phủ Cuba không ngờ. Nhiều khi, một ngân hàng ở Boston đã gửi đến cho Luni 1500 đô-la bằng tiền Hoa Kỳ, và tiền này được biết là tiền lời của một bằng sáng chế mà Luni đã bán cho một nhà buôn Hoa-Kỳ.

Các thám tử của F.B.I. bắt đầu lưu ý đặc biệt đến tên buôn bán y-phục phụ nữ ở La Havane mà quê hương thì là xứ Honduras. Họ lục văn khố của Sở trước bạ các bằng sáng chế ở Hoa-Thịnh-Đồn, và sau nhiều giờ tìm kiếm, họ đã có thể xác nhận với vị chỉ huy của họ là J. Edgar Hoover, rằng không có bằng sáng chế nào có tên Enrique Luni đã đăng ký vào sổ sách của Văn phòng Bằng Sáng Chế của Hoa Kỳ.

Luni đã bị lật tẩy, cơ quan F. B. I. đã có một bằng chứng minh sự nghi ngờ của họ để thông báo cho chính phủ Cuba. Cảnh-sát ở La Havane nhận được các chi tiết sau đây :

- 1.—) Luni không có người bà con nào ở Honduras cả.
- 2.—) Luni có thể liên lạc với bọn gián điệp ở Panama.
- 3.—) Cơ quan F. B. I. giữ được những bức thư của Luni đầy những câu hỏi hết sức đáng nghi ngờ về các cuộc di chuyển tàu bè.
- 4.—) Các nhân viên phản gián của Mỹ đã bắt được sự liên lạc bằng vô tuyến điện công suất thấp giữa Cuba và các tàu ngầm Đức.

Một buổi sáng sớm, Cảnh-sát Cuba đến viếng nhà ở đường Teniente Rey. Đại-ủy Foyet của cơ quan phản gián của Cuba, gõ cửa phòng của Luni. Hắn còn say ngủ, trở dậy hỏi ai đã đến phá giấc ngủ của hắn vì chưa 7 giờ sáng. Đại-ủy Foyet ra lệnh nghiêm khắc: « mở cửa ».

Luni có lẽ đã nghe tiếng người và tiếng chân nặng nề trước cửa hắn, hắn hiểu ngay là có Cảnh-sát đến

viếng. Giờ này quá sớm, nên không thể dỡ trò chim tước sổ lồng. Giữ nguyên đồ ngủ, hần trở dậy mở cửa.

Cảnh sát hỏi hần và lục soát nhanh chóng phòng hần, tịch thu tất cả giấy tờ, sách vở của hần. Họ lục tất cả tủ, giường, các túi áo và không thấy gì đáng để ý cả.

Luni tỏ vẻ giận : « Các ông sẽ trả lời cùng tôi về thái độ này của các ông ». Tôi sẽ cho Lãnh-sự quán nước tôi biết. Đó là một hành động nhục mạ tôi. Các ông không có giấy phép khám nhà.» Các nhân viên công quyền liền xuất trình giấy phép mà hần đòi hỏi. Họ liền mời hần thay quần áo và dắt họ đến cửa hàng của hần. Sự tức giận của Luni lên đến cực độ. Hần cho biết sẽ điện thoại cho Lãnh-sự quán Honduras, nhưng vì còn sớm, Lãnh-sự quán chưa làm việc. Hần đành dắt Cảnh-sát đến cửa hiệu của hần. Hần vẫn tiếp tục phản đối :

— « Đại-úy Foyet, ông đã cho tôi phạm tội gì ? Ông không tìm được gì tại phòng tôi và cũng sẽ không tìm được gì ở cửa hiệu tôi.

— Đó là điều chúng ta sẽ biết, Đại-úy Foyet trả lời. Nếu không có gì trái luật lệ, ông không cần phải lo ngại và nóng nảy thế.

Cảnh sát lục soát cửa hiệu, và cố tránh không làm hư hại hàng hóa của hần. Họ tổn công vô ích vì không tìm được chứng cứ gì phạm luật lệ cả. Thật oan cho Luni ? Có lẽ sự tố cáo của cơ quan F.B.I. là một sự nhầm lẫn đáng tiếc ?

Nhưng trong lúc sắp sửa ra về, Đại-úy Foyet nghĩ đến căn hầm của cửa hiệu và tỏ ý muốn nhìn qua một tí. Luni tỏ vẻ lo ngại và xác nhận không có gì dưới hầm. Họ cũng vẫn cùng đi xuống và tìm thấy các phụ tùng của máy vô tuyến điện, rồi cái hòm nhỏ để đựng máy nữa.

Cơ quan F.B.I. đã đoán đúng. Người ta đã hoạt động gián điệp ở La Havane.



KH Á M đường của Chính phủ Cuba không đầy đủ tiện nghi cho lắm. Luni lúc ấy, giữa bốn bức tường đá đã trở lại với sự bình tĩnh của hần. Hần nhận thấy không diễn trò ảo thuật nào nữa được và nghĩ đến việc khai thật. Bắt đầu, hần cho biết tên thật của hần. Heinrich August Lüning nhìn nhận có trách nhiệm trong các cuộc đánh đắm bằng thủy lôi các tàu bè đi từ Floride đến Cuba. Hần nhìn nhận sự liên lạc của hần với các tay gián điệp ở Panama và Honduras. Hần thuật lại các môn đã học ở Hambourg về nghề làm gián điệp. Gia đình hần còn ở tại Đức có nhận lãnh trợ cấp

thường xuyên của Canaris. Các sổ tiền của một ngân hàng ở Boston gửi cho hần 1500 đô-la mỗi lần, là do tiền của Canaris ký thác ở đây từ hồi trước chiến tranh. Cuối cùng Lüning yêu cầu nhà cầm quyền Cuba trao lại cho vợ con hần các món tiền hần còn giữ tại Cuba. Vợ con hần không bao giờ biết đến hành động gián điệp của hần.

Ngoài ra hần không xin gì nữa. Tòa án tối cao Cuba kêu án hần tử hình. Hần sẽ bị xử bắn. Lüning tỏ ra đặc biệt tự trọng. Hần tuyên bố rằng hần là một nhà ái quốc Đức, tin tưởng chủ nghĩa Quốc-xã Đức và cái chết của hần chỉ là một việc nhỏ xảy ra trong thời chiến, như cái chết của một chiến sỹ.

Lüning được đưa đến một đồn Tây Ban Nha cũ kỹ từ 2 thế kỷ nay, thành Castillo Principe. Hần xin được gặp mặt Rebecca trước khi chết. Lời xin này không được chấp thuận cũng như đơn xin ân xá đã trình lên Tổng Thống Fulgencio Batista vào giờ chót. Nhưng Rebecca đã đoán được ý muốn cuối cùng của hần, nên trước ngày hần bị hành quyết, nàng đã đến đợi suốt đêm trước cửa đồn. Đơn xin ân xá cuối cùng của hần hết sức cảm động cũng bị nhà cầm quyền Cuba từ chối không cứu xét như lần trước.

Sáng sớm Lüning xin được uống một ly nước cam và hút một điếu thuốc xi-gà. Người ta đã thỏa mãn hần. Hai vị linh mục và một sĩ quan cùng tám binh sĩ đưa hần đến nơi hành quyết. Khi đi ngang các hành lang Lüning nhận thấy chiếc quan tài cây thường sơn trắng dành cho thi hài của hần. Những người chứng kiến nhận thấy hần tái mặt. Hần tỏ vẻ hốt hoảng day lại hỏi vị sĩ quan : « Ở Cuba các thứ quan tài này thường dành cho đàn bà, phải không ông ? » Vị sĩ quan nhìn xuống và không trả lời. Câu hỏi của hần được nói to lên cho mọi người nghe thấy. Họ đi vào một sân rộng, Lüning được đưa đến trước bức tường, một binh sĩ tỏ ý muốn bịt mắt hần, nhưng hần nói : « Không cần, tôi không muốn thế. » Toán binh sĩ đưa súng lên ngắm, vị linh mục đưa Thánh giá lên cho hần hôn, và một tiếng hô to : « Bắn »

Lüning ngã xuống. Đây là lần thứ nhất trong lịch sử của Cuba, người ta xử tử một tên gián điệp.

Bên ngoài đồn Castillo Principe, Rebecca vẫn chờ đợi. Nàng đã đi theo xe chở quan tài đến cánh đồng Potier. Sáng sớm hôm sau, nàng đặt một vòng hoa trên nấm mồ mới lấp của tên gián điệp.

(còn tiếp)

Kỳ sau : **Gián điệp Đức Quốc-Xã tại Đan Mạch.**



GIÁN - ĐIỆP

NGA SÔ-VIỆT

(TIẾP THEO TRANG 25)

Lúc ấy đã 22 giờ 50, Tướng Kussonsky đã làm mất tất cả sáu giờ đồng hồ quý báu, sáu giờ, thời gian có thể tìm kiếm được tung tích của Miller. Kussonsky liền báo động cho Phó Đô đốc Kedrov, người có cấp bậc cao nhất sau tướng Miller và Đại-tá Matzylev. Nhưng đã quá trễ. Lúc 1 giờ sáng ngày thứ hai hôm sau, mọi người đã hội họp đông đủ tại trụ sở Hội Cựu Chiến-sĩ Nga, đường Colisée. Đại-tá Matzylev vừa biết qua loa nội vụ đã vội chạy đến khách sạn của vợ chồng Skobline. Ông đánh thức Skobline dậy và dẫn hắn đến trụ sở. Và sau đây là cuộc đối thoại giữa những người cầm đầu Hội Cựu Chiến-sĩ Nga và Skobline :

- Ông Miller đâu ? Đô đốc Kedrov hỏi.
- Tôi không biết...
- Ông đã rời Tướng Miller hồi nào ?

— Tôi không thấy ông ấy cả ngày hôm qua !
Nhưng đã có bức thư của Miller để lại. Skobline thì không ngờ đến việc này... Và hẳn hết đường chờ rồi.

— Vậy thì chúng tôi phải trình ngay nội vụ cho Cảnh-sát, Đô đốc Kedrov kết luận.

— Vâng, Skobline tiếp lời, tôi sẽ đi với ông. Và liền khi ấy Skobline bước ra khỏi phòng, phóng xuống cầu thang trong lúc mọi người không ai có ý nghĩ đến chặn giữ hắn lại... Lẽ dĩ nhiên từ đó không ai còn thấy bóng Skobline đâu cả.

Cảnh-sát Pháp đã vận dụng mọi biện pháp báo động khắp nước. Bắt đầu từ 4 giờ sáng, tất cả các thanh tra mật thám được giao cho nhiệm vụ tìm kiếm Tướng Miller như ở các bệnh viện công tư, nhà xác v. v... Hình ảnh tướng Miller được chuyển đi khắp nước nhất là các vùng biên giới, các bến tàu, các phi trường. Rồi người ta bắt đầu cuộc thăm vãn nàng Plevitzkaïa. Nàng này tỏ ra hoảng hốt và khai rằng không biết tí gì về mọi hành động của chồng. Người ta trả tự do lại cho nàng, nhưng nàng lại định trốn, cảnh-sát liền ra lệnh bắt giữ nàng. Cuộc điều tra tỉ mỉ đưa đến kết luận là nàng đã có làm việc cho cơ quan mật vụ Gestapo của Đức...

Báo chí Ba.Lê đua nhau bàn tán vấn đề Tướng Miller bị bắt cóc như trường hợp Tướng Koutieпов. Một lần nữa bọn gián điệp Nga-Sô-Việt đã hành động và dư luận cho rằng tất cả mọi việc xảy ra đều giả mạo, cả bọn Đức mà Tướng Miller hẹn hò qua sự trung gian của Skobline... Rồi mọi người đều chú ý đến Skobline và vợ hắn. Qua vài ngày sau nàng Plevitzkaïa lại xuất hiện và nàng liền bị bắt. Còn Đại-tá Skobline, chồng nàng đâu ? Sau này người ta được biết là hắn đã đi lang thang một đêm ấy, hắn có đến nhà vài người bạn mượn chút tiền và được nhận thấy lần chót tại số 27 đường Villiers, rồi từ đây không ai còn nhận thấy hắn đâu nữa. Trong vài giờ Skobline có thể vượt biên giới dễ dàng và trong một buổi, bọn bắt cóc Tướng Miller có dư thời giờ đưa ông ra ngoại quốc hay nếu ông đã chết, họ đã thủ tiêu xác ông. Nhưng người ta cũng tìm được một dấu vết quan trọng, chứng tỏ giả thuyết ông bị bọn gián điệp Nga-Sô bắt cóc là đúng :

« Một tàu hàng Nga, tàu Maria Oulianova rời bến Havres chiều ngày 22 tháng 9 sau khi đã

trước một số hành khách được đưa từ Tòa Đại-sứ Nga tại Ba-Lê đến cùng một số dụng cụ và một thùng gỗ lớn. Tất cả đều đưa đến bến Havres bằng chiếc ô-tô của Tòa-Đại-sứ. Vị giám-đốc hải cảng nhận thấy các người Nga rất hấp tấp trong việc đưa dụng cụ xuống tàu, cũng như tàu Maria Oulianova nhô neo một cách gấp rút, việc này được ông báo cáo ngay cho cơ quan công-an tại Ba-Lê. Người ta so việc này với trường hợp mất tích của Tướng Miller và kết luận Tướng này bị gián điệp Nga bắt cóc đưa xuống tàu Maria Oulianova để đưa về Nga. Công-an Pháp liền đề nghị cùng bộ Nội-vụ xin cho một chiến hạm rượt theo bắt tàu Nga quay lại. Đại-Sứ Nga là Potyemkine được mời đến gặp Thủ-tướng Edouard Daladier và được đề nghị yêu cầu chính phủ Nga ra lệnh cho tàu Maria Oulianova quay trở lại Pháp để làm dịu phần nào dư luận trong nước đang phẫn nộ. Đại-sứ Nga hứa sẽ hỏi lại chính phủ mình. Nhưng một giờ sau, Bộ trưởng Nội-vụ Pháp là Marx Dormoy, một lãnh tụ tả phái, điện thoại cho Thủ-tướng đề xác nhận tất cả các sự chứng kiến của viên giám đốc hải cảng Havres đều sai lầm hết và viên giám đốc Chauvineau này đã nằm mơ : chiếc xe ô-tô của Tòa Đại-sứ Nga rời Ba-Lê trong lúc tướng Miller còn được nhận thấy tại văn phòng đường Colisée của ông. Đại-sứ Potyemkine đã vận động cùng Tổng trưởng Tư-pháp là Vincent Auriol, một người được biết thân Nga, và Vincent Auriol đã điện thoại cho Dormoy đề ông này chôn sâu vùi để. Về phần viên giám đốc Chauvineau vẫn cứ cho rằng mình đã nói sự thật, ông bị yêu cầu rút lại báo cáo của mình, ông không chịu, bị đổi đi nơi xa để cuối cùng bắt buộc phải từ chức... Một điều chắc chắn hơn cả là lúc ấy nước Pháp không muốn có vụ lôi thôi với Nga dù là một vụ thật nhỏ..

Dù sao người ta cũng biết gần đầy đủ chi tiết của vắn đề để chắc chắn rằng vụ tướng Miller là một hành động gián điệp của Nga-Sô : bức thư đề lại của tướng Miller, nơi hẹn, một nơi kín đáo nằm trong khu người Nga thân Cộng sản.. Tại số 41 đường Montmorency của khu này, Tòa Đại-sứ Nga có một biệt thự dành làm trường học cho trẻ em Nga. Chiếc ô-tô của Tòa Đại-sứ Nga cũng được nhận thấy rõ ràng tại đây, cả Skobline và Miller. Nhưng Cảnh-sát Pháp phải mất 6 tuần lễ mới chịu đến đây khám xét và cũng nhờ sự can thiệp quyết liệt của Tổng Thông Albert Lebrun đã xúc tiến vì lời kêu gọi của bà Miller. Lẽ dĩ

nhien, người ta không tìm ra được dấu vết gì nữa.

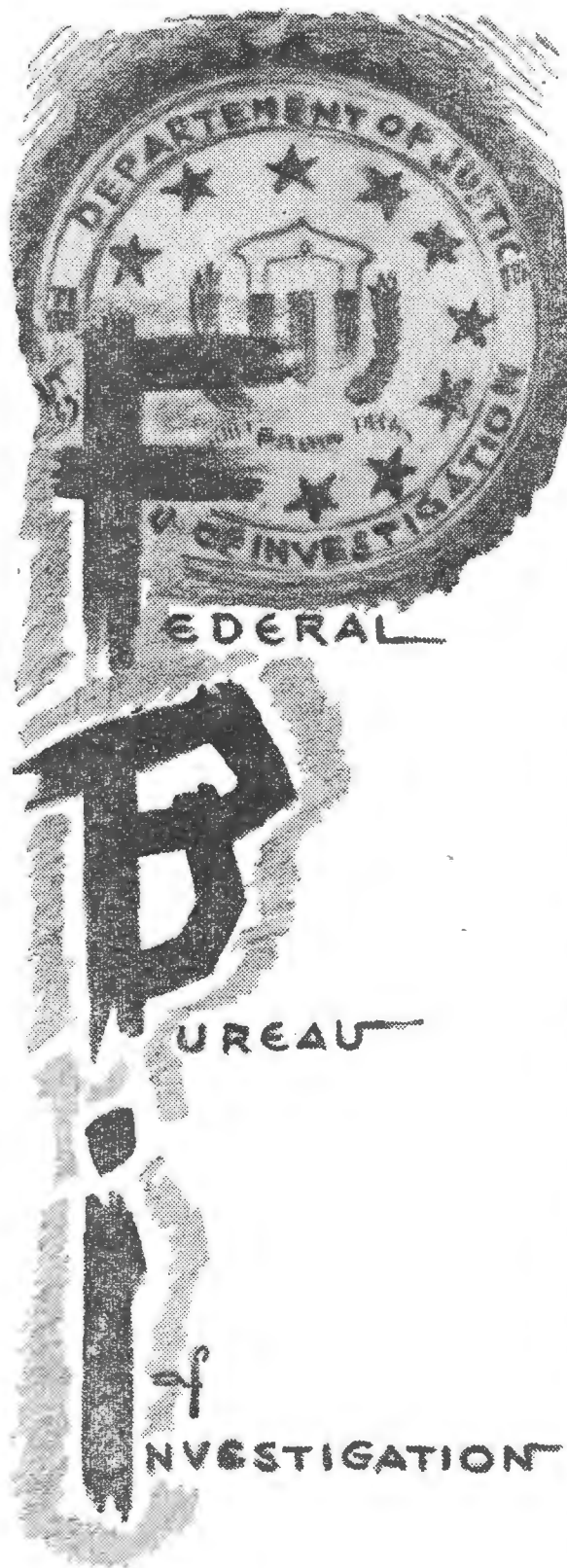
Một chi tiết khác nếu được khai thác ngay có thể khám phá ra vụ Miller : ngày 20 tháng 9 trước ngày Tướng Miller bị mất tích hai ngày, có người nhận thấy ông và Skobline đang dùng bữa chung tại một hiệu ăn người Nga với ba người lạ mặt to lớn, có vẻ không mấy « lương thiện » Theo các người dọn ăn nghe lỏm được câu chuyện trao đổi giữa khách thì các người lạ mặt này là cựu sĩ quan Nga từ Bỉ đến, và Miller cùng Skobline đều có vẻ không được tự nhiên lắm Công-an Pháp tìm ra hiệu ăn ấy và các lời mô tả của người dọn ăn về ba tên lạ mặt cũng rất rõ ràng. Nhưng các tin tức này đến quá trễ.

Có một lúc, công-an Pháp tin rằng vụ bắt cóc tướng Miller có liên quan mật thiết với vụ ám sát tên gián điệp Nga phản bội là Ignace Reiss xảy ra cùng lúc với vụ Miller. Cuộc truy tầm của cảnh-sát Thụy-Sĩ cho rằng những kẻ ám sát Ignace Reiss là gián điệp Nga-Sô từ Ba-Lê đến. Như thế có phải là bọn này cũng là bọn đã bắt cóc tướng Miller không ? Không ai dám quả quyết..

Ngày 5 tháng 12 năm 1938, nàng Plevitzkaia vợ Skobline ra trước tòa án hạt Seine. Nàng bị tố cáo đồng lõa trong vụ bắt cóc và giam giữ trái phép Tướng Miller. Có nhiều lúc nàng suýt bất tỉnh vì xúc động nhưng nàng vẫn cố trấn tĩnh và không thổ lộ chi tiết nào cả. Qua ngày 8, bản án được tuyên bố : 20 năm khổ sai, một bản án thật quá nặng. Nàng chết trong khám đường Rennes vào tháng 10-1941.

Năm 1940, trong lúc nửa nước Pháp bị Đức chiếm đóng bọn Gestapo Đức có lực soát Hội Cựu Chiến-sĩ Nga đường Colisée và nhận thấy tất cả các phòng việc đều có gắn máy thu thanh, các máy này cũng được chuyển đến một phòng tại trụ sở này và có lẽ đó là phòng việc của Skobline. Bọn Đức cũng đã cho biết vào năm 1938, Skobline có liên lạc cùng cơ quan Gestapo và chính hẳn đã có nhúng tay vào vụ trao tài liệu giả mạo cho Staline để nhà độc tài đó này thanh trừng Tướng lãnh quân đội. Một cựu công chức cơ quan mật vụ G. U. P. của Nga có thuật lại là tướng Miller được đưa về đến Nga và bị tổng giam vào khám đường Tcheliabinsk tại dãy núi Oural. Từ đây không còn ai được biết số phận của ông và cả Skobline nữa .. Một viên đạn sau ốt ? Rất có thể...

(còn tiếp)



CÔNG-AN

VIỆC C. A. L. B.

(tiếp theo)

CHUẨN BỊ CHIẾN ĐẤU

NGAY 25 tháng 11 năm 1941, đoàn Hải-quân cảm-tử xuất phát từ vịnh Hito-kappou và rời đảo Kouriles.

Những thủy lôi hạm chạy từ từ, hai bên hạm đội có hai thiết giáp hạm, hai đại tuần dương hạm, sáu hàng không mẫu hạm và nhiều tàu tiếp tế. Các đài vô tuyến trên tàu đều im lặng cả. Đi hướng về Đông, thẳng tiến đảo Hawaii.

Sau 7 ngày lênh đênh trên biển cả, nhân viên vô tuyến điện bảy giờ bắt được hiệu lệnh : «Niita Kayama Nobore!» (Hãy leo núi Niitaka ! Nghĩa là : « chuẩn bị chiến đấu ! ») Đương đêm, bao nhiêu đèn đều tắt hết.

Trong đài vô tuyến của chiến hạm thủy quân Đô đốc, Thiếu-tá Ono đang lắng nghe, bắt đài K G U và K G M B ở Honolulu, chăm chú nghe từng ly từng tí xem có tin tức gì mới báo động chăng. Nhưng không.. Âm nhạc và tin vật đều đều.

Còn các sĩ quan khác thì không rời mắt nhìn các nhân viên đương định vị trí một phi-

đoàn Hoa-Kỳ đương bay tuần tiểu từ đảo Oahu. Hải-quân Hoa - Kỳ, không nghi ngờ chi, thả neo tại bên Trân-Châu-Cảng.

Các nhân viên Nhật - Bản định vị trí của phi đoàn Hoa-Kỳ bằng cách nghe các phi công chuyện gẫu với nhau lúc đang bay, ở phi cơ họ qua phi cơ kia. Nhật Bản thấy cái gì cũng tốt cả : tuần tiểu ở khu Tây Nam.

Phi đoàn tiến tới một nơi cách Oahu có 200 dặm về phía Bắc. Sáng tinh sương mùng 7 tháng 12, những máy bay ném bom cất cánh từ những hàng không mẫu hạm, trông như một đàn chim ưng. Những phi cơ phóng thủy lôi và những máy bay ném bom hoạt động đầu tiên. Rồi đến một loạt oanh tạc cơ hạng nặng, rồi lại đến một loạt máy bay ném bom nữa. Trận công trong 110 phút. Từ 7855 đến 9845, Nhật Bản đánh tan tành hạm đội Trân-Châu-Cảng, phá tan nát những phi cơ còn ở các phi trường và ở các hàng không mẫu hạm : 8 chiến hạm, 3 tuần dương hạm hạng nhẹ, 3 khu trục hạm và 4 tàu lớn đủ kiểu bị hoàn toàn phá hoại hư hỏng ; 188 phi cơ bị tiêu hủy. Còn bên Nhật Bản bị thiệt 29 phi-cơ và 5 tàu ngầm kiểu nhỏ.

Phi cơ vẫn còn đang dội bom xuống, trong khi nhân viên công tác đặc biệt của Sở CALB tại Honolulu, Robert L.Shivers, kêu điện thoại về Nha Tổng Giám-đốc ở Hoa-Thịnh-Đôn, lúc đó 2g30 trưa.

Cách nhau 8000 cây số đất nước, trong nháy mắt đã đàm thoại được. Nữ điện thoại viên ở Hoa-Thịnh-Đôn nổi đường giây của Shivers vô đường

★ Nguyễn-v-Hội dịch Don WHITEHEAD

LIÊN - BANG HOA - KỲ

giấy riêng của CALB đi Nữ-ước, nơi ông Hoover đương ở nghỉ cuối tuần. Cô ta cũng đánh một công điện tới vận động trường Griffith là nơi các cấp chỉ huy CALB đương coi đá banh giữa hội « Da đỏ » của Hoa - Thịnh - Đồn đầu với hội « Phụng - Hoàng » của Philadelphie. Người ta biết nhân viên CA ngồi ở hàng ghế nào, và lập tức người ta mời Edward A. Tamm, phụ tá giám-độc, ra nghe điện thoại tới khần. Tamm ra cầm máy nghe, và nghe thấy câu chuyện nói giữa Honolulu và Nữ-ước. Shivers nói : « Quân Nhật dội bom Trân - Châu - Cảng. Không còn nghi ngờ gì nữa, đúng là những phi cơ Nhật. Chiến tranh rồi. Ông có thể nghe thấy tiếng bom nổ. Nghe đây này ! » Shivers đem máy điện thoại ra gần cửa sổ mở. Hoover và Tamm đều nghe thấy tiếng nổ ầm ầm. Shivers tóm tắt những báo cáo vừa nhận được, Hoover ra lệnh cho Shivers và Tamm thi hành ngay tức khắc kế hoạch chiến đấu đã lập xong từ mấy tháng nay.

Tamm chạy vội về hàng ghế ngồi và báo nhỏ các đồng sự : quân Nhật dội bom Trân-Châu-Cảng. Thôi đi ! » Còn Hoover thì ra ngay phi trường La Guardia để về Hoa-Thịnh-Đồn.

Hai ngày trước, ông Hoover đã cho nhân viên chỉ thị này : « Sẵn sàng để bắt những Nhật kiều ở địa hạt mình, cần phải giam giữ lúc chiến tranh ». CALB sẵn sàng cả rồi. Ai này cũng đều biết phải làm những gì khi có lệnh. Nhưng.. ông Hoover và nhân viên không thể làm gì được cả, nếu Tổng-Thống chưa ban hành tình trạng « khẩn cấp » và ông Chương lý Francis Biddle chưa ký lệnh. Cùng khi ông Hoover đương bay về Hoa-Thịnh-Đồn, thì ông Chương - lý ở Detroit cũng bay về thủ đô.

Sở C.A.L.B. đã có lập sẵn một danh sách những ngoại kiều chống Hoa-Kỳ và có thể trở nên nguy hiểm khi thời chiến. Danh sách đó có 170 người Nhật. Trong những phòng hoạt

động của CALB, người ta biết 170 đó là những ai, ở đâu. Có tin Trân-Châu-Cảng, nhân viên CA nóng lòng chờ lệnh.

Nhân viên công tác đặc biệt tại San Francisco, N.J.L. Pieper, kêu điện thoại cho Louis Nichols lúc đó là phó giám-độc.

— « Chúng nó làm rối. Nay mình làm chứ ? »

— « Chưa. Đợi lệnh ký sẽ hay. Mà lệnh thì ông Chương-ly chưa ký, và Tổng Thống chưa ban hành tình trạng khẩn cấp. Đừng bắt ai vội, cần nhìn cho kỹ những đứa có tên trong sổ. Đừng để chúng tẩu thoát, dù anh cứ phải ngồi lì trước cửa nhà chúng ! »

Nơi nào cũng hỏi như thế. Và cũng trả lời như thế.

Ngay chiều chúa nhật đó, Tổng Thống ra lệnh bắt ngoại kiều-cửu địch. Biddle ký lệnh. Điện văn do viên tự đánh đi khắp các phòng của sở CALB :

... « Bắt ngay tức khắc tất cả Nhật kiều trong loại A, B và C ghi trong danh sách đã chuyển từ trước. Hoạt động ngay từ phút này. Đánh viên tự cáo tri Tổng Nha về căn cước những người bị bắt về. Đích thân dẫn họ tới phòng « Di trú ngoại kiều và nhập tịch » gần nhất. Ký tên Hoover ».

Trong toàn quốc, cũng như ở đảo Hawai, tại Alaska và Porto Rico, CALB hoạt động. Ngày mai sẽ bắt đền người Đức và người Ý. Đây là một hoạt động khác hẳn những cuộc bỏ rập năm 1917. Kế hoạch đặt rồi. Ngoại kiều bị bắt bị đưa ra ngay phiên xử của một ủy ban dân sự. Nhân viên CALB được các toán cảnh-sát địa phương phụ lực, Cảnh-sát này đã được nghiên cứu những vấn đề thời chiến, tại các trường của C. A. L. B. mở ra vì đoán trước thời cuộc.

Lưới chăng mau quá và kín quá. Vì đã chuẩn bị kỹ càng, nên không có một cuộc xung đột nào xảy ra,

tuy bắt được những 3846 ngoại kiều trong 72 giờ sau khi nhập vòng chiến tranh. (Trong đệ nhị thế chiến, tổng số ngoại kiều bị bắt là 16.052 người : 7043 người Đức, 5428 người Nhật, 3567 người Ý, 24 người Hung-Gia-Lợi, Bảo giá-Lợi và Lỗ-Mã-Ni).

Trong số 7043 người Đức, 1235 bị giam giữ, 2449 được thả theo lời thế, 2583 được trả tự do, 691 hồi hương, 47 người chết. Còn 42 người khác chưa bao giờ được giải quyết.

Trong số 5428 người Nhật, 1532 bị giam giữ, 2423 được thả theo lời thế, 955 được trả tự do, 415 hồi hương, 88 người chết và 15 người không được giải quyết.

Trong số 3567 người Ý, 367 bị giam giữ, 861 được thả theo lời thế, 2237 được trả tự do, 87 hồi hương, 14 người chết, và 1 người không được giải quyết.

Trong những con số vừa kể, có 802 mạch-lò Đức và 1271 người Ý đã bị bắt trước khi tuyên chiến.

Trong số 24 người Hung, Bảo, Lỗ, 15 người được thả theo lời thế, hay trả tự do, một trường hợp không giải quyết.

Có tất cả 25881 vụ khám xét tư gia ngoại kiều địch, và tịch thâu 3127 máy vô tuyến có lần sóng ngắn, 2240 thỏi cốt mìn, 4624 súng đủ kiểu, 306247 viên đạn v.v...

Ông Hoover đặt ra tại CALB lệ làm việc một ngày 24 tiếng. Nghi thường niên bị bãi bỏ. Đặt lính gác tại các tòa Đại sứ và Lãnh-sự Nhật. Các hãng hàng không được lệnh không chở người Nhật cho đến khi có lệnh mới, hàng h a ở Nhật tới Hoa-Kỳ hay từ Hoa-Kỳ đi Nhật cũng không được nhận, để phòng phá hoại Tắt các cơ quan ngành C.A.L.B. được chỉ thị phải triệt để canh gác các cơ sở kỹ nghệ chiến tranh, phòng gián điệp phá hoại.

Theo lời thỉnh cầu của Bộ Ngoại vụ, ông Hoover ngưng hết mọi báo

chí, điện tín, liên lạc thư từ cùng Nhật Bản hay các nơi thuộc Nhật. Quyền hành này của ông Hoover không được Ủy hội Liên-bang Thông tin Liên lạc chấp nhận: Ủy hội còn dặn các hãng chuyên chở bảo hiểm không cần phải tuân theo chỉ thị của Sở C.A.L.B. Nhưng... các hãng ấy vẫn cứ tuân theo những chỉ thị này.

Trong những lúc đầu nhập vòng chiến, Tổng Thống Roosevelt có ra khẩu lệnh cho ông Hoover coi việc kiểm duyệt. Khẩu lệnh này sau đó có được tiếp theo bằng công văn cho các bộ Chiến-tranh, Hải-quân, Ngoại vụ, Tài chính, Bruu-chính và Ủy hội Thông tin Liên lạc: « Hôm nay, tôi giao cho ông Hoover, Tổng giám-đốc CALB tất cả công tác kiểm duyệt, trong khi chờ lệnh mới. Ký tên Franklin D. Roosevelt ».

Tổng Thống giao cho Hoover công tác này, vì sở CALB đã lập một kế hoạch đầy đủ cho báo chí và các đài vô tuyến « tự kiểm duyệt ». Việc thi hành kế hoạch này do một cơ quan đặc biệt chỉ chịu trách nhiệm với Tổng Thống. Kế hoạch này đặt căn bản trên những điều đã nghiên cứu được tại Anh quốc do nhân viên CALB du học thấu thạo được. Tập sách-ước nói về tổ chức kiểm duyệt này, lại ấn hành xong đúng ngày thứ hai trước trận đánh Trân-Châu-Cảng. Ý ông Hoover là: vị giám đốc kiểm duyệt sẽ là một công chức dân sự do Tổng Thống chỉ định; và các bộ cùng cơ quan khác của Chánh phủ, Lục quân, Hải quân, CALB, liên hệ đến việc kiểm duyệt thì chỉ có những quyền tư vấn mà thôi.

Thứ hai 8 tháng 12, ông Hoover nhóm hội nghị của đại diện Bộ ngoại vụ Bruu-chính, Tài chính, Chiến tranh, Hải quân và Ủy hội Thông tin Liên lạc. Ông trình bày kế hoạch. Đại diện Tài chính nêu ý kiến: « Ông Morgenthau, Thứ trưởng Tài-chánh, muốn giành quyền kiểm duyệt, trừ kiểm duyệt Bruu-chính. Ông cần cứ vào một việc trước: trong Đệ nhất Thế chiến, Tổng - Thống Wilson đã ủy nhiệm quyền này cho ông Thứ trưởng Tài-chánh.

Nhưng Hoover phản đối, yêu cầu hội nghị chấp thuận ý kiến của mình. Theo ý ông, không có kế-hoạch kiểm

duyet nào có thể đem ra áp dụng được nếu không có sự ủng hộ của quân chúng, và muốn được sự ủng hộ của quân chúng thì cách tốt hơn hết là để cho báo chí và đài vô tuyến dự phần bằng cách có quyền tư vấn. Hoover được tin nhiệm của Hội nghị lập quyết định sau đây:

« Cơ quan kiểm duyệt và vị giám đốc không thuộc quyền một cơ quan nào của Chánh phủ, và không bị kiểm soát do Hải quân, Lục quân và các Sở Dân-Sự, vì lẽ rằng các Bộ chính là khách hàng của cơ quan kiểm duyệt, và khách hàng thì không có kiểm soát chánh quyền. Kinh nghiệm rút tại Anh quốc là không bao giờ để cho Lục quân và Hải quân kiểm soát cơ quan kiểm duyệt ».

Hội nghị cũng chấp thuận một ý kiến nữa của ông Hoover: giám đốc kiểm duyệt sẽ là một kỹ giả.

Vì vậy trong quyết định có đoạn:

« Sẽ chỉ định trong thời gian rất ngắn một vị giám đốc thường xuyên kiểm duyệt. Vị này sẽ là một nhân viên dân sự, và tốt hơn là một kỹ giả đã quen thuộc rất nhiều với kỹ luật nghề báo và như vậy có rất nhiều kinh nghiệm để làm giám đốc. »

Những câu trong quyết định đó rất hợp với Byron Price chủ sự phòng tin tức của Associated Press. Ngày 16 tháng 12, Tổng Thống Roosevelt ký nghị định bổ dụng Price vào chức vụ giám đốc kiểm duyệt.

Byron Price áp dụng phương pháp kiểm duyệt bằng lời tình nguyện cộng sự. Lời này nay dùng mai bỏ, dễ dàng lắm, khi nào hề chiến tranh. Thờ là lời này được đem ra thi hành.

Trong thời chiến, Sở CALB có trách nhiệm về an ninh nặng nề quá đến nỗi ông Hoover phải thay đổi đôi chút về sự tuyển lựa nhân viên: không bắt buộc phải có một bằng cấp luật học hay một bằng cấp kế toán nữa. Lúc Hoa-Kỳ nhập vòng chiến, CALB có 2602 thám-sát viên trong số 7420 nhân viên. Hoover ra lệnh cho các Phòng Hoạt động thăm hỏi những người đã tốt nghiệp trường Đại học quốc gia CALB, có phải vì đã được huấn luyện cẩn thận kỹ càng như vậy mà bây giờ họ có đủ đức tính cần thiết trong ngành hoạt động hay không?

Sở CALB phải tự làm cho phong phú, sung mãn để thi hành khối công vụ vĩ đại đó và số thám-sát viên lên tới được 5072. Hai năm sau khi nhập vòng chiến, tổng số nhân viên CALB lên tới 12.317.

Phải dùng đến rất nhiều nhân viên, dù chỉ để cải chính những tin đồn quái gở về phá hoại và gián điệp. Chẳng hạn như người ta bảo rằng quân Nhật làm mía trong ruộng ở Hawaii chính là đương vót tên để bắn lên báo hiệu những cơ sở quân sự. Cũng ở Hawaii, những tàu đánh cá Nhật chính là tàu tiếp tế nhiên liệu và thực phẩm cho các tàu ngầm Nhật. Tại bờ biển phía Tây, có một đạo quân chực sẵn để đổ bộ. Còn dân Nhật ở Mỹ thì đương bỏ thuốc độc vào các giếng nước ăn dọc bờ biển. Và những hàng rau Nhật bỏ cả thạch tín vào rau củ mà bán...

Chỉ là những tin đồn, nhưng CALB, An ninh quân đội, Cảnh-sát địa phương cũng phải mất công kiểm soát từng tin một. Thực ra thì địch không có phá hoại, sau trận Trân-Châu-Cảng. Không thể phá hoại, vì các tay chuyên việc đó đã bị bắt trước hết cả rồi.

Chính ở trong không khí sôi nổi lúc khởi sự chiến tranh đó mà tại Hoa-Thịnh-Đôn có xuất hiện ra một tập sách nhỏ nhan đề: « CALB ngủ chẳng? »

Tập này giống như hết một tập khác cũng vỏ danh và có 56 trang, phát cho vài kỹ giả vào mùa xuân năm 1941, nhan đề: « Hoa-Kỳ hiện có hay không một hệ thống gián điệp thường xuyên? ».

Tập sách mới này chỉ cốt buộc tội CALB vào việc sơ sót ở Trân-Châu-Cảng:

« Nếu những lực lượng võ trang có lỗi không chống kịp tại Trân-Châu-Cảng, thì lỗi đó có hạn trong thời gian, lỗi đó chỉ là một khiếm khuyết sáng chúa nhật 7-12-41... »

« ... Nhưng mà cơ sở phản gián của chúng ta lại cũng không chống kịp kịp nữa: Khiếm khuyết rỗng rã luôn 26 tháng trời... Sẽ chẳng ai được biết gì cả, nếu Tổng Thống không cho họp Ủy-ban để xem xét lại CALB có đủ tư cách để chăm nom đạo quân thứ năm của đất nước chúng ta

không? Đó là công tác Tổng Thông đã trao cho CALB đảm nhận»

Do đó, Ủy ban điều tra được thành lập. Một vị Phụ-thẩm tại Tối cao pháp viện, ông Owen J. Roberts làm chủ tịch, ngày 23 tháng 1 năm 1942 đã trình Tổng Thông bản phúc trình có nói:

« Sở CALB đã cố gắng rất nhiều để thu lượm tin tức về gián điệp Nhật tại Hawaii... Nhưng những sự hạn chế hiện hữu không cho phép áp dụng các cách thức có sẵn để nghiên cứu các điệp văn bằng điện thoại hay bằng vô tuyến do những đường hàng không đánh đi giữa Oahu và Nhật Bản»

Phúc trình còn ghi thêm: « Như vậy cho đến ngày 7 tháng 12 năm 1941, Sở CALB, sĩ quan tình báo Hải quân và Lục quân nằm trong tình trạng không sao lấy nổi được tin tức về những kế hoạch quân sự Nhật Bản.»

Thực ra thì vào năm 1940, ông Hoover còn từ chối không chịu nhận trách nhiệm chính về điều tra gián điệp, phá hoại, và hoạt động đối lập tại đảo Hawaii. Sở CALB tại Honolulu vừa không có kinh nghiệm và vừa không có nhân viên đủ tư cách vào các công tác quan trọng trong thời kỳ đó. Hoover hội nghị cùng Thủy quân Đô-đốc Walter Anderson, giám đốc tình báo Hải quân, và cùng Thiếu Tướng Sherman Miles, phụ Tá Tham-Mưu Trưởng lữ đoàn tình báo quân đội. Hoover đã khuyến khích nhiệm vụ Hải quân giữ phần chính về tình báo cho đến khi CALB có đủ phương tiện để thay thế. Phe quân nhân đồng ý với Hoover. Lúc đó, tại Honolulu chỉ có 9 thám sát viên và 5 tốc ký viên, trong khi Hải quân có tới hàng 100 sĩ quan chuyên nghiệp, thông dịch viên. Như thế mà lãnh phần trong nhiệm vụ thì CA chẳng qua là điên rồ sao!

Tháng 12 năm 1940, Hoover viết cho thám-sát-viên đặc biệt Shivers như sau: « Sở CALB thấy chẳng phải lẽ và cũng chẳng nên ước điều mà cơ quan Công An tại Honolulu nhận lãnh trách nhiệm những công tác điều tra về gián điệp Nhật Bản trên đất Hawaii»

Mấy tháng sau, Hoover lại gửi thư này: « Sở Công-An chưa có đủ phương tiện để nhận lãnh điều tra về những hoạt động Nhật Bản trên lục

địa. Cho nên Sở không thể cho phép Văn phòng CA thuộc quyền ông trông coi về những hoạt động Nhật Bản trên đất Hawaii.»

Đầu năm 1941, Lục quân, Hải quân và CALB đồng thông cáo: «... Đồng ý chương trình hoạt động chung hiện tại để theo đuổi việc thu lượm tin tức gián điệp Nhật-Bản, và sở CALB vẫn tiếp tục phát triển hoạt động trên phương diện này.»

Thỏa hiệp này có hiệu lực từ ngày 7-12-1941.

Trong lúc những cơ quan trên cùng chung hoạt động thì Ủy hội Liên bang Thông tin Liên lạc lại không chấp nhận quyền hành của sở CALB về việc kiểm soát an ninh các điện văn mật mã gửi đi Đông-Kinh, Bá Linh, La-Mã và Mạc-Tư-Khoa cùng đi những kinh đô khác. Sự lỗi thời bắt đầu từ tháng 9 năm 1939, khi ông Hoover trình bày cùng ông James Lawrence Fly, chủ tịch Ủy hội nói trên, về quyền hành trong công tác kiểm soát an ninh mà Tổng Thông đã trao cho mình, mà mình phải được người ta giúp cho mọi sự dễ dàng để thi hành phận sự.

Ủy hội khẳng khái cho rằng bất hợp pháp nếu nghe trộm xem trộm, dù An-ninh quốc gia làm điều này. Bộ Tư pháp thì không chịu ý của Ủy hội, Bộ cho rằng hợp pháp, nếu nghe trộm xem trộm mà những tin tức thu lượm được không bị tiết lộ. Đó là điểm chính cuộc tranh luận.

Giữa năm 1941, Ủy hội và CALB



vẫn chưa đồng ý. Hoover phải nhờ đến tay ông Chương lý Robert Jackson, thành cấu ông Chương lý đệ Tổng Thông một bản tuyên ngôn cho phép CALB được quyền đụng chạm tới các điệp văn tin tức quốc-tế. Hoover được tòa Bạch-Ôc bảo đảm Tổng-Thống ký bản tuyên ngôn Các luật gia của Bộ đang lúc nghiên cứu bản văn thì quân Nhật tấn công Trân Châu-Cảng. Thời cuộc đi trước!

Lại còn một điểm va chạm nữa giữa Ủy hội và CALB. Ủy hội không chịu giao cho CALB số trên 200.000 phiếu chỉ tay các nhân viên vô tuyến và văn phòng. Chủ tịch Ủy-hội nói rằng Ủy hội lấy chỉ tay của họ cốt để kiểm soát căn cước mà thôi, và bây giờ... « nếu chúng tôi đem giao tất cả những phiếu chỉ tay này cho quý sở thì đối với nhân viên chúng tôi thật rõ ràng đã nuốt lời hứa ». Đối với ông Fly (chủ tịch), thì giao phiếu đó cho Công an, là một sự thất tín quan trọng cũng giống như là giao một bức điện tín tư cho một người khác tên họ nhận vậy. Ngoài ra, các chủ tịch nghiệp đoàn khác cũng phản đối việc chuyển giao này.

Sau buổi nhập vòng chiến, ông chương lý Biddle liền can thiệp, viết thư này ngày 2-2-1942 cho ông chủ tịch Fly:

« Tình thế đã thay đổi hẳn trong những ngày gần đây. Không còn chờ cãi được rằng đã có những điệp văn thông tin tức cho địch đã được đánh đi do vô tuyến điện và do đó những cuộc tấn công quân sự của địch trên nước ta sẽ thành ra dễ dàng.. Tôi yêu cầu ông suy nghĩ điều đó. Tôi bức tức lắm nếu có chuyện quan trọng xảy ra, trong khi chính chúng ta có thể dễ dàng tránh được những chuyện đó »!

Ông chủ tịch James Lawrence Fly trả lời rằng: Ủy ban thỏa thuận để CALB kiểm soát những phiếu chỉ tay đó, nhưng không chịu giao cho CA để Công an xếp loại chung vào với những hồ sơ văn khố của CA. Điều tìm ra một hai tội trong quá khứ của nhân viên, tội chẳng đáng gì đến an ninh quốc gia, cũng sẽ tai hại cho nhân viên lắm.

F. B. I.

Nhưng ông Chương lý Biddle lại cương quyết hơn : những phiếu đó phải được giao cho CA xếp loại và lưu trữ tại văn khố CA. Ông không chịu nhận một lời nào khác. Ông viết cho ông Fly : « Nếu có kẻ nào bây giờ được ngồi chắc chắn nhất mà có thể hại cho nước nhà nhất, thì kẻ đó là vô tuyến điện viên. Tôi không thể bỏ sót qua một nguồn gốc tin tức nào có thể hại đến an ninh quốc gia. Tôi phải làm đủ mọi cách thuộc thẩm quyền để bắt cho kỳ được. Tôi hiểu bốn phần tôi là như vậy. » Ông Chương lý còn nói rằng nếu những phiếu đó không được xếp loại lưu trữ tại CA LB, thì một người đôi lập đã bị cách chức tại sở này lại có thể nhảy sang làm sở khác mà không ai biết.

Một năm sau câu chuyện gây cãi đó, CALB mới nhận được các phiếu chỉ tay.

Đó là những ngày tranh đấu căng thẳng, dùng tận lực, tận khả năng, tinh thần mệt mỏi, người ta có thể điên lên được và suy xét không còn sáng suốt nữa. Người ta đã thấy rõ điều này trong cuộc đệ nhất thế chiến.

Chính vì vậy mà người ta đã lôi cổ 120.000 dân Nhật lai Mỹ ở vùng bờ biển phía Tây, bắt đi định cư tại những địa điểm khác. Thật là một sự xáo trộn thảm thương. Hoover cho rằng người ta đã làm vậy, vì lý do chánh trị và sợ hãi mù quáng. Đó không phải là một biện pháp khẩn cấp phụng sự quốc phònh.

Sáng ngày 10 tháng 12 năm 1941 thì ông Tổng giám đốc Hoover lần đầu tiên nghe thấy tin tức về câu chuyện định cư này. Ông đã được Ông Morgenthau, Thứ-trưởng Tài-chánh, mời hội kiến. Chuyện trò xong ra về, ông Hoover viết thư sau đây cho ông Chương lý Biddle :

« Ông X..., Đại diện ông Thứ trưởng Bộ Tài-chánh ở San Francisco, Los Angeles, và những đô thị dọc bờ biển và tại nhiều địa điểm ở thung lũng San Joaquin Ông Thứ trưởng Tài-chánh hỏi tôi điều đó có nên chăng...

« Tôi đã xin ông Thứ trưởng kêu điện thoại hội ông. Tôi cũng nói rằng chắc chắn ông thế nào cũng do dự việc này, nếu bắt bớ không do những sự buộc

tội chặt chẽ đúng sự thực. Tôi nghĩ rằng ông sẽ phản đối cái lời bỏ rập bắt bớ. Tôi lại cho ông Thứ trưởng hay rằng từ trước đến nay, trước khi bắt bớ ngoại kiều Nhật, Đức, Ý hay một ai khác, phải có chứng cứ rõ rệt, phải lập hồ sơ đầy đủ, và còn phải đệ trình ông Chương lý để xem có được chấp thuận không. Tôi cũng nhắc lại rằng lẽ dĩ nhiên công dân Mỹ không có bị bắt trong dịp vừa rồi, cuộc bỏ rập chỉ riêng đối với ngoại kiều thôi. Và, nếu không có bằng chứng xác thực, bao giờ ông cũng phản đối việc bắt bớ bất cứ một công dân Mỹ nào.

« Đền chỗ đó thì ông Thứ trưởng Tài-chánh kêu điện thoại cho ông. Ông hứa sẽ xem xét việc đó, và ông đã cương quyết phản đối không cho thi hành những biện pháp để nghị do nhân viên Bộ tài chánh ở San Francisco ».

Nhưng việc lại cứ mỗi ngày một lớn. Việc di cư dân Nhật vì lý do chánh trị và chủng tộc nay lại viện thêm có vì sợ hãi nữa. Việc này do những nhân viên cao cấp chánh quyền quyết định. Vì thế mà hàng chục vạn dân Nhật lai Mỹ, công dân chân chính trung thành, đã tan cửa nát nhà ra đi giang hồ vô định không ngày mai, sau khi quân đội được lệnh bỏ rập họ.

Trong một thư gửi Ông Chương lý Biddle, ông Hoover nói đúng chỗ yếu :

« Cuộc di cư này chính là do áp lực của dư luận và của chánh trị, căn cứ chắc chắn vào những bằng cứ cụ thể. Tính nóng nảy của quần chúng, và trong nhiều trường hợp những lời bình luận của báo chí và những tin tức vô tuyến điện, đã có kết quả là tạo thành một áp lực vĩ đại đối với ông Thông đốc Olson, với Earl Warren (Chương lý ở California) và với những chức quyền quân sự. Có điều nhận xét đáng chú ý là người ta nói đến câu chuyện di cư này rất ít. »

Đó là tất cả câu chuyện sở CALB, sau nhiều tháng điều tra, đã bắt 733 người Nhật tại khắp các nơi ở Hoa-Kỳ vào đúng 6g30 sáng mùng 8 tháng 12 Chính họ, những người Nhật này, là những người nguy hiểm cho nền an ninh quốc-gia. Cuộc di cư mé bờ biển phía Tây đã làm vắng bóng 120.000 người Nhật chính tông, đa số nhập tịch Hoa-Kỳ.



Ông Edgar Hoover, Giám đốc F. B. I.

Trong cơn cuồng loạn chung của quần chúng lúc đó, ông Hoover đã phải loại ra biết bao nhiêu đơn thỉnh cầu của nhóm này nhóm kia, người này người khác, rải rác khắp Hoa-Kỳ, muốn xin vì nước vì dân ra tay dẹp loạn.

Nhưng trong Đệ nhị Thế chiến này ông Tổng giám-Đốc CALB không thấy có chỗ đứng cho bọn anh hùng rơm quá ư trung thành miễn cần đó như thuở ngày xưa vậy.

(còn nữa)

THI HÀNH CHỨC - VỤ THỪA - PHÁT - LẠI

(tiếp theo trang 31)

không được định tiền công cao hơn tiền công đã định trong giá biểu hoặc nhận bằng lộc gì khác để thêm vào tiền công này. Nếu vi phạm thể lệ này viên chức ấy phải hoàn lại số tiền thu dư, hơn nữa nếu sự vi phạm là cố ý thì sẽ bị phạt huyền chức hữu kỳ và gặp trường hợp tái phạm trong vòng 3 năm sẽ bị bãi chức.

Riêng đối với các viên chức thi hành chức vụ Thừa - phát - lại thì ngoài sự trừng phạt trên còn có thể bị trừng phạt vì kỷ luật dự liệu bởi quy chế riêng biệt của các hạng chức trách trên.

P. T. 9

ÚC ĐẠI - LỢI CÓ GÌ LẠ ?

CẢM TƯỞNG ĐẦU TIÊN

« Alo ! Alo ! Xin quý hành khách vui lòng tắt thuốc lá và thắt chặt dây lưng. Chúng ta sẽ đáp xuống trường bay Sydney trong vài phút nữa. » Tiếng cô chiêu đãi viên hàng không vang lên qua chiếc máy phóng thanh làm tôi chợt tỉnh dậy. Thì ra sau khi máy bay cất cánh rời Singapore, tôi đã mơ màng ngủ đi lúc nào không hay.

Tới phi trường Sydney, chúng tôi phải chờ đợi làm các thủ tục giấy tờ và mở hành lý cho nhân viên quan thuế khám. Báo hại tôi hôm đó có mang theo một hộp ruốc (thịt chà bông) vì vậy đã bị mấy ông cảnh-sát y-tế ở phi trường chặn lại xét và cuối cùng xin phép tạm tịch thu. Lý do : vì sợ đồ ăn ở ngoại quốc dơ, sẽ mang theo đi trùng bệnh vào đất Úc. Chuyện này về sau tôi vẫn còn bực mình mãi vì nó đã làm giảm bớt đi một phần nào cái hương vị quê hương của tôi trong những ngày sống xa nhà.

Vì là sinh viên hưởng học bổng tu nghiệp kế hoạch Colombo, nên chúng tôi được tiếp đón rất niềm nở. Ngồi trên chiếc tắc-xi (ở Úc người ta thường đưa những xe thật mới ra làm tắc-xi để câu khách. Những loại xe Huê-Kỳ như Chevrolet mới toanh mà ở nước nhà chỉ mấy người giàu sang mới đi), từ phi trường về nhà trọ mà lòng tôi hoang mang không biết rồi đây những ngày sống dài của tôi trên đất Úc sẽ ra sao. Tôi nghĩ rằng tới nhà trọ, việc đầu tiên phải làm là gấp rút tắm rửa, thay quần áo rồi phóng ra phố chơi cho biết cái đã, còn bao nhiêu hậu xét ! Tính tò mò đã làm cho tôi quên cả những mệt nhọc của một chuyến bay dài. Ngồi trên xe vào thành phố, tôi thoáng thấy hai bên đường những căn nhà xinh xắn, cất theo kiểu vi-la, màu sắc rực rỡ. Trước cửa mỗi nhà là một bãi cỏ xanh rờn được cắt xén phẳng phiu. Tôi tưởng đã tới thành phố, hỏi ra mới biết đây chỉ là khu ngoại ô của thành phố Sydney. Tôi lại ngạc nhiên hơn nữa khi chiếc xe tắc-xi đã đỗ chúng tôi xuống trung-tâm thành phố. Những « buildings » cửa kiếng cao ngất (gần 40 tầng), những đại lộ rộng lớn, những loạt xe hơi vun vút lao qua, làm cho tôi hết ngạc nhiên này qua ngạc nhiên khác, cái ngạc nhiên của những kẻ lần đầu

tiên bước chân ra ngoại quốc. Có một điều sau này tôi mới nhận thấy là hầu hết các thành phố Úc, tuy có một lối kiến trúc tân kỳ hình như vẫn còn phẳng phất một sắc thái tồn cổ. Cảnh những ngôi nhà chọc trời kia, người ta vẫn còn thấy rải rác những kiểu nhà đặc biệt Anh. Điều này cũng không lạ vì có thể nói là tới 70 phần trăm dân Úc hiện là người Anh di cư qua lập nghiệp. Có lẽ cũng vì ảnh hưởng này mà dân Úc bản tính thường điềm đạm chứ không vội vấp nhanh nhẩu như một số người Mỹ mà các bạn đã có dịp gặp ở đây. Tuy nhiên, bản tính điềm đạm không có nghĩa là dân Úc lạnh như tiền hay « phớt tỉnh như Ăng-lê ». Trái lại họ rất cởi mở và dễ thương, đặc biệt đối với người ngoại quốc hoặc những sinh viên du học như chúng tôi. Ngoài ra còn có thể nói là dân Úc rất thành thật và ưa khôi hài. (Điều này các bạn sẽ nhận thấy ngay, nếu có dịp quen mấy người Úc.)

NGƯỜI ÚC YẾU « NƯỚC »

Trước kia, tôi vẫn thường nghe nói Úc là một xứ rất lạnh và thời tiết bất thường. Sau này có dịp ở Melbourne, mới thấy điều này là đúng. Về mùa đông nhiều khi tuyết rơi lạnh cóng làm tôi cảm thấy lười biếng không muốn bước chân xuống khỏi giường. Mùa hè ở đây tương đối dễ chịu hơn. Vì hầu hết các thành phố lớn ở Úc đều nằm ven bờ biển nên đặc biệt về mùa này bạn luôn luôn có thể ra biển tắm. Chỉ việc leo lên xe buýt hoặc xe điện ngầm từ thành phố là mười lăm phút sau bạn đã thấy trước mắt những đợt sóng trùng dương xanh rờn, những chiếc « surf » (1) đang ngã nghiêng lao vun vút vào bờ, những nàng kiều nữ có tấm thân « nhìn không biết chán » nằm phơi nắng trên bãi bể. Tôi còn nhớ hồi năm kia (1961) ở Sydney, hội Bảo-vệ thuần-phong mỹ tục thấy nhiều thiếu nữ mặc áo tắm loại « bikini » quá hở hang, đã yêu cầu chính phủ cho nhân viên

(1) SURF : Một tấm ván làm bằng gỗ đặc biệt để lướt sóng, rộng chừng 40 phân và dài lối 2 thước, thứ mà các bạn thấy ELVIS PRESLEY đi trong phim « GIDGET GOES TO HAWAII » mới chiếu tại Saigon.

thanh tra đi dọc cái bãi biển, tay cầm lăm lăm cái thước dây để sẵn sàng đo; nếu « bikini » của cô nào hẹp quá là « sẽ bị phạt vì cảnh. Về sau báo chí ở Úc thường khôi hài và gọi mấy ông này là « thanh tra bikini ». Nói chung, thì dân Úc là một dân yêu « nước » (biển l). Vì vậy về mùa này các bãi bể thường đông nghẹt. Trẻ con, người lớn đủ cả. Thậm chí có những bà già cỡ 60, 70 tuổi vẫn còn mặc đồ tắm bơi lội tung tăng nô đùa với con cháu. Thật khác hẳn dân Việt-Nam mình mới 40 tuổi đã tự cho mình là già, không mấy thích những môn thể thao bơi lội như vậy.

NHỮNG CHUYẾN ĐI SĂN ĐÊM

Ở Úc, đối với một sinh viên ngoại quốc như tôi ngoài cái thú đi bơi và đi ngắm người bơi, chúng tôi còn được sống những phút hồi hộp trong những cuộc đi săn đêm ở những miền quê xa xôi. Con mồi chính thường vẫn là giông thỏ rừng và kangaroo. Loại sau này đặc biệt có rất nhiều trên đất Úc. Chúng chạy và đi bằng hai chân sau, bụng có một cái túi để mang kangaroo con. Chúng có thể chạy với một tốc độ 40 cây số một giờ, vì vậy muốn đi săn kangaroo bạn phải đi ban đêm và đuổi theo con mồi bằng xe díp. Người mọi bản xứ thường đi săn với một thứ khí giới rất thô sơ làm bằng gỗ hình giống như một cái cánh cung gọi là « boomerag ». Người mọi Úc châu có biệt tài phóng nó đi trúng con mồi rồi nó lại tự động văng trở lại để rơi xuống ngay cạnh chỗ người sử dụng nó đang đứng. Kể ra đi săn bằng súng và đuổi theo con mồi bằng xe díp như chúng tôi vừa kể trên có phần nguy hiểm song những phút chờ đợi và rượt theo hào hứng sẽ làm cho bạn quên đi tất cả. Ngoài ra thịt kangaroo rất thơm và mềm, ngon như thịt bò non vậy.

HỆ THỐNG « MUA TRẢ GÓP » Ở ÚC

Nhiều du khách tới đất Úc đã phải công nhận rằng dân Úc quả là một thứ dân may mắn. Từ mấy chục năm nay họ sống yên lành, không bị một cuộc chiến tranh ngoại lai hay nội bộ nào tàn phá. Với một diện tích đất đai rộng lớn (lỗi 24 lần diện tích V.N.) một mức sản xuất len và lúa mì đứng vào hàng đầu thế giới, một số quặng mỏ quan trọng đang được khai thác và với một dân số chỉ trên dưới 10 triệu, người dân Úc dĩ nhiên có một đời sống tương đối đầy đủ và dễ chịu. Một người lao công thợ thuyền cũng có thể có một căn nhà sạch sẽ vệ sinh để ở, (mẫu nhà này trị giá chừng 200.000đ V.N)

có đủ những tiện nghi như xe hơi (dân Úc là dân nhiều xe hơi thứ nhì trên thế giới, tính theo tỷ số đầu người), tủ lạnh, vô tuyến truyền hình. Sở dĩ đời sống một người thợ ở đây có thể đầy đủ tới mức đó là nhờ ở hệ thống bán trả góp (Hire purchase). Bạn có thể mua bất cứ một vật gì và trả dần trong 5 năm, 10 năm hay 50 năm tùy ý bạn. Chính kể viết bài này khi mới sang Úc đã dám bạo phôi mua một chiếc xe cũ trả dần trong 3 năm mới hết. Nếu có công ăn việc làm bạn có thể tới một hãng thầu xây cất nhà cửa và đặt họ xây cho bạn một căn nhà theo kiểu kiến trúc mà bạn ưa thích và làm giao kèo trả dài hạn trong một thời gian là 30 hay 40 năm. Sau đó, bạn tới hãng bán xe hơi đặt mua một chiếc xe hơi mới hoặc cũ tùy ý bạn và trả góp thành 10 năm, một tủ lạnh trả góp 5 năm, một vô tuyến truyền hình trả góp 3 năm, một bộ sa-lông trả góp 2 năm... Nghĩa là bạn có thể mua bất cứ một thứ gì và xin trả góp, thậm chí cả một chiếc áo sơ-mi, một bộ đồ, một đôi giày bạn cũng có thể mua và trả dần theo hệ thống này. Lẽ dĩ nhiên nếu thời gian trả góp càng dài thì số tiền lời (rất nhẹ) sẽ càng tăng lên. Dù sao cũng nhờ hệ thống trả góp này mà người Úc có thể có một đời sống tương đối đầy đủ tiện nghi. Nhưng cũng vì người dân trung lưu có thói quen mua trả dần như vậy, nên đồng lương lãnh ra hàng tháng, trừ đi các khoản phải trả góp thường không còn lại được bao nhiêu. Số tiền dành dụm hàng tháng của mỗi gia đình vì vậy tùy thuộc một phần lớn vào số lượng đồ đạc mua trả góp. Chúng tôi thiết tưởng, nếu hệ thống này « có thể áp dụng được ở V.N. mình thì người dân nghèo đỡ biết mấy ! (Tuy nhiên cần phải có những công ty đầu tư lớn bỏ vốn ra khếch trương kiểu này và nhất là người dân mình nói chung phải có công ăn việc làm lâu dài chắc chắn để có thể trả, đồng thời phải có một trình độ giáo dục tương đối để tránh chuyện lừa bịp hoặc mua đồ « chạy » thẳng).

TỔ CHỨC XÃ HỘI

Nói về tổ chức xã hội, chúng tôi phải nhìn nhận rằng Úc-Đại-Lợi là một quốc gia có một tổ chức xã hội tương đối hoàn hảo. Sở dĩ được như vậy, một phần lớn cũng là nhờ ở các yếu tố kinh tế vừa được trình bày ở trên : nước giàu dân ít.

Người dân Úc được đảm bảo mức sống tối thiểu do luật định. Nếu chẳng may bị thất nghiệp, họ sẽ được chính phủ trợ cấp một số tiền để có thể đủ sống cho tới khi tìm được sở làm. Chính phòng

tìm việc của mỗi tiểu bang có bốn phần phải lo công ăn việc làm cho họ. Ngay cả khi đi làm, họ cũng được hưởng một số lương tối thiểu (mim wage,) theo luật định chừng 14 Úc kim một tuần (một Úc kim trị giá 16000 V.N. theo hối xuất tự do). Mức lương tối thiểu này được áp dụng cho mọi người, dù làm ở một công sở hay một hãng tư. Một sinh viên tốt nghiệp Đại học với văn bằng Cử nhân cũng chỉ kiếm được trung bình từ 20 tới 25 Úc kim mỗi tuần. Số lương này sẽ thay đổi chút ít, tùy theo bạn trên hoặc dưới 21 tuổi. Như vậy sự sai biệt về lương bổng giữa một người lao công và một ông cử cũng không có là bao. Có lẽ cũng vì thế mà người Úc không trọng bằng cấp khoa cử một cách thái quá như phần đông dân Việt-Nam mình. Ngoài vấn đề sở làm, người dân Úc còn được chính phủ đặc biệt săn sóc về sức khỏe. Thường thì cứ hàng tháng, mỗi gia đình Úc đóng góp một số tiền nhỏ vào quỹ đặc biệt gọi « quỹ bệnh viện » (Hospital Benefit Fund). Để bù lại, tất cả số tiền đi khám bác sĩ, giải phẫu, rọi kiếng, nằm điều trị hoặc dưỡng bệnh tại bệnh viện... (ngoại trừ tiền mua thuốc men) của mọi người trong gia đình đều được chính phủ trả lại 2 phần 3; nghĩa là nếu bạn đi khám bác sĩ và rọi kiếng hết 900 trăm đồng thì chính phủ sẽ trả lại bạn 600 đồng và bạn chỉ còn phải trả 300 đồng thôi.

VẤN ĐỀ GIÁO-DỤC THANH NIÊN.

Tuy được nâng đỡ về mọi mặt, người dân Úc nói chung vẫn có óc tự lập từ nhỏ. Thực ra một đứa trẻ Úc tuy được sống đầy đủ nhưng thường thường không được nuông chiều thái quá như con cái nhiều gia đình V.N. ta. Các cô cậu còn học sinh dù đã học tới cấp trung học hay đại học cũng vẫn chỉ được cha mẹ cho một số tiền tiêu vặt hàng tuần nhỏ nhoi, thường là 10 các cho các cô cậu còn học trung học và chừng 1 Úc kim rưỡi cho mấy cô cậu sinh viên đại học. Tôi đã có dịp làm quen một sinh viên ở đại học, con một vị bác sĩ rất giàu. Hàng ngày thấy anh ta đi học bằng chiếc xe lambretta xộc xanh cũ kỹ, tôi hỏi : « sao anh không xin ông cụ một chiếc xe hơi mà đi có phải đỡ khổ không. Anh con nhà giàu mà, tội gì ! » Sau, tôi được anh ta cho biết ở Úc cha mẹ thường không muốn con cái sống ỷ lại vào tiền của gia đình nên ngay cả chiếc xe xi-cút-tơ cà tàng đó anh ta cũng đã phải tự mua lấy với số tiền dành dụm suốt hai kỳ hè làm việc vất vả. Óc tự lập này đã khiến người sinh viên Úc có một thái độ thành thật và mạnh dạn. Tự mình xây dựng tương lai chứ không chịu sống ỷ lại vào

tiền bạc và thế lực của cha mẹ. Họ là những con người ưa hoạt động, gia nhập đủ các loại câu lạc bộ thuộc tổ chức thanh niên đại học như câu lạc bộ thể thao, văn nghệ, chính trị... Người sinh viên Úc có một lối sống thật tự do phóng khoáng, vì vậy họ cũng rất vui nhộn.

Hàng năm, vào giữa tháng 7, sinh viên Úc thường tổ chức một ngày quấy phá gọi là « Prosh day » (nhại chữ Procession). Vào ngày này, các sinh viên nam nữ ăn mặc thật lố lăng lập dị, trưng những biểu ngữ khôi hài hoặc chữ bới chệch bai các ông « Bự » v. v... và đi lang thang khắp thành phố để quên tiền cho quỹ cứu trợ sinh viên. Những sở, hãng hoặc cửa hàng nào không chịu ủng hộ ít nhiều vào quỹ sinh viên này đều bị họ quấy phá. Năm 1960, sinh viên đại học đường Western Australia đã dám bắt cóc cả một thầy Cảnh sát đem lên xe hoa đi diễu phố. Báo hại ông này bị lột trần phải ngồi chờ cho tới khi các bạn đồng đội hay được tới giải thoát. Thực ra những chuyện tình nghịch này của sinh viên nhiều khi đã đi tới chỗ quá lỗ. Tuy nhiên vì nghĩ rằng các ông « cử » tương lai phải bù đầu học hành suốt năm nên người dân Úc cũng sẵn sàng thông cảm và tha thứ. Ngày nay, những cuộc tổ chức « Prosh day » này đã trở thành một tục lệ không thể không có đối với bất cứ một đại học đường nào trên đất Úc. Chỉ tội nghiệp mấy thầy Cảnh binh phải toát mồ hôi vì toán sinh viên động trời này.

T. M. C.





HỒI KÝ
CỦA
NGUYỄN-VĂN-ÍCH

ĐÂY ! Những thủ đoạn « Tổng tiền », « Tổng tình » tuyệt kỹ ; những mảnh lời « buồn lậu », « hao hàng » tài tình ; những mưu mô « thanh toán », « trả thù » rùng rợn của cuộc đời thủy thủ, lớp người chuyên sống trên những con tàu nhỏ bồng-bênh theo các giải sông dài, và trên những thương thuyền lớn vượt qua các biển rộng !

Tất cả mọi khía cạnh thâm kín của cuộc đời SÔNG, BIỂN, được trình bày rất « THỰC » ở thiên hồi ký này, mong rằng sẽ làm giàu thêm cho cái túi kinh nghiệm hữu ích cho nghề nghiệp của anh em trong ngành CẢNH-SÁT QUỐC-GIA.



DANH TỪ « BỌ NƯỚC »

Những ai đã từng sống tại các khu hải cảng như Xóm Chiếu ở Sài-gòn hoặc Lạc-Viên ở Hải-Phòng hẳn

đều đã nghe nói một danh từ rất lạ tai, nếu có tra cứu các bộ từ điển Việt-Nam chắc hẳn đều không thấy ghi chú, danh từ đó là « Bọ nước ». Bọ nước đây không phải thuộc loại thủy trùng theo nghĩa thông thường mà chỉ một nghề nghiệp : nghề làm thủy thủ. « Bọ nước ngọt » là những anh chàng thủy thủ chuyên sinh hoạt trên các con tàu chở khách chạy trên các con sông nổi từ tỉnh này qua tỉnh khác như Saigon — Lục-tỉnh — Nam Vang hoặc từ Hải-Phòng đi Nam-Định, Hà-Nội, Phú-Lạng, Hòn Gay, Móng Cái. Còn « Bọ nước mặn » là chỉ các chàng thủy thủ chuyên làm trên hàng hải thương thuyền quốc-tế, vượt qua bao đại dương tới những bến lạ bờ xa, suốt từ Âu sang Á.

Trong giới « chị em » tại các xóm yên hoa hay tại các quán rượu ở các hải-cảng cũng gọi các anh chàng thủy-quân trên các tàu chiến Pháp là « Bọ nước ».

Ngày nay, danh từ « Bọ nước » ít còn phổ biến vì số thủy thủ không còn đông đảo, làm ăn thịnh đạt như xưa. Chiều chiều những buổi

đẹp trời, ta đi qua các bến tàu như bờ sông Saigon, Bến Súc Khánh-hội, nếu để ý sẽ thấy vài ba ông già vận áo bành-tô xanh, mũ « cát kết » ngồi trên kê đá, mắt đắm đắm nhìn ra sông rộng, ngắm những con tàu vừa « xúp lè » rồi căng vượt ra khơi; họ trầm ngâm như nặng mỗi u-hoài lắng về dĩ vãng, tiếc nhớ cái đời hải hồ sông nước ! Thưa các bạn, những vị khách nhàn du đó chính là những con « Bọ nước » thời xưa, những chàng thủy thủ ngang tàng trên các con tàu bốn hướng nay thiếu đất dụng võ, họ như những con hải-âu già, từ biệt gió sóng về ẩn dưới những cái tổ ấm đơn sơ, ngày ngày ngồi ngắm những con tàu từ phương xa lui tới để mơ cái cảnh biển rộng sông dài với bao kỷ niệm xa xưa buồn vui, bi hùng lẫn lộn !



ANH BA BẾN ĐÁ

Anh Ba Bến Đá là một trong số « đàn anh » của giới « Bọ nước » trong thời nghề thủy-thủ còn là một nghề độc đáo, dành riêng cho những chàng trai sẵn máu giang hồ mạo hiểm hoặc bất đắc chí thuộc các vùng lân cận với các hải-cảng, các bến tàu ở dọc giải sông hồ.

Tiểu sử của anh Ba, kể ra thì không có gì là ly kỳ, song nó có lắm cái khác lạ, hay hay ! Theo chân anh, ta sẽ được chứng kiến những vụ ám sát khủng khiếp, buôn lậu tài tình, trộm cắp cừ khôi hoặc ăn chơi phù phiếm, sa đọa nào nùng, nghĩa là sẽ được xem trọn vẹn cuốn phim của cả một cuộc đời thủy thủ từ sông trong đến biển ngoài kéo dài trên 30 năm lên voi, xuống chó !

Tên « cúng cơm » của anh là Trần-văn-Ba, con một nhà nông ở làng Văn gần Thương-cảng Hải-Phòng. Trước kia anh là một lý-trưởng rất hách, vì cái bệnh tham quan, ô lại dờn ép anh đến cái tội « phù thu lạm bổ » nên bị cách chức, ruộng vườn tiêu tán, « bạn bè ít kẻ tới nhà, thân thích không ai nhìn họ », anh buồn ức nên bỏ lũy tre xanh ra ngụ tại khu Bến-Đá (Hải-Phòng). Do đó anh có cái hohn danh là « Ba Bến Đá ». Văn thì anh cũng đủ chữ để làm ông đồ, thầy lý ; vò anh cũng dư sức đánh bạt một bọn cướp tay mớ, hoặc giết nhiều giải nhất trong các kỳ hội vật.

Bến Đá còn có cái tên nữa là Bến Đầu Trâu, một nơi giang đầu, tứ chiếng quyền cư mà phần đông làm nghề thủy thủ. Anh Ba sống ở đây hình như lạc lõng với cái tài mọn như làm thầy lang, thầy cúng nên rất chật vật mà vợ con cũng chẳng được ấm no. Giữa lúc anh Ba tứ thời cái áo the thâm, cái khăn xếp rách trơ cả « Mạnh Tử viết » (1) ra ngoài thì chung quanh anh có bao nhiêu người cùng lứa tuổi mà nhà xây, tử chề, sập gụ, ăn uống các thứ cao lương mỹ vị từ bên Tây, bên Tàu đem về, vợ con xúng-xính lựa là, vàng bạc lóc mắt ! Anh Ba uất ức, so sánh và cố tìm hiểu xem người ta đã làm gì mà sung sướng thế ? Sau anh hiểu ra rằng : những anh giàu có sang trọng họ, trước kia cũng đều đứng

như mình bây giờ, tài trí còn thua mình gấp bội, thế mà chỉ nhờ có nghề đi « làm tàu », kể ở sông, người ở biển, độ vài « bô giát » (2) là đã trở nên giàu có như ngày nay, thật là giản dị !

Một hôm, ra hàng bán thịt cày gặp bọn thủy thủ làm trên các tàu chạy đường Hải-Phòng, Nam-Định, Hà-Nội, anh Ba thả ra ba hào rượu thịt làm quen, rồi anh được một « Bọ nước ngọt » giới thiệu cho anh làm « mạch lô » trên tàu Phi-Phượng của Hãng Xô- Fa (Fortuné Sauvage) chở hành khách và hàng hóa. Hôm sau, anh Ba từ bỏ cái lối cụ Lý khăn xếp áo the, vụn vào một bộ vải xanh, mũ kết, giầy tàu, phút chốc đã trở nên một « Bọ nước » chính hiệu. Cái đêm từ già bà con lối xóm sửa soạn cái va - ly bẹp để sáng mai bước xuống tàu, anh Ba cũng thấy ngậm ngùi, nhớ tiếc cái nếp sống an nhàn kẻ hầu người hạ trong cái địa vị « Quốc công hầu, dân tổng lý » thuở nào ! Nay chỉ vì nghèo mà từ cái phong thái nho nhã bỗng biến thành một anh mạch-lô tàu Nam ngang hàng với các giới mà người đời vẫn thường gọi là « dân bọ nước » rất ít cảm tình.

Giữa lúc canh khuya vào đêm thu già, gió lạnh từ mặt sông Cẩm thối về xào xạc bụi chuối sau nhà lọt vào căn buồng trống trải của vợ chồng anh Ba đem theo một giọng hát ru con của chị Tài Tô, vợ một thủy thủ ở đầu xóm :

« À ... ơ ... ! Con ơi đừng khóc mẹ sầu.

Cha con đốt lửa ... dưới tàu Long Môn ! »

Giọng hát nghe buồn não nuột, chứa đựng một niềm thương chông giờ này đang lam lũ vất vả cái nghề đốt lửa, xúc than đổ vào lò « xúp de » ở hầm tàu Long Môn trên con sông dài từ Hải-Phòng về Hà-Nội ! Chị Ba buồn thở dài, ái ngại cho chồng

mai đây cũng phải vất vả, xa vợ con như anh Tài Tô, và chị cũng sẽ phải lủi thủi sống với hai con trong căn nhà vắng vẻ ở bờ sông heo hút này, để rồi :

« Đêm đêm nghe tiếng còi tàu,

Tưởng rằng chàng ở nơi đâu đã về ! »

Biết rõ tâm trạng của vợ, anh Ba cố giấu nỗi xúc cảm trong lòng và khuyên vợ :

— Nay, đừng có mà ... vớ vẩn ! Làm thế nó nhứt cái khí nam nhi của tao đi, mẹ kiếp, đắc thời thì làm ông lý ăn trên ngồi trốc, kéo rào ngược trong làng, mà ... thất thế thì ông làm mạch lô, cướp cơm giã áo, hốt « bọ nước » về xây nhà lầu chứ sợ gì ? Bu mày cứ yên trí ở ở nhà nuôi con, chỉ dúi rách độ một tháng nữa thôi, tao đủ mảnh khóc để sống với dân bọ nước, cóc sợ ; ông mà không giàu thì ăn dơ cho cả cái khu Đầu Trâu này !

THỜI THỂ TẠO ANH HÙNG.

Thời thể tạo anh hùng ! Nói thế cho nó oai đấy thôi, anh Ba Bến Đá nào phải là hạng anh hùng như những hào kiệt có tên trong sử sách, mà anh chỉ nhờ gặp thời may nên phút chốc đã thành một cai mạch-lô anh chị số 1 của giới Bọ Nước trên các con tàu chạy khắp nẻo sông hồ ở Bắc Việt cách đây hơn 25 năm.

Hồi ấy, giữa lúc Trung Nhật chiến tranh đến hồi gay cấn, người Pháp cho phép quân đội Trung Hoa Dân Quốc mượn đường hỏa xa Vân-Nam để tiếp tế cho mặt trận Trùng Khánh nên các đường thủy bộ từ Hải-Phòng lên Hà-Nội đều hoạt động mạnh, dân Bọ Nước được cơ hội tha hồ tung hoành với mọi thủ đoạn, mảnh lối để làm giàu.

Tình cờ, tôi xuống làm mại bản phụ trên tàu Phi Hổ của hãng Xô-Fa (Sauvage) nên gặp anh Ba Bến Đá lúc

đó đang làm cai mạch lô điều khiển số đông thủy thủ và tài công các xà lan, chở khách và hàng hóa rất phát đạt, tiếng tăm anh Ba đang nổi như cồn được các giới thủy thủ kính nể. Nhờ sự thân mật với anh nên mới vào nghề mà tôi đã học « lăm điều hay » và được biết rõ tất cả khía cạnh, mưu mô của cái lớp người chuyên sống trên các con tàu ngược xuôi từ miền thượng du xuống miền duyên hải. Cuối cùng, anh Ba đã trở thành một Bọ Nước mặn hữu hạng, một tay hào hiệp trong giới thủy thủ ở các hàng hải thương thuyền và một tay « Bạc bô » (3) cừ khôi ở Hải cảng Mạc Xây bên Pháp.

BA BẾN ĐÁ ĐẦU TRÍ VỚI NHÀ ĐOAN, MẬT THẨM.

Hồi ấy, mọi quyền lợi của các nhà kinh doanh Pháp đều được chính quyền bảo vệ triệt để như nhà máy rượu Fông-Ten và hãng Cao-su Đất Đỏ chẳng hạn. Vì vậy nhân viên nhà Đoan (Quan Thuế) và Sở Mật Thẩm (Liêm Phóng Liên Bang) đều phải nỗ lực phục vụ; quyền lợi, tài sản của các xí nghiệp « anh chị bự » ấy mà bị thương tổn thì nhiều thầy chú sẽ phải treo áo về vườn.

Hãng vận tải Giang Hà Bắc Việt « Sô Fa » có trên 10 con tàu và vài chục cái xà - lan được đặc quyền

chuyển vận nhiên liệu như bắp, gạo từ Hải-Phòng lên Hà-Nội cho hãng máy rượu Fông-Ten và chở rượu từ Hà-Nội đi các tỉnh để bắt dân chia nhau tiêu thụ.

Mỗi chuyến tàu bắp và gạo được xếp đầy các hầm và đầy 2, 3 xà lan hai phía sau, trước khi tàu nhổ neo, viên chức nhà đoan xuống kiểm điểm, đóng dấu cẩn thận và giao cho hai thầy mật-thẩm đeo súng lục đi theo áp tải đề phòng trộm cắp. Trước sự gìn giữ cẩn mật này, các ông cai mạch-lô khác đành khoanh tay, chỉ cho thủy thủ « hao hàng » (4) bằng cách chọc ngấm cho thủng các bao gạo, bắp chảy ra hầm, lẫn với than cát, khi lên hàng xong thì hốt lấy đem bán rẻ.

Đối với anh Ba thì sự cẩn mật của nhà đoan và mật - thám trên đây không có nghĩa gì cả và anh nhất định cấm đàn em « lăm hàng » bằng cách kếm thủ đoạn như vậy, nghĩa là anh sẽ mua đứt hoặc bít mắt mấy thầy mật-thẩm này để rồi tự do lấy gạo bắp giữa ban ngày cho mà coi. Tôi làm mại bản phụ có trách nhiệm kiểm nhận và giao trả hàng hóa, biết ý định của anh Ba tôi đâm ra lo sợ, năn nỉ xin anh làm trò khác kiếm tiền, chớ có đụng vào nhà máy rượu Fông-Ten mà tù cả lũ, anh Ba cười khẩy và giảng « thập điều » cho tôi nghe về cái triết lý

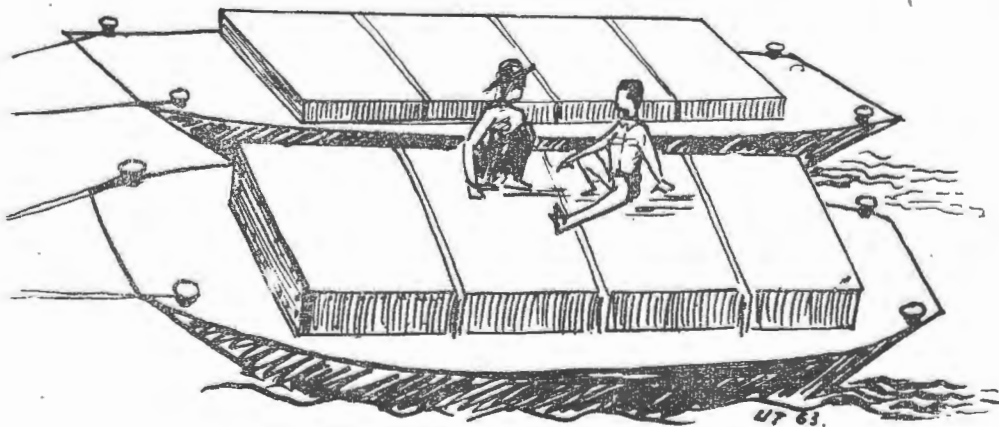
của cánh Bọ Nước là : kiến thực bất thực vi chi cường » (5), đi làm tàu thủy mà không buôn lậu, không xoay sở thì đi làm cái « cóc mẹ » gì ! Anh Ba căn dặn tôi phải nhớ làm một việc cốt yếu là : « thấu cáy ngay từ lá bài đầu » nghĩa là dùng thủ đoạn gian manh ngay từ khi ký sổ nhận hàng hóa xuống tàu ! Thí dụ :

— Nhận 5.000 bao gạo xuống tàu xong rồi, lúc ký biên lai cho hãng vận tải phải nhớ ghi một câu : « trọng lượng không kiểm tra ».

— Nhận một lô hàng như rượu sâm-banh, nước hoa, âu được đóng trong thùng gỗ thì phải ghi : « nhận đủ số kiện hàng ghi trên song bên trong mỗi két đều nghe có tiếng lọc sọc như mảnh vỡ ».

Ấy đấy cứ đại khái như vậy thôi thế là anh em có đủ lý lẽ để làm ăn rồi, không sợ tù, ăn cắp hợp lý mà ! Sáng hôm ấy, con tàu Phi - Hồ chở đầy khách và tại hai cái xà-lan xếp đầy gạo và đủ các loại hàng, lướt ngược dòng sông Cửa Luộc vào Nam-Định rồi sang sông Hồng Hà lên Hà-Nội. Trời về trung thu nắng hanh lại được hơi may lành lạnh hai thầy mật-thẩm ngồi trên mui xà-lan nhỏ râu nhìn hai bên đồng ruộng lúa xanh bát ngát chạy dài dọc theo hai bờ sông ; hai thầy có vẻ đôi và buồn, muốn lên tàu để ăn nhậu và vui chơi song Ba Bến Đá lại cự

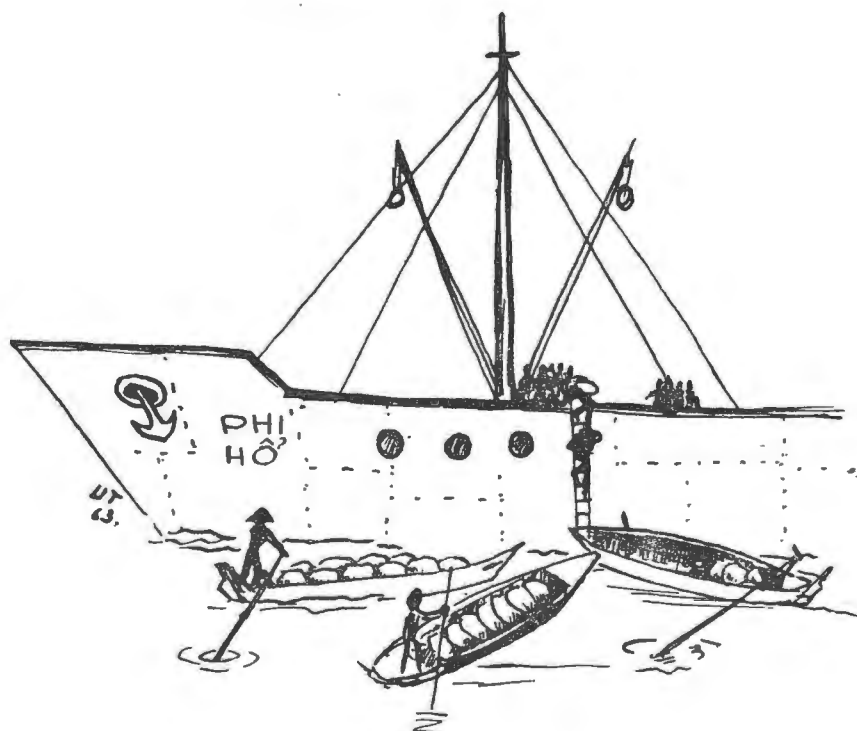
tuyệt rất lễ phép mà rằng : « Bẩm các thầy đội, chúng cháu sợ tù lắm, hàng hóa nhiều và quý cả, hai thầy bỏ chỗ canh gác nhớ ra có sự gì sứt mẻ thì chúng cháu chết hết, xin hai thầy đội cứ ngồi yên chỗ cho cháu nhờ, chịu khó ăn cơm nắm thịt kho vậy, đến Hà - Nội thì tha hồ ! »



Trong khi đó, Ba Bến-Đá cho đàn em nướng chả chó thơm phức, dọn một mâm rượu thịnh soạn ăn uống phè phỡn ở phía sau tàu, mùi rượu thịt theo gió luồn vào mũi các thầy đội khiến cho vị giác của hai thầy cứ dâng lên, thèm thuồng không thể chịu được.

Cứ ngón đòn vô hình ấy mà đánh suốt từ sáng đến chiều, biết rằng hai thầy đã ngấm kỹ, Ba Bến Đá mới bàn tính với ông ba-toong (patron) và xếp máy, nhất định cho tàu Phi Hổ bị « pan », hư máy, thực nặng và phải đậu lại bến Ninh Giang trong đêm nay.

Trong khi tàu còn sửa máy, ông cai mạch lô đã bảo ngầm cho hành khách biết là sẽ phải ngủ lại Ninh Giang, do đó hành khách đều rời tàu lên bờ tản mát đi chơi và ăn uống, còn trơ hai thầy đội mật thám ngồi trên hai xà-lan nhìn sông nước thở dài. Lúc ấy, Ba Bến Đá cho một đàn em môi mếp như Tần-Bật đến làm thuyết khách, chả rõ hấn tẩn tẩn thế nào mà chỉ 15 phút sau đã thấy hai thầy đội bỏ xà lan hàng đến ngồi đánh chén thịt cầy và nghe hát cô đào ở phố Ninh Giang do bọn đàn em Ba Bến Đá khoản đãi rất trọng hậu. Chờ cho hai thầy say khướt ngủ như chết ở nhà cô đào, Ba Bến Đá mới ra lệnh cho đàn em mở nắp hầm nạy các két có hàng quý và tha hồ lấy, đồng thời cho hợp các tay yêu tạ chuyên nghề mua hàng lậu, hàng lấy cắp, sắp sẵn 30 con thuyền nan chờ sẵn ở khúc sông có tiếng là sóng dữ nhất tức ngã ba Tuần Vương, chờ tàu Phi Hổ tới sẽ áp mạn để chở gạo, bắp. Sáng hôm sau máy đã hoàn hảo, tàu lại chạy. Giữa lúc hai thầy đội đang ngủ mê mết trong căn buồng kín khóa trái của thầy mại - bản thì tàu cũng vừa tới ngã ba sông vắng, tức tốc cả 30 con thuyền nan nhất tề xông ra buộc sát mạn hai xà-lan, bắp gạo từ lòng xà lan, đổ



sang thuyền phút chốc đầy ăm ắp và tản mát lẫn vào các bụi lau sậy. Khi tàu vào đến Bến Xuôi hay Hới thì đã có một đại diện của các thuyền nan chờ sẵn, giao cho anh Ba đủ số tiền theo đúng với số lượng của gạo, bắp đã bán, rất sòng phẳng không hề sai ngoa. Anh Ba nhận tiền liền phân chia cho các đoàn viên trên tàu theo cấp bậc, đúng nguyên tắc : « ăn đều, kêu sòng ». Riêng tôi được đúng 100 đồng bằng tờ giấy cái đỉnh. Tôi ngạc nhiên vừa mừng vừa sợ; số tiền này bằng 9 tháng lương của tôi hồi đó.

NHÀ ĐOAN ĐỘI CHIẾN THUẬT, BA BẾN ĐÁ TƯƠNG KẾ TỰU KẾ

Hãng máy rượu bị mất gạo nhiều chuyển liên tiếp, mỗi bao chỉ hao độ 5 ký tổng số mỗi chuyến mất độ 2 tấn, các loại hàng khác cũng bị mất. họ tức điên lên song khó tìm ra manh mối vì khi lên đến bến Hà Nội nhân viên Quan Thuế ra khám xét vẫn y nguyên dấu cặp chì ở cửa hầm và thầy đội mật-thám vẫn đeo súng ngồi trên mũi xà-lan rất ư là nghiêm mật... phúc trình ghi rất rõ ràng : « đi đường vô sự ! » Vậy thì hàng hóa hao tổn bằng cách

nào ? Hãng gạo đổ lỗi cho nhà vận tải, hãng tàu đổ lỗi cho nhà máy gạo cần thiếu, không đủ yếu tố là hàng bị trộm nên hãng bảo-hiểm không chịu bồi thường. Thật là loạn xạ ! Nhân viên trên tàu vẫn bình thản vì số bao gạo giao trả vẫn đủ duy trọng lượng thì... không chịu trách nhiệm vì đã có lời phê vào biên lai trước rồi.

Mấy ông Tây đoán biết ăn « cà ghém chấm mắm tôm » liền nghĩ ra một diệu kế là không cần mật thám đi áp tải nữa, hàng hóa cho cả xuống hầm xà lan, trên nắp hầm đặt 3 sợi dây thép, cứ cách 50 phân lại đóng một cái dấu bằng xi đồ (khằng) có dấu nổi của cơ quan Thương chánh, đồng thời cử nhân viên người Pháp đi xe hơi, đón ở các bến xếp để khám xét, kiểm soát bất thường, như vậy thì... bỏ trời cũng phải chịu, hết đường xoay sở !

Cái chiến thuật của ông Tây đoán lảo luyễn này tuy cao song vẫn chưa

- (1) Khăn rách tờ giấy bản lót trong có dòng chữ Mạnh-Tử viết.
- (2) Một chuyến tàu.
- (3) Anh chị, du đảng.
- (4) Lấy bớt hàng hóa.
- (5) Thấy ăn mà không ăn tức là điên.

(xem tiếp trang 57)

THIẾU NHI PHẠM PHÁP

MỘT tệ đoan lớn lao của xã hội hiện đại là thiếu nhi phạm pháp. Không chỉ riêng ở nước ta mới có nạn cao bồi và du dương, tại Âu-Mỹ, số can phạm trẻ tuổi đã đến một mức độ rất cao, và ở nhiều nơi như Huê-Kỳ, theo bản thống kê tư-pháp hàng năm, số tội phạm của chúng luôn luôn nhiều hơn tội phạm người lớn. Để nhận định rõ vấn đề, trước hết ta hãy định nghĩa thế nào là danh từ thiếu nhi phạm pháp. Theo quan niệm thông thường thì chúng là những đứa trẻ, từ 7 đến 18 tuổi (hạn tuổi này có thể thay đổi tùy mỗi quốc gia) có những hành vi trái với luật pháp, và những vi phạm này, nếu do người lớn gây ra, có thể bị phạt tiền, phạt giam hay tử hình. Nhưng thật ra, danh từ nêu trên bao hàm một ý nghĩa rộng rãi hơn và người ta có thể kể là thiếu nhi phạm pháp, những trẻ em phạm những lỗi sau đây :

- Bất tuân giáo dục gia đình.
- Không thể cảm hóa được.
- Tránh sự kiểm soát của cha mẹ hay người giám hộ.
- Bỏ phế học đường.
- Bỏ nhà đi ở nơi khác, không có sự thỏa thuận của cha mẹ.
- Hành khất tại các nơi công cộng.
- Kết hợp và giao du với những phần tử bất hảo.
- Hay dùng lời nói thô tục v.v...

Phải nhận xét rằng ở nước nhà sự phạm pháp của thiếu nhi có tính cách khá trầm trọng, vì tình trạng chiến tranh từ ngót 20 năm nay, làm lay chuyển nền tảng gia đình tạo nên những điều kiện thuận tiện cho con em thoát ly sự kiểm chế của phụ huynh để đi sâu vào tội lỗi. Vẫn biết tội phạm bắt nguồn từ những nguyên nhân phức tạp khác nữa, như kinh-tế, xã-hội v.v..., nhưng trong những nguyên nhân ấy yếu tố chiến tranh có tính cách quyết liệt hơn cả. Do đó con số cao bồi, du dương mỗi ngày tăng thêm và tình trạng nếu tiến triển mãi như thế thì có thể gây ra về sau những hậu quả nặng nề.

Ngoài ra, thiếu nhi sẽ là thanh niên xây dựng thể hệ tương lai. Nếu không sửa chữa kịp thời tức là lãng quên một nguồn sinh lực mãnh liệt có thể góp phần hữu hiệu vào công cuộc kiến thiết cộng đồng của quốc gia dân tộc. Vấn đề nêu lên là phải áp dụng những phương pháp nào để đạt được mục đích ấy.

Nhiều người chủ trương cần phải trừng trị gắt gao, để trừng phạt nghiêm khắc, làm nản chí những kẻ

muru toan phi pháp. Ý kiến này không thể hoàn toàn được tán thành vì đứa trẻ chưa đến tuổi thành niên nên chưa ý thức được đúng đắn tính cách phạm pháp về những hành động của chúng. Thi hành cứng rắn pháp luật đối với thiếu nhi, chẳng những không công bằng mà còn đem lại hậu quả tai hại : vào tù ra tội nhiều lần, chúng sẽ tiềm nhiễm những tập quán xấu xa của khám đường để trở thành những phạm nhân thật sự.

Một quan niệm khác, ôn hòa hơn đề giải quyết tội phạm thiếu nhi, là nhẹ về trừng trị nặng nề giáo hóa. Phải thiết lập một cơ quan đặc biệt để tiếp nhận và giáo dục thiếu nhi và mục đích trước tiên không phải là trừng phạt. Nói như thế không có nghĩa là tỏ thái độ khoan hồng đến nhu nhược đối với những kẻ khinh pháp luật. Nhưng ở đây, chỉ xem trừng phạt là một biện pháp bắt buộc dĩ và cuối cùng, áp dụng cho những phần tử ngoan cố, vô kỷ luật.

Thiếu nhi phạm pháp thật ra là những đứa trẻ bệnh hoạn về tinh thần, có khuynh hướng phản xã-hội, ghen ghét mọi người, kháng cự nhà chức trách... ; vậy sự giáo dục chúng phải nhằm vào mục tiêu cải tiến tư tưởng đào thải thói hư tật xấu cho chúng nhận biết trách nhiệm của chúng, tôn trọng nhân vị người khác. Nhà trường chỉ giữ vai trò hướng dẫn và nâng đỡ và chính bầu không khí cởi mở ấy, đứa trẻ sẽ tự giải thoát để trở thành một người lương thiện.

Về phương diện giáo dục, một điều sơ khởi cần được lưu ý, nếu muốn đi đến thành công, là sự giao tế giữa khóa sinh và nhân viên trung tâm giáo hóa.

Khi bước chân đến trung tâm, do quyết định của tòa án hay cơ quan Cảnh-sát, đứa trẻ như con chim bị đạn. Nó có cảm giác bị gạt ra ngoài lề xã-hội, vì không ai muốn tiếp nhận nó cả. Phải đánh tan thành kiến ấy và tỏ ra rằng nó đang được tin cậy và mến thương cũng như nó có thể tín nhiệm và kính yêu những người đang săn sóc nó. Đáng chê trách là những hành vi ngang trái, còn cá nhân nó không có gì đáng ghét cả. Trong giây phút lỗi lầm, ai cũng có thể sa ngã vào tội lỗi, nhưng điều khuyến khích là sự biết phục thiện để dần dần đi đến đời sống đạo đức.

Trái lại, không gây được cảm tình, đứa trẻ vẫn giữ thái độ dè dặt, hoài nghi, bất hợp tác và chương trình giáo hóa dần tốt đẹp đến đâu cũng không đem lại kết quả mong muốn.

(xem tiếp trang 58)

Chết rồi



VĂN-ANH lược dịch truyện *La mort dans l'âme* của Marie-Reine Reboul

Tóm tắt những kỳ trước.— Mai-Linh, một cô gái đẹp dễ duyên đang lúc thất nghiệp, may mắn gặp dịp tốt để thoát cảnh túng quẫn. Nàng nhận « làm dạn » với Tuấn-Khanh, người con trai « bệnh-hoạn » của bà Bá-tước Đặng-Bá tại một lâu đài cổ-kinh nơi thôn dã.

Những ngày đầu sống tại lâu đài, Mai-Linh tưởng chừng như bị lạc lỏng trong thế giới kỳ quái, cách biệt tất cả... Nhưng lần lần nàng thấy bình thân trở lại.

Nàng thấy mến Tuấn-Khanh và có lúc nàng tự hỏi lòng... phải chăng nàng đã yêu ? Và nàng cương quyết giúp Tuấn-Khanh...

BUÔNG lỏng dây cương, Tuấn-Khanh và Mai-Linh cho ngựa đi song song bước một ở cuối công viên, sau khi đã phi một mạch từ lâu đài tới Mai-Linh cô làm ra tự nhiên như từ trước đến giờ dỗi với chàng, nhưng nàng không sao giữ được khỏi lúng túng, lộ vẻ muốn nhận xét chàng... Và chàng nhận thấy ngay điều đó :

— Mai-Linh, tôi đoán chắc « họ » đã nói với cô về tôi, về tình trạng của tôi...

Nàng thấy cái chính cũng vô ích :

— Vâng, anh Tuấn-Khanh ạ, tôi không thể, tôi không muốn tin điều đó.

Chàng cười buồn bã :

— Khôn thay, Mai-Linh ạ, tôi chẳng còn một ảo vọng nào về trường hợp của tôi nữa. Ghê gớm quá phải không ? Có lúc tôi nghĩ thà rằng tôi mù lòa hay tàn tật còn hơn phải tranh đấu với một con ác quỷ vô địch trong mình. Biết được rằng mình không còn kiểm soát được chính mình để mà phạm vào tội ác quái gở, quả là một nỗi thống khổ không bao giờ nguôi... Sau những lần cơn lên, mỗi khi tỉnh giấc ngủ nặng nề mà vẫn như thức biết mơ hồ, tôi hiểu rằng trong giấc ngủ tôi đã là một « kẻ khác » và tôi hỏi hùng tự hỏi : sao « nó » có thể làm như thế được ? ..

Mai-Linh thì thào :

— Tôi thương anh quá, Tuấn-Khanh ạ. Nhưng tôi dám chắc rằng : con ác quỷ, như anh vừa nói đó, không phải là bất trị, và anh sẽ phải thắng được nó. Hiện chúng ta đang ở vào thế kỷ 20, và không có bệnh hoạn nào mà không có thể chữa chạy không thể khỏi được !

Nàng tiếp :

— Nhưng, trước hết, anh cần phải hiểu là : trời sinh ra anh để sống, để được sung sướng và anh rất cần trường... Tôi không thể tin rằng : người như anh mãi lại chỗi từ tranh đấu...

Chàng nhún vai :

— Tôi cũng chẳng hiểu sao. Đã có nhiều khi tôi muốn tôi tan biến đi, và tôi thấy rằng đó là giải pháp



hay hơn cả. Hiện tại của tôi, tương lai của tôi ra thế nào ? Cô thủ tướng tương đến cái gánh nặng hiểm nghèo là tôi đè nặng trên vai những người thân quyền ? Và rồi để đi đến đâu ? Đi đến một thảm trạng mà hậu quả sẽ là đưa tôi đến một đường đường, nơi giam những kẻ điên ! Không, không bao giờ tôi chấp nhận điều đó..

Quá xúc động và buồn phiền, chàng nói thao thao không ngừng khiến Mai-Linh không thể ngăn chàng được. Bị chi phối bởi những tư tưởng hắc ám, trông chàng là hiện thân của đau khổ, của thất vọng khác nào một thi nhân sầu khổ đang bị định mệnh khắt khe xô đẩy...

Nàng nói :

— Tôi không rõ tôi phải làm thế nào để giúp anh. Nhưng tôi muốn sẵn sàng tất cả. Tôi muốn tranh đấu với hết cả sức tôi để giải thoát cho anh sự không may ấy...

Chàng nở nụ cười tỏ dấu cảm ơn khiến lòng nàng thấy bồi hồi..

Đôi bạn cùng phi ngựa trở lại lâu đài...



Dĩ nhiên là bà Đặng-Bá rất sợ trả lời những câu hỏi của Mai-Linh. Phần nàng cũng chưa quyết định nói lại mọi chuyện cho bà Bá-tước biết vội vì nàng còn cần phải triệt để biết tất cả những yếu tố của bài toán mà nàng sắp đem thực hiện.

Bà Đặng Bá nói :

— Cô nên nghĩ rằng : không phải chúng tôi chỉ trong cạm bẫy ở mình cô đâu, mà chúng tôi phải lo tất cả những gì cần thiết. Chúng tôi hoàn toàn tin nhiệm nơi bác sĩ Xuyên-Văn là người đã thấu hiểu rõ ràng về bệnh trạng của nó. Điều mà chúng tôi hết sức muốn tránh cho Tuấn-Khanh là : sự giam cầm nó ..

Mai-Linh trầm nghĩ :

« Mà điều đó thì cả vùng này đều biết hết. Không nên để cho thanh danh, cho gia đình bị.. »

Thiếu nữ cô phân tách :

— Nhưng, thưa bà, không phải cháu không tin bác-sĩ Xuyên-Văn là một người rất xứng đáng, song cháu chỉ nghĩ rằng : ông đã trọng tuổi, ông lại làm thầy thuốc ở đây đã lâu năm, chuyên trị những bệnh thường và chỉ quanh quẩn nội trong vùng thôi, tất nhiên ông không hề liên lạc với nhiều bệnh viện, nhất là về bệnh thần kinh. Tại sao ta không nhờ những nhà chuyên môn ? Dù không phải ở trong ngành đó, nhưng cháu cũng biết được rằng : gần đây khoa thần-kinh bệnh-học đã tiên bộ rất nhiều. Thời đại chúng ta không còn dùng

lời chữa bệnh điên bằng « áo bó hình » bằng « tắm tía nước » nữa, mà bằng phương pháp điện tử, bằng những mũi thuốc « đảo tinh », bằng giải phẫu thần kinh, mà như cháu được biết...

Bà Đặng-Bá lắc đầu, khổ sở :

— Tôi biết..., tôi biết... Giang-Chi đã đích thân lên Ba-Lê về vấn đề này. Nó đã tìm gặp hai giáo sư danh tiếng nhất và nó đã trở về với hai bàn tay trắng... Trường hợp của Tuấn-Khanh gần như vô vọng. Người ta chỉ còn biết : đành để nó sống như vậy bằng cách trông chừng ráo riết nó...

Tình trạng vô lý đó làm cho Mai-Linh bối rối, nhưng nàng dần lòng vậy. Và lại một sứ mệnh khó khăn như thế mà người ta đi tin giao cho Giang-Chi ! Hẳn ta vốn sẵn thù ghét Tuấn-Khanh.

Bà Bá-tước dặn Mai-Linh :

— Cần nhất là cô chớ nói chuyện này với nhà tôi, vì nhà tôi đau khổ cũng đã nhiều rồi...

Rồi, như túi hồ, bà tiếp :

— Bây giờ cô đã biết rõ thì... cô nên để phòng Tuấn-Khanh..., ban đêm, cô khóa cửa phòng lại ... nhất là về gần mùa trăng...

Mai-Linh đứng dậy nói :

— Cháu đoán chắc là cháu không thầy sợ Tuấn-Khanh gì cả...

Bà thở dài :

— Xin Thượng-Đề thấu hiểu cho cô...



THẬT là khó tả, nhưng quả thật không khí của lâu đài đối khác hẳn khi gần đến mùa trăng. Một nỗi lo ngại chung như bao phủ khắp cả, biểu lộ ở mọi tầng lớp. Riêng phần Mai-Linh xúc cảm đặc biệt vì nàng phải để hết tâm cơ thâm dò trông chừng tất cả ... Lối cư xử khác biệt của Giang-Chi khiến nàng không vừa lòng chút nào. Nàng nhận thấy rằng, thay vì cầu mong, nỗ lực góp sức giúp cho anh lành bệnh, Giang-Chi lại chỉ tìm cách chọc giận, khiêu khích anh bằng những lời ám chỉ bóng gió, bằng những câu bốn cột không những hồ đồ mà còn độc ác nữa. Phần Dạ-Liên thì gần như bật tằm hẳn...

Con bé cộc cằn hung hăng đó, tưởng như đã chuẩn mặt dạng...

Bà Đặng bá xác nhận :

— Họ đều đứng đắn cả. Ông bà thân sinh của Dạ-Liên trước kia đã sống trong gia-đình này và họ không hề bép xép về truyện xảy ra trong nhà tôi...

Ngoại cảnh ấy không thể không ảnh hưởng đến Tuấn-Khanh, và mỗi lần có ai nhìn chăm chăm vào chàng thì họ cũng đoán được rằng chàng tự cảm biết mình là tội phạm...

Chính ông Đặng-Bá đích thân trông nom thuốc men cho Tuấn-Khanh uống theo đơn bác-sĩ Xuyên-Văn và nếu không phải là Giang-Chi thì lại do mẹ Mẫn bưng chiếc khay bạc đựng ly thuốc, đem vào phòng cho chàng.

Cách thức cư xử như trên làm Mai-Linh hết sức ngạc nhiên, kỳ dị là khác nữa. Nàng nghĩ : « Cái không khi cô tạo ra xung quanh Tuấn-Khanh như vậy chắc chắn là không phải để làm thuyên giảm bệnh trạng của chàng mà có vẻ như người ta sửa soạn sẵn sàng tất cả làm như chàng bắt buộc sẽ phải có lên cơn bệnh, một trong những cơn như cơn như vậy mà hẳn bà Đặng-Bá đã có bất gặp một lần rồi...

Chiều đó, Tuấn-Khanh ló mặt ra nhòm đúng bữa ăn tối... Chắc chắn không ai ngờ vì không thấy đề phần ăn của chàng, đã có lệnh trước là : chàng không được rời phòng riêng.

Ông Đặng-Bá dịu dàng trách :

— Vậy là không phải tí nào con ạ. Con cũng biết rằng : con đang trong thời kỳ không được khỏe...

— Thừa ba, chiều nay con thấy trong mình con khỏe lắm ạ. Với lại, ở một mình, con buồn quá sức..

Rồi chàng đưa mắt về phía Mai-Linh để tỏ cho nàng hiểu là chàng xuống đây vì nàng.

Bà Bá-tước ra hiệu, người hầu bèn đem ghế và món ăn tới chỗ ngồi thường lệ của chàng. Bữa ăn khai diễn như thường. Tuấn-Khanh ăn rất ngon lành. Giang-Chi thì coi đồng hồ tay luôn. Ăn xong, mọi người ra phòng khách. Giang-Chi nói là đi đèn nhà ông bà thân sinh của Dạ-Liên vì họ đợi chàng đèn đánh bài, vừa nói hẳn vừa liếc mắt về phía Tuấn-Khanh. Ông Đặng-Bá bắt ép Tuấn-Khanh trở về phòng riêng và dặn :

— Tôi cũng cần phải vắng nhà tối nay. Tôi đi dự buổi họp chính trị ở Tours và nếu cuộc họp kéo dài, có lẽ tôi ngủ lại ở Đại Học và sáng mai tôi mới về.

Nói rồi, ông đứng dậy.

Bà Đặng-Bá xin :

— Minh cho nó ở đây thêm chút nữa. Tôi nghiệp, trông nó buồn thiu kìa...

Ông Đặng Bá lẩm bẩm :

— Minh rõ thật là lơ đãng quá... Tôi bắt buộc thề là để giữ gìn cho Tuấn-Khanh. Nhưng thôi, mình đã muốn như vậy...

Ông hôn tay vợ, vỗ nhẹ vào má cậu con đang đứng dậy khi ông đi ngang và gật đầu tươi cười chào Mai-Linh. Nàng thầm nghĩ : Khổ người bé nhỏ mà bộ điệu trái ngược hẳn dáng dấp ông thật là bệ vệ... »

Ông đi rồi, Tuấn-Khanh đèn ngồi trên cái kệ xây liễn ở góc phòng cạnh Mai-Linh.

Chàng bắt đầu nói chuyện về thơ, nhạc và Mai-Linh đòi đáp với chàng quên đi trong chốc lát sự đe dọa đang đè nặng lên chàng. Bà Đặng-Bá, ngồi trước chiếc bàn đánh bài để giết thì giờ. Không ai có thể ngờ được rằng đêm sắp đến đây sẽ chẳng giống như những đêm khác...

Khung cảnh êm đềm đó tan biến ngay khi cửa phòng hé mở, mụ Mẫn thò chiếc đầu vào như mụ phù thủy già. Mụ ngó chăm chàng thanh niên cách nghiêm khắc và nói :

— Tuấn Khanh ! Chú phải đi nằm đi ! Chú chẳng biết điều tí nào cả !

Mai-Linh thấy nét mặt chàng như căng thẳng ngay khi mụ Mẫn xuất hiện. Sự lo lắng hiện rõ trong cái nhìn ngập ngừng của chàng. Chàng hồn nhiên đặt bàn tay trên tay Mai-Linh, gượng cười, thì thào :

— Cô thầy không ? Người ta đem em bé đi ngủ...

Nàng thấp giọng đáp :

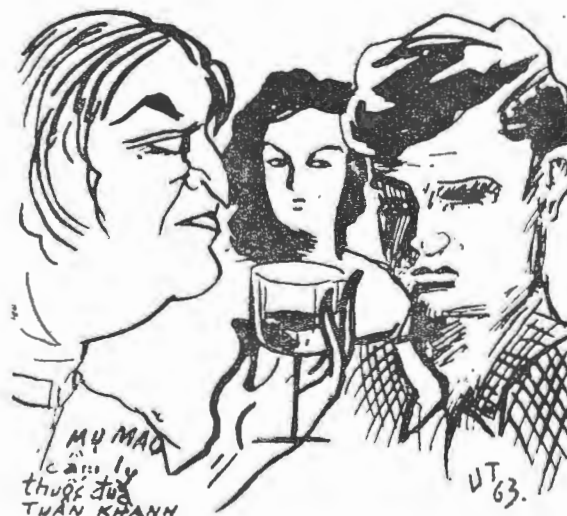
— Anh hãy đè nén sự lo ngại đi. Dấu sao đi nữa, không có lý nào xảy ra sự gì được đâu. Tôi tin tưởng lắm..

Chàng đứng dậy :

— Giá sự thật được như lời cô ... Song điều đó quá với sức tôi, tôi thấy sợ ... Nếu cô biết được những lần trước, khi tôi hiểu rằng tôi phải chịu đựng đến bao nhiêu thì tôi lại càng khùng khiếp bấy nhiêu.

Mai-Linh đề nghị :

— Để tôi đưa anh tới phòng riêng. Kệ cho mụ Mẫn muốn nghĩ gì thì nghĩ ...



Tuấn Khanh hôn mẹ, Bà Đặng-Bá hết sức ngạc nhiên khi thấy Mai-Linh cũng đi với con mình, nhưng bà không thốt lời nào. Bà nghĩ : « Thiều nữ này là thế nào ? Liệu ta có bị trúng kế gì của con nhỏ không ? »

Phòng của Tuấn Khanh ở mãi tận phía cuối chái bên tả của một trong mấy tòa lầu và phải qua dãy hành lang dài mới đến đó. Trong tòa lầu cũng có một cầu thang dẫn tới một đường hầm thông ra tận công viên, nhưng không ai dùng tới lối đi đó bao giờ.

Mụ Mẫn lặng lẽ đi theo đôi thiếu niên.

Tuấn-Khanh mở cửa phòng riêng và Mai-Linh nom thấy căn phòng tươi sáng, trang hoàng đồ đạc sang trọng, bọc nhung xanh đậm và màn gió kẻ sọc xanh trắng. Một chiếc bàn xoay bằng gỗ gụ trên đế chiếc khai bạc đựng một cái ly. Mụ Mẫn vào trước, cầm ly đó đưa cho Tuấn-Khanh.

— Uống đi chú...

Chàng ngược mắt lên như để chứng tỏ cho Mai-Linh thấy những khổ hình mà người ta bắt buộc chàng. Chàng uống xong, siết tay nàng. Nàng nói :

— Anh ngủ ngon nhé, Tuấn-Khanh !

Mụ Mẫn đã đóng cửa lại, chỉ còn nàng với mụ Mẫn đứng trong cả buồng xếp ngăn cách gian phòng chàng với hành lan độ vài bước.

Mụ vừa lục túi áo vừa cầu nhàu :

— Ông chủ lại lơ đãng nữa chắc ! Ông đem chìa khóa phòng của cháu ấy đi rồi ... !



MAI-Linh không sao ngủ được. Nàng xoay trở hoài vì mòng tính chuyện của Tuấn-Khanh. Thời gian trôi, đèn đầu rồi ? Bây giờ là mấy giờ ? Nàng cảm thấy nóng ruột bổi hổi...

Không bật đèn, nàng đứng dậy, tới tì tay bên cửa sổ mở. Công viên tắm ánh trắng. Sự im lặng bao trùm, trông đêm khuya, thỉnh thoảng tiếng vạc kêu khác ngoài thê lương. Nàng không thể không nghĩ đến : Giang-Chi và ông Đặng-Bá đều đi vắng. Những gia nhân ở cả dưới đây nhà sau. Trên lầu dài chỉ còn bà Đặng Bá, nàng và... Tuấn-Khanh. Nếu lỡ chàng lên cơn lúc này thì mọi sự sẽ ra sao ? Theo lời họ nói với nàng thì mỗi lần cơn lên rất khủng khiếp và có thể biến chàng thành kẻ sát nhân ? Nàng rung mình...

Bỗng tiếng chó sủa vang dội từ phía chuồng chó. Tiếp đến tiếng hí dữ dội phát ra từ tầu ngựa. Chắc có lẽ bảy ngựa nó đánh nhau... Chợt đôi mắt Mai-Linh nhắm nhắm thấy một bóng người đang từ từ rời khỏi vườn hoa hồng và tiến dần về phía lầu dài. Vì ở xa quá nàng không nhận ra được là ai, nhưng chắc không thể là Giang-Chi hay ông Đặng-Bá được. Vào giờ này, mọi phòng ở tầng dưới đều đóng kín cửa. Và lại, nếu ông Đặng-Bá từ Tours về hoặc Giang-Chi từ nhà Dạ-Liên ra đều phải đi vòng khá xa vì vị trí của lớp hào sâu ngăn cách với lầu dài. Ý nghĩ người khách dạ hành đó chính là Tuấn-Khanh hiện trong óc nàng. Nàng có ý định đi thẳng đến phòng riêng của chàng cho biết thực hư, nhưng nàng như bị tê dại đi vì sợ hãi. Nàng cố lý luận : « Chắc có lẽ đó là người gác, hay kẻ tộm hoặc quá lắm là Giang-Chi ! Ai cầm cậu ta dạo một vòng trong công viên vì không ngủ được, sau khi ở nhà Dạ-Liên về ? » Tuy nhiên, nàng nhớ đã có lần nghe ông Đặng-Bá nói đùa cháu về thói ham ngủ và ngủ say như chết của chàng ta. Có tiếng chộn rộn, lại tiếng hí của bảy ngựa nữa... Nàng thăm nhủ : mình phải đi nằm, phải đi ngủ đã... Nhưng nàng vẫn đứng yên, rình nghe ngóng từng tiếng động, từng bóng đen... Nàng không thấy lại người đàn ông mà nàng chẳng biết tung tích ấy đâu nữa...



NÀNG thức dậy rất sớm sau một giấc ngủ đầy rẫy ác mộng. Tức thì, những biến cố khi đêm trở lại ký ức nàng. Nàng vội vã rửa mặt hấp tấp mặc áo và cô thản nhiên ra khỏi phòng, tiến về phía phòng riêng Tuấn-Khanh. Trong ánh sáng mờ mờ của buổi tinh

sương, nàng gõ cửa phòng chàng mà không nghe tiếng trả lời. Nhẹ quay nắm cửa, nàng bước vào.

Bỗng nàng đưa tay lên miệng để chặn tiếng kêu kinh hoàng, đôi mắt mở to khiếp hãi : Tuấn-Khanh nằm dài trên giường ngủ say sưa với... hai bàn tay đâm máu ! Đệm giường, màn cửa đều vấy máu. Bộ quần áo Tuấn-Khanh mặc tối qua rơi bừa bãi dưới sàn và cũng lem luốc trên mặt ghề bành, con dao bẽ dài bết những máu đặt trên tấm khăn sa-tanh trắng mở tung ra...

Cảnh tượng hãi hùng này quá đột ngột khiến Mai-Linh lao đao muốn ngất đi, Thề ra, sự thật thảm khốc là đây sao ? Nếu vậy ra « họ » nói đúng cả ư ? Thần thờ nàng ngó đăm đăm trên bức tường bọc nhung bây giờ trông rõ ràng hơn tối qua và nàng nhận có nhiều vết giầy dẫm in hằn lên đó.

Biết làm sao bây giờ ? Nàng quay nhìn chàng. Chàng ngủ rất say sưa. Khí sắc bình thường và trên môi chàng phảng phất nụ cười. Nàng thăm nghĩ : Chàng sắp dậy... và chàng sắp biết thêm nữa...

Một ý nghĩ khủng khiếp bỗng lóe lên trong đầu óc đang quay cuồng của nàng. Máu ấy ! Máu ấy ở đâu ra ? Ai là nạn nhân ? Trên khay bạc, ly thuốc còn sót lại chút cặn. Nàng cần phải tìm hiểu... Hãy cần xem cho biết chắc bà Đặng-Bá có vô sự không đã... Lẹ làng nàng ra khỏi phòng và khẽ khép cánh cửa lại. Trên ngưỡng cửa căn buồng xếp, Giang-Chi đứng sững sững tư bao giờ. Giật mình, Mai-Linh muốn kêu thét lên, nhưng trí óc nàng như trống rỗng... Nàng chỉ lắp bắp : Ông... ông làm gì ở đây ?

Hắn cầu nhàu :

— Chính cô mới đáng để họ hỏi câu ấy ! Một câu hỏi khá rắc rối cho một cô gái vừa rời khỏi phòng một chàng trai khi mới tờ mờ sáng !

Nàng đỏ mặt trước sự si nhục đó, nàng muốn chạy trốn, lánh xa cái nhìn khả ố và ác độc của hắn, nhưng hắn đã chặn ngang lối đi rồi. Hắn nhạo tiếu :

— Tôi cũng trả lời câu hỏi của cô. Tôi có ở đây vì tên giữ ngựa báo cho tôi biết rằng con ngựa Sương Tàn xinh đẹp mà cô thường cưỡi ở đó bị cắt cổ khi đêm và bị mổ ruột rất tàn bạo. Bởi vậy tôi, đến để xem thử ông anh đẹp trai của tôi có ngủ ngon không...

Hắn làm bộ vui mừng tiếp :



— Nhưng sự hiện diện của cô khiến tôi yên lòng. Rồi hân nhân thêm :

— Cô thật là bắt .. nhả. Phải, Tuấn-Khanh lên cơn thê đây ... Thật là kinh khủng ...

Nàng muốn phát khóc lên, muốn bật lên tiếng khóc cho hả, nhưng nàng kiềm chế ngay được. Không cần khóc trước mặt Giang-Chi, nhất định là không... Nàng hỏi :

— Bá-tước về rồi à ?

Hắn đáp :

— Chắc sắp về ... Tôi đoán vậy ...

Tuấn-Khanh hiện đang ở đây, rất gần với nàng. Chàng vẫn đắm mình trong giấc ngủ triền miên mà trong giấc ngủ đó chàng chỉ xuất hiện để phát sinh ra những dấu tích kinh khủng, những dấu tích chứng minh rằng : quái vật đã xông quái vật đã hành động... Con quái vật mà chàng tưởng rằng vẫn ngự trị trong chàng. Giang-Chi vẫn chờ đợi gì nàng chẳng hiểu, và sự im lặng của hắn làm tăng thêm không khí căng thẳng thoát ra từ gian phòng rồi loạn khác thường.

Sau cùng, khi Mai-Linh sắp lần đi qua trước mặt Giang-Chi thì mụ Mẫn đột ngột tới... Mụ ngó hai người, trợn trừng trợn trạc :

— Tôi biết ngay mà ! Tôi biết ngay là đêm nay mà ! Rồi, mụ cứ làm râm như thê mãi.

Giang-Chi cùng vào trong phòng với mụ Mẫn. Mai-Linh cũng vào theo. Nàng biết có mặt của nàng lúc này cũng chẳng ích lợi gì, nhưng nàng muốn giúp đỡ Tuấn-Khanh quá chừng. Nàng tưởng tượng nỗi đau khổ của chàng lên đến bậc nào khi Tuấn-Khanh tỉnh dậy, sáng suốt nhận biết sự việc đã xảy ra...

Nàng sẽ đập đập cánh tay mụ Mẫn thì thầm :

— Ta không thể làm phi tang hết các dấu vết trước khi anh ấy tỉnh dậy sao ? Không nên cho anh ấy biết sự việc đã xảy ra...

Mụ Mẫn nhìn nàng, chưa kịp trả lời thì Giang-Chi xen vào :

— Việc gì đến cô đây ? Điều đó có can gì đến cô ? Việc chúng tôi làm chúng tôi há không biết sao ? Nào, tới đây mụ Mẫn...

Hai người đèn bên giường, Mai-Linh nhìn Tuấn-Khanh lần nữa rồi nàng đi ra.

Nàng nghĩ thầm : Tại sao ? Tại sao hân ta nhất định muốn cho Tuấn-Khanh phải đứng trước bằng chứng hiển nhiên đó ? Tuồng như làm thế để may ra bệnh chàng có tăng thêm chăng ?

Giờ thì nàng không còn thấy gian phòng lộn xộn ấy có vẻ khủng khiếp nữa.

Nàng bắt đầu suy nghĩ. Có một cái gì khúc mắc ở trong cảnh huống đó ! Để chứng minh tình yêu tha thiết của nàng đối với con người khốn khổ ấy, nàng phải tìm cách bảo chữa cho chàng. Và, một ý nghĩ táo bạo bỗng nảy ra trong trí nàng. Sự việc đó giống như một cuộc giàn cảnh !

Nàng hiểu rằng ý nghĩ ấy chẳng căn cứ vào đâu, rằng đó chỉ là một hy vọng mơ hồ mà nàng tự tạo nên, nhưng không hiểu sao nó cứ ám ảnh nàng hoài.

Nàng dừng lại ở ngưỡng cửa và ngó lại sau. Giang-Chi và mụ Mẫn đang cò đánh thức Tuấn-Khanh mà chàng vẫn chưa tỉnh dậy.

« Tại sao đánh thức chàng mãi chàng không dậy ? » Vừa tự hỏi, nàng vừa nhắm chừng cử động mình. Cả hai người đều quay lưng ra. Nàng với tay cầm cái ly còn sót lại ít cặn thuốc mà Tuấn-Khanh uống tối qua và bước ra khỏi phòng.

Năm phút sau, nàng đã ở phòng riêng, cẩn thận trút chỗ thuốc cặn ở ly sang cái ống aspirine rỗng rồi đập nắp lại. Nàng tư nhủ : Mình phải làm cách nào để đem nhờ phân chất thứ thuốc này đây ?



THÁI độ của gia đình ông Đặng-Bá thật là đầm òng. Ông Bá-tước có vẻ nghiêm nghị và buồn. Bà Bá-tước đôi mắt đỏ ngầu nhưng giả bộ như không hay biết chuyện xảy ra. Giang-Chi vẫn như thường lệ. Không một ai nhắc nhở đến bệnh trạng của Tuấn-Khanh trước mặt Mai-Linh. Còn Tuấn-Khanh, chẳng thấy chàng đâu cả.

Mụ Mẫn nói riêng với Mai-Linh.

— Thật đáng tiếc. Mỗi lần cậu « như thê » là tôi lại lo ngay ngáy cậu ấy nản chí. Cậu có hỏi tôi xem cô đã rời khỏi lâu đài chưa. Tôi nói với cậu là không...

Mụ hạ thấp giọng và bỗng rên rĩ :

— Tôi đã bảo rằng cô phải giả bộ hững hờ với cậu ấy mà... Cậu nói thê này : « Tốt hơn hết là cô ấy nên đi đi... » Cậu lại còn nói rằng... À, mà theo tôi nghĩ thì là cậu có tình ý gì với cô đấy ! Mà điều đó làm cho cậu phiền muộn hơn cả những lần trước khi ch ư a có cô ở đây cơ ..

Mai-Linh siết chặt cánh tay mụ Mẫn :

— Nói với cậu rằng : tôi muốn gặp cậu, tôi muốn nói với cậu một việc... Cẩn lắm ! Bây giờ tôi lại càng thấy là tôi có thể giúp cậu được ít nhiều gì đây...

Mụ lầu bầu :

— Để tôi nói lại thê vậy. Phải biết, cô là .. cô gan góc lắm đấy nhá !



SAU giấc ngủ trưa, Mai-Linh lẩy cớ là muốn đi dạo xem Tours, bà Đặng-Bá sai tài xế lái xe cho nàng đi.

Ngay khi đèn nơi, nàng đèn ngay một hiệu bào chề thuốc và gửi cái ống đựng cặn thuốc lại đó để nhờ phân chất. Nàng trả tiền trước và dặn họ viết thư trả lời thẳng về lâu đài Đặng-Bá để tên nàng. Chẳng biết việc đó kết quả hay ho gì không nhưng nàng không muốn bỏ qua một việc nhỏ nào...

Ngồi đánh bài với bà Đặng-Bá, chợt nàng nhớ lại một chi tiết đã lãng quên, một chi tiết mà lúc sáng nàng ghi nhận chứ không ý thức gì cả, nhưng giờ đây, tự nhiên nàng nhớ lại, giống như khi ta tìm ra một danh tánh quen thuộc chẳng hề ai nhắc nhở vậy. Những đầu giấy ! Phải những đầu giấy in trên



mặt tường
nhưng ! Nàng
nhớ ra rồi ...
Trong lòng
nàng bốn chón
lạ ... , nhưng
bà Đặng-Bá đã
nhắc đến lượt
nàng bắt bài.

Nàng nhủ
thăm : mà phải.
Đúng thế rồi...
Những đầu giấy
Tuần-Khanh thì
ít nhất cũng
khác nhau đến
hai ba sô !
Không có lý
nào nhầm lẫn
được ở lâu dài
này không ai có
thể có giấy to

bằng của Tuần-Khanh với khổ người cao imgo như
chàng.

Nhắm mắt lại, nàng hình dung ra căn buồng của
Tuần-Khanh, cô gắng ôn lại lúc mà nàng nhận thấy
những vết tích trên tường nhưng, ôn lại để nhận định
một cách riêng biệt, tập trung hết tư tưởng để xác định
rõ ràng hơn. Nàng đã thành công : nhớ lại rằng nàng có để
chân bên một trong những đầu giấy đó, mà là đầu giấy rõ
ràng nhất. Nàng chưa chán vui mừng. Đúng là có kẻ
nào đã vào phòng Tuần-Khanh. Vậy ai ? Và tại sao ?

Nàng cho rằng chính cái kẻ đột nhập đêm khuya
ây là đầu mối của mọi bí mật, tìm ra kẻ ấy tức là
giải đáp tất cả ..

Tường tượng có một bóng người tiến vào phòng...
Tuần-Khanh đang ngủ...

Ý nghĩ vừa qua của nàng cho đó là một cuộc gián
cảnh đem đôi chiều với điều trên thì thấy mọi việc đảo
lộn hết cả.



NGAY hôm sau, với dự tính gặp bác-sĩ Xuyên-Văn
giây lát, nàng tự sắp đặt để làm như vô tình gặp ông khi
ông đi ngang Ông Đặng Bá theo bác sĩ từ phòng Tuần-
Khanh đi ra gặp Mai-Linh, ông cáo lui :

— Thôi, xin chào ông bạn, tiện đây để cô Mai-Linh
đưa ông ra ...

Thầy viên bác sĩ lão thành tươi cười và như vui lây
về trẻ trung duyên dáng của nàng, nàng bàn rất tự
nhiên đến bệnh trạng thuốc men mà bác sĩ vẫn chăm
sóc cho Tuần-Khanh

Nàng nói phỏng chừng :

— Thưa bác sĩ có nghĩ rằng chiều nào : cũng uống
hàng bao nhiêu thuốc như vậy có thể làm cho anh ấy bực
rộc thêm không ?

Ông cười dễ dãi, chữa lại :

— Tôi chỉ cho uống gardénal, chỉ có gardénal không
thôi mà ... cố cứ yên tâm.

Xe bác sĩ đã nổ máy mà nàng vẫn đứng mơ màng...
Hình như bác sĩ Xuyên Văn đã thành thực trả lời về câu
hỏi mơ hồ của nàng.

Ông ta không tỏ dấu hiệu gì là khó chịu, ông chỉ
giản dị xác nhận. Tuy nhiên... Nàng vội vã trở lên phòng
riêng. Rút trong túi áo ra tờ giấy ghi kết quả phân chất
của phòng bào chế y-dược ở Tours phúc đáp, nàng đọc
lại lần nữa : « Gardénal 0,05. Nhiều vết quan trọng của
chất haschisch. Ngoài ra không có gì khác nữa. »

Thề ngĩa là có bàn tay nào đã thêm chất haschisch
hòa lẫn vào chất gardénal của bác-sĩ Xuyên-Văn đây ?
Haschisch là chất thuốc độc nguy hiểm !

Mai-Linh nằm dài trên giường, suy nghĩ. Nàng thử
đặt ra một giả thuyết với những bằng chứng sơ khởi
hiện có. Tất cả mọi việc hầu như quá rắc rối, mà nàng
phải một mình cố gỡ cho ra... Kẽ nào đã những tay
vào ? Từng khuôn mặt của mỗi người trong lâu đài lần
lượt hiện rõ trong tư tưởng nàng chẳng khác những
nhân vật trong một cuốn phim. Nàng tự hỏi : không
biết trong thâm tâm mọi người, có ai nghĩ đến trường
hợp của Tuần-Khanh không ? Trong cuộc sống quen
thuộc hằng ngày của họ, sao họ không thể thấy được
như ta rằng có kẻ đã thêm chất độc vào thuốc và đột
nhập phòng Tuần-Khanh trước khi trời sáng, mặc dầu
kẻ kia c giằng cằng đi nữa . Sao họ không thấy được
một người nào trong họ là « kẻ đó » ?

Nàng tưởng như còn nghe văng vẳng tiếng hí tuyệt
vọng trong đêm khuya, ở phía tàu ngựa... Nếu biết trước
sự việc như vậy... nàng đã rình xem, dấu bị khiếp sợ
nhưng mà nàng biết được. Tuy nhiên, nàng tự hỏi và
không dám kết luận rằng mình có can đảm như thề
hay không ? Nghĩ đến giấc ngủ triền miên của Tuần-
Khanh bị chất haschisch làm cho mòng mị toàn những
chuyện khủng khiếp, gớm ghê... Nàng hình dung những
hôm chàng thức dậy với đôi tay đầm máu..., rồi lại
nghe họ kể lại « sự việc » chàng đã làm... Như vậy chàng
có ngờ vực gì được nữa khi đứng trước những tang
chứng hiển nhiên ? Lại sau, giấc ngủ hải hùng đến cái
nhin rầu rĩ của ông Đặng-Bá, những giọt nước mắt của
bà Đặng-Bá... Cảnh tượng này xảy ra đã biết bao lần
rồi ? Hẳn là cứ như thề kéo dài đã hàng năm... ! Nàng
ôn lại những chi tiết mà Giang-Chi cho biết, những lời
chân thật của bác sĩ Xuyên-Văn Dù muốn dù không thì
việc xảy ra đã xảy ra như hiện tại, chàng đã có bằng
chứng mình là bệnh nhân, là có một quái vật ngự trị
trong chàng và chàng muốn một ngày nào đó sẽ giết nó,
sẽ hủy hoại nó tan biến đi cùng chàng... Mai-Linh tự
hỏi : « Nhưng mà, tại sao ? Tại sao « người ta » lại
tạo nên cái cảnh huống thề thăm ấy ? Phải chăng đó là
một âm mưu ? Với mục đích gì ? — Thật là khó hiểu !
Mai-linh tự nhủ : không khéo mình cũng điên nột
nên mới sáng tác ra những giả thuyết ấy... Thề
nhưng mà...

(còn tiếp)

CUỘC ĐỜI SÔNG... BIỂN

(TIẾP THEO TRANG 49)

phải là « thập toàn đại bổ ». Phải, bổ trời cũng chịu nhưng bổ Ba Bến Đá thì vẫn không chịu và còn thích chí là khác vì nó rất dễ làm ăn. Chuyển sau, thấy nhà Đoan bày kế hoạch gìn giữ quá chắc, anh em thủy thủ đoàn đã phát nản, cho rằng từ nay hết đường ăn hát phè phởn. Riêng anh Ba vẫn thản nhiên. Tàu nhỏ neo từ 4 giờ chiều mà cứ bỏ như rùa, mãi 8 giờ tối mới qua Kiến An. Chạy đến khu núi Vôi vắng vẻ, bỗng anh Ba bấm khê cho các thủy thủ làm nghề nhảy xuống xà lan nẩy các dậu xi vờ tung ra, mở hầm tháo sẵn các bao gạo, đến chỗ sông hẹp sát bờ dề, bỗng anh Ba hát lên một câu sa-mạc rất mùi, tức thì một đoàn thuyền ván thuyền nan đang câu cá thả lưới ở chân núi đổ xô ra, áp vào xà lan ăn hàng nhanh như chớp ! Trước khi rời tàu, các thuyền đó cho Ba Bến Đá biết tin : Mật thám và Tây đoan chờ khám xét ở khúc sông gần Ninh Giang. Anh em đều sợ xanh mặt, anh Ba vừa gặm cái đuôi cà nường vừa nốc rượu, mặt vẫn lạnh như tiền, ra lệnh cho anh em hốt xi cho vào cái nồi đồng nấu chảy ra, đổ vào các chỗ dậu cũ, anh em ngạc nhiên hỏi :

— Anh Ba, làm sao có dậu của nhà Đoan mà đóng bây giờ ?

Ba Đá từ từ móc trong túi áo ra 3 con dậu bằng ... đất thó nung rất cứng, anh em đổ xi xong thì Ba Bến Đá lại cầm con dậu đất nung ấy ấn lên trên, nhìn kỹ thấy không khác dậu của Thương chánh một « ly ông cụ » nào !

Công việc xong xuôi, anh em tắm rửa sửa soạn lên Ninh Giang đập trống cô đào và ăn nhậu.

Tàu đến đầu sông, chúng tôi lo ngại thấy một xưởng máy nắp ở bụi cây si ven sông chiếu đèn ra lệnh cho tàu ngừng lại giữa sông, một đoàn mật thám và Tây đoan hùng hổ bước sang tàu, họ khám xét các dậu xi niêm phong các hầm hàng, không có gì khả nghi, vẫn « nguyên văn » ; họ lại khám buồng các thủy thủ và mọi nơi, tất cả đều không có gì chứng tỏ hàng hóa bị mất trộm, họ khen ngợi và rời tàu. Lúc đó tôi mới hoàn hồn, theo anh Ba lên xóm chị em, nhân khi tầu hứng gạn hỏi anh Ba về cái trò quỷ thuật mà anh vừa thi thố, anh cười và nói :

— Có cái đêch gì đâu ! Này nhé, cậu lấy cục đất thó thật dẻo, nặn thành hình dáng con dậu rồi cầm ấn mạnh lên trên cái dậu xi của nhà đoan một cách thận trọng cho đủ các nét chữ, nhẹ tay lấy ra bỏ vào lò bếp than nung lên cho cứng rồi cắt đi. Khi lấy xong hàng, lại đặt dây kềm, đổ xi mới rồi cầm con dậu « đất thó » ấy in lên, hỏi có khác gì dậu của Tây đoan ? Tôi nghe xong mà phục sát đất thầm nghĩ trời sinh ra ông Tây đoan lắm mưu, sao lại sinh ra cái anh Ba Bến Đá, cũng nhiều kẻ không kém !

NHỮNG NGÓN ĐÒN TIÊU XẢO.

Tất cả mọi sáng kiến « hao hàng » và buôn lậu của anh Ba đều được toàn thể giới Bọ Nước trên các đường sông thụ giáo và thi hành rất hiệu quả.

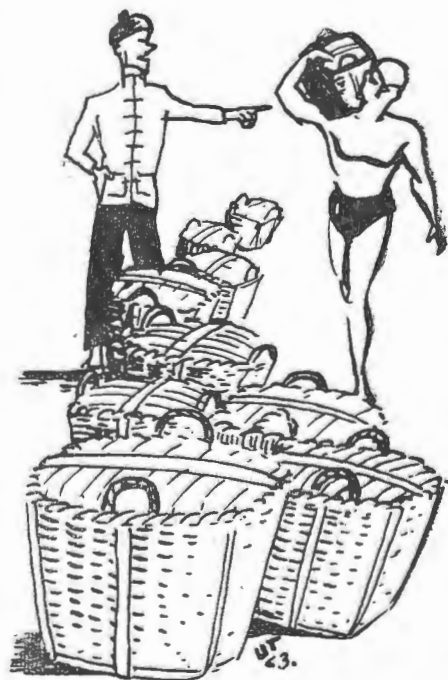
Ngoài ra, anh còn sáng chế nhiều cách thức để lột hàng của hành khách dành cho bọn đàn em kém gan dạ,

kém tài trí dùng các ngón đòn tiêu xảo ấy để kiếm gạo trong khi vợ ốm con sai. Có một điểm mà tất cả anh em trong giới anh chị cũng như hành khách đều miễn phục Ba Bến Đá, đó là việc anh cấm các đàn em không được dùng các mảnh khoé ấy để bóc lột bà con quê mùa người Việt, nếu cần thì cứ chọn mặt các khách thương ngoại kiều giàu có mà làm ăn.

TRỪNG VỊT DÒ ... !! VỎ CÒN RUỘT MÁT !!

Các ngón đòn vụn vặt của giới Bọ Nước thì rất nhiều, thiên phượng bách kể, một khi mà họ đã định tâm thì tài chủ khó lòng mà giữ nổi.

Một hôm, tàu sắp rời bến Nam Định ra Hải Phòng, thấy hai lái buôn Hoa - Kiều chở xuống tàu 20 giỏ lớn đựng đầy trứng vịt, bọn mạch lô đã hết sức cẩn thận, sắp xếp nhẹ nhàng mà vẫn bị mấy chú con trời chửi thề luôn miệng, bọn thủy thủ giận lắm song thấy họ có vẻ sẵn sàng « tả lờ », anh em sợ viên đại diện của hãng tàu quở



phạt và sợ các ngón võ Thiếu lâm của ông lái này nên đành nuốt hận. Đêm ấy hai chú lái trứng đã đề phòng cẩn mật vì đã rõ cái đòn trả thù ngầm của bọn thủy thủ tàu Nam rồi nên họ chia nhau ngồi hai góc canh giữ các giỏ trứng tưởng ai dù có tàng hình cũng không thể qua mặt làm hư hao của họ lấy một quả trứng. Hai chú này tự tin quá nên lắm, bọn thủy thủ đâu có đầu hàng một cách dễ dàng như vậy.

Chuyến tàu hôm ấy rất đông hành khách, họ chen lấn, gây gổ nhau kịch liệt cố giành một chỗ nằm tạm mà cũng khó, họ đành ngồi bó gối từ chập tối cho tới hết đêm, mọi người đều mỏi mệt, chú lái trứng cũng vậy, mệt lắm mà cũng không có chỗ nằm vì trời về đêm rất lạnh nên mọi người đổ xô xuống boong dưới đông như nêm cối, các chú lái đành ngồi ôm giỏ trứng mà ngủ gật.

Khi tàu ghé các bến Hối bến Hiệp lại thêm một số hành khách nữa trong đó có ba cụ Lý, đồ vật gồm nhiều thứ cồng kềnh như nồi đồng,

nồi đất, liễn sành để vỡ không ai dám chen lấn mạnh sợ bị bồi thường, do đó mấy cụ tự do chia nhau nằm chen chúc vây quanh khu giỏ trứng vịt của hai ông lái và trùm chăn kín.

Đến 4 giờ sáng tàu tới Kiến An, các cụ Lý này cũng xếp nồi niêu, gánh gồng lên bến, các chú lái buồn trứng tỏ vẻ vui mừng vì đã qua một đêm chen lấn mà hàng mình được nguyên vẹn, các chú gọi cà phê sửa trứng, cháo trứng và trứng rán ăn cho lại sức.

Tàu tới bến Hải-Phòng các chú lái thuê phu cứ hai người khênh một giỏ trứng xếp lên bờ; các chú ngạc nhiên thấy mỗi người phu vác một giỏ trứng bước đi nhẹ nhàng không có vẻ gì là nặng nhọc; các chú nghi ngờ chạy lại nhắc thử, quái lạ, sao giỏ trứng một ngàn quả mà lại nhẹ như bấc thế này? Các chú cầm mấy quả lên coi thấy vẫn nguyên vẹn, chú lái lớn tuổi tinh ý hơn, móc mấy quả trứng ở giữa giỏ ra xem thì hơi ôi, 2 phần 3 trứng trong giỏ đều... mất ruột! Kiểm soát lại thấy giỏ

nào cũng vậy, mấy bà nhà quê đứng gần tỏ vẻ ái ngại và kết luận: có lẽ trứng vịt bị ... dò, chảy hết lòng đỏ lòng trắng chỉ còn lại cái vỏ!

Câu chuyện 20 giỏ trứng của hai huê kiều bỗng dựng mắt ruột gần một nửa phút chốc đã được trình bày tại văn phòng ông « cò » tàu, mọi người đều lắc đầu, chịu không tìm ra lý do. Cảnh-sát ở bến tàu cũng được mời tới nơi để lập biên bản, xem xét kỹ thấy số trứng ở quăng giữa và đáy giỏ đều mất ruột song vỏ vẫn y nguyên, không dập vỡ, không thiếu một quả nào. Một thầy đội xếp cao niên có vẻ giàu kinh nghiệm về hoạt động của khu « Bến dò lò rào » này, vuốt bộ râu mép cong vút như cặp ghi đông xe cưỡi vừa cười vừa nói:

— Hừ, xanh không có lỗ, cá đi đàng nào? Các ngài xét kỹ xem, hình như các vỏ quả trứng rỗng ruột ấy đều có một lỗ thủng to bằng... đầu tăm thì phải!

(còn tiếp)

N. V. I.

GIÁO HÓA

THIẾU NHI PHẠM PHÁP

(tiếp theo trang 50)

TỔ - CHỨC TRUNG - TÂM GIÁO - HÓA THIẾU - NHI

Các cơ quan giáo hóa có thể tổ chức mỗi nơi khác nhau, tùy theo nhu cầu, đặc điểm mỗi địa phương và tình trạng tội phạm ở nơi đó. Tuy nhiên nó phải gồm có một số tối thiểu cơ cấu căn bản sau đây:

Ban Y - Tế

Trung tâm phải có một bệnh viện để săn sóc sức khỏe trẻ em. Trước khi đòi hỏi nó thực hành một công tác gì thì phải cho nó một thân thể tráng kiện. Theo các nhà tâm lý học, bệnh tật có ảnh hưởng đến hành

động của con người. Nhiều khi vì đau răng, nhức đầu mà ta sinh ra gắt gỏng, gây gổ với người khác. Nhiều đứa trẻ, sau khi được chữa lành căn bệnh, tự nhiên thay đổi tính tình, trở nên vui vẻ, ôn hòa thay vì nóng nảy, kiêu căng như trước. Do đó có thể nói rằng yếu tố sinh lý cũng là một nguyên nhân sinh ra tội phạm thiếu nhi.

Bệnh viện lại còn có nhiệm vụ khám xét tâm hồn đứa trẻ, và đó là công việc của các ban tâm - liệu và tâm-lý.

Ban tâm liệu (psychiatric division)

Tại sao đứa trẻ trở nên du đãng?

Làm thế nào để giúp đỡ nó?

Đó là những câu hỏi mà bác sĩ tâm - liệu phải tìm cách trả lời. Ông sẽ tìm hiểu lý do sinh ra sự tạo loạn tinh thần của nó, giải thích vì sao nó không thích hợp với đời sống bình thường của chúng ta.

Ban Tâm-lý

Tại đây, đứa trẻ phải trải qua nhiều cuộc phỏng vấn và trắc nghiệm tâm lý, như hỏi miệng, hỏi viết, đặt một vấn đề tâm tình cho nó giải đáp, cứu xét thư từ của nó. Trong nhiều trường hợp phải sử dụng khoa thôi miên

mới hiểu được tình trạng vô thức của đương sự. Do kết quả trải nghiệm người ta mới biết rõ khả năng và sở thích của đứa trẻ. Nhiều thiếu nhi tỏ ra vụng về trong công việc hàng ngày, thế mà cuộc trải nghiệm chứng tỏ nó có mức độ thông minh khá cao. Giải thích sự mâu thuẫn này, nhà tâm lý học cho rằng đứa trẻ không được đặt đúng phạm vi hoạt động của nó nên những đức tính bẩm sinh không phát triển được đôi vào.

Ban Giám-thị

Việc ăn ở của thiếu nhi tại Trung - Tâm phải ngăn cách, để tính xấu của người này không lan truyền qua người khác. Và lại mỗi đứa trẻ phải theo một phương pháp điều trị khác nhau, nên sự sinh sống của chúng phải riêng biệt. Bên cạnh chúng là những giám thị hàng ngày theo dõi, quan sát hoạt động và phản ứng của chúng. Họ phải chỉ dẫn chúng sinh hoạt đúng theo chương trình ấn định và báo cáo định kỳ lên Ban Giám-đốc để chương trình này được sửa chữa và bổ túc thích nghi.

Các giám thị phải hiểu rõ tâm hồn đứa trẻ và có tinh thần bác ái thì mới cảm hóa nó được. Nhưng điều đáng trách là không nên dễ dãi quá đáng vì như thế chúng sẽ khinh thường lệnh cấp trên, và không chịu ép mình vào kỷ luật để sửa đổi tính nết. Trái lại sự nghiêm khắc thường xuyên chỉ gây ra bất mãn căm hờn và sự hợp tác giữa đôi bên không chống thì chắc sẽ đổ vỡ. Đó là một công tác khó khăn chỉ giao phó cho những người đã được huấn luyện vững chắc, am hiểu tâm lý và có kinh nghiệm giáo dục.

Giáo-dục

Chương trình giáo dục bao gồm hai phương diện chuyên môn và phổ thông.

Những lớp học chuyên môn sẽ giảng dạy các nghề về canh nông, kỹ nghệ và thủ công. Qua phần lý thuyết, khóa sinh phải tập sự trong các xưởng máy trang bị đủ dụng cụ và phương tiện cần thiết, để thấu thập thêm kinh nghiệm thực hành. Các khóa sinh được tự do lựa chọn nghề nghiệp của mình với sự chỉ dẫn của giáo viên căn cứ trên kết quả của cuộc trải nghiệm tâm lý của mỗi người. Sau này rời khỏi mà trường chúng sẽ là những người chuyên môn làm nghề, có đủ điều kiện để tự túc sinh sống. Khi người ta có công ăn việc làm thì tâm trí luôn luôn bận rộn về cuộc tranh đấu mưu sinh, đâu có thì giờ nhàn rỗi để nghe theo lời khuyên rủ của bọn phiêu lưu du đảng.

Về phương diện giáo dục phổ thông, các trẻ em sẽ được học tập đến trình độ tiểu học, với mục đích cho chúng hấp thụ một căn bản văn hóa tối thiểu để có thể nhận xét và phân biệt những điều thiện và ác. Cỗ nhân đã nói: « Không ai độc ác một cách cố ý (Nul n'est méchant volontairement). Những người có lý trí sáng suốt thì luôn luôn phán đoán theo lẽ phải và từ chối những hành vi bất chánh. Đối với những khóa sinh

hiếu học và có khả năng, Ban Giám-đốc nên giới thiệu chúng vào các trường cao hơn để tiếp tục trao dồi trí thức cho đến khi thành tài.

Hoạt-động

Sự hoạt động của thiếu nhi cũng được hướng dẫn và kiểm soát chặt chẽ để tập cho chúng có thói quen ham thích làm việc. Kinh - nghiệm cho ta thấy những người lười biếng, tinh thần bạc nhược đến đâu, nếu chịu khép mình vào kỷ luật làm việc, trong một thời gian, sẽ trở nên ưa hoạt động và tính tình cũng thay đổi, hăng hái can đảm hơn trước.

Những trại chăn nuôi súc vật như bò sữa, dê ngựa, gà v.v... phải được thiết lập tại trung tâm giáo hóa, và trong đó mỗi trẻ em sẽ đảm nhiệm một công tác nhất định. Các kỹ thuật trồng cây lập vườn, sẽ được chỉ dẫn cho các học viên nào xét ra có khuynh hướng về canh nông. Ngoài ra các ngày lễ và nghỉ hè chúng sẽ lợi dụng thì giờ nhàn rỗi để đi viếng các nông trại, xưởng máy, trại cưa ở gần Trung tâm, hay trực tiếp tham gia công việc đồng áng với nông dân nhất là khi có mùa gặt. Đó là những cơ hội cho chúng quan sát tại chỗ, và học hỏi thêm về phương diện thực hành những điều đã giảng dạy ở nhà trường.

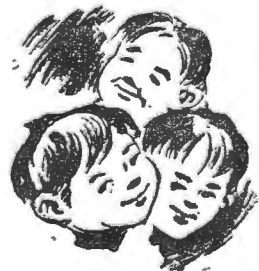
Thể thao và thể dục chiếm một phần quan trọng trong chương trình giáo dục. Ngoài giờ học tập, các trẻ em phải vận động thân thể dưới sự điều khiển của huấn luyện viên thể dục. Các cơ cấu thể thao phải có đầy đủ như hồ tắm, sân túc cầu, vũ cầu v.v...

Đời sống ở Trung Tâm rất khắc khổ, nó đòi hỏi khóa sinh phải có sức khỏe dẻo dai, tinh thần tháo vác mới chịu đựng nổi những công tác khó nhọc hàng ngày.

Thời gian đứa trẻ trú ngụ tại Trung-tâm giáo hóa tùy thuộc vào sự tiến bộ học tập của nó. Khi Ban Giám-đốc nhận xét nó có hạnh kiểm đúng đắn, tác phong đạo đức thì chính là lúc nó được từ giả nhà trường đi ra ngoài tạo lập một cuộc sống mới. Nhưng đứa trẻ cũng có thể thất bại, nếu để nó một mình bơ vơ trên đường đời với sự rủi may. Ban giám đốc cần phải liên lạc với các công sở xí nghiệp để tìm kiếm cho nó một công việc thích hợp với khả năng chuyên nghiệp của nó và đó là nhiệm vụ cuối cùng của Trung tâm giáo dục đối với thiếu nhi phạm pháp.

Với chương trình giáo hóa trình bày trên đây, chúng ta không dám quả quyết sẽ thanh toán được hoàn toàn tệ đoan thiếu nhi du đảng, nhưng một điều có thể hy vọng được là một số đồng trẻ em sa đọa sau một thời gian thụ huấn, sẽ được lành mạnh hóa về tinh thần cũng như thể xác, và dứt khoát với quá khứ nặng nề để trở thành những công dân hữu ích cho xã hội

HOÀNG-VĂN-NAM



PHƯƠNG PHÁP THẨM - VẤN TRẺ EM

(TIẾP THEO TRANG 10)

- 5.— Nhà cha mẹ ở đâu ?
- 6.— Sự việc đã xảy ra tại đâu ? (nếu khi trước nó không kể)
- 7.— Sự việc xảy ra khi ấy là mấy giờ ?
- 8.— Làm sao biết được là giờ đó ?
- 9.— Trong trường hợp nào đương sự được trông thấy sự việc ?
- 10.— Khi trông thấy sự việc, đương sự đứng hay ngồi ?
- 11.— Cách đó bao xa ?
- 12.— Thủ-phạm là người như thế nào ? (mập, ốm, cao, thấp, ...)

Đây là những câu hỏi thông thường có thể dùng hoặc không dùng đến. Ta còn có nhiều câu hỏi khác liên quan đến sự việc và đặc tính của nó.

Trường hợp đương sự không trả lời được một câu nào đó ta không nên lập lại câu hỏi ấy để bắt nó phải moi móc trong trí nhớ ; những câu trả lời như vậy phần nhiều không đúng sự thật, nên ta nên bỏ qua và hỏi câu khác.

NHỮNG SƠ SÓT CÓ THÈ XÂY RA

- 1.— Khi đương-sự chưa được yên tĩnh như bình thường, nghĩa là nó hãy còn hồi hộp, ta không nên bắt đầu vào cuộc thẩm vấn.
- 2.— Không nên nói nhiều.
- 3.— Không nên hỏi một câu hỏi đồng dài làm cho đương sự không hiểu kịp.
- 4.— Không nên hỏi một câu rườm rà, không rõ ràng làm cho đương sự phải hiểu một cách khó khăn.
- 5.— Không nên hỏi trở lại một câu nào đã hỏi.
- 6.— Không nên hỏi nhiều câu hỏi quá mà nên thu hẹp số câu hỏi càng ít càng hay.
- 7.— Không nên nói mau quá hay nhỏ quá.
- 8.— Không nên dùng những tiếng, hoặc danh từ nào quá tầm hiểu biết của tâm trí trẻ em.

Trong trường hợp đương sự dưới 10 tuổi, thời gian thẩm vấn không kéo dài 25 hay 30 phút. Trong thời gian ấy mà cuộc thẩm vấn cũng chưa chấm dứt thì nên cho trẻ em nghỉ ngơi chừng 10 hay 15 phút, nữ thẩm vấn viên và nữ nhân chứng có thể bày ra một vài thức ăn uống để vui cười với đương sự.

NHÂN CHỨNG TRONG KHI THẨM VẤN TRẺ EM.

Trong những cuộc thẩm vấn trẻ em, luôn luôn cần phải có sự hiện diện của một người thứ ba. Sự hiện diện của người thứ ba có tác dụng tránh được tiếng dụ dỗ, ép buộc hoặc hăm dọa trẻ em khai.

Những đồ thị dù lớn hay dù nhỏ ở Âu-Châu đều có HỘI BẢO VỆ NHI ĐỒNG, nhân chứng luôn luôn là một nữ hội viên của Hội ấy.

Như vậy, trong phòng thẩm vấn chỉ có 3 người :

- 1.— Nữ thẩm vấn viên
- 2.— Nữ Hội-viên của Hội Bảo Vệ Nhi Đồng.
- 3.— Trẻ em (đương-sự)

VẤN ĐỀ TUỔI.

Người ta thường nói cần phải có sự hiện diện của nhân chứng khi thẩm vấn một « vị thành niên » Người ta chỉ nói « vị thành niên » chứ không xác định về tuổi.

Theo Sở Cảnh-sát Đan-Mạch, trẻ em 4, 5 tuổi có đủ trí khôn để trả lời một câu hỏi ngắn, dễ hiểu và rõ ràng. Sở ấy cần dùng đến nhân chứng trong khi thẩm vấn là nếu trẻ em ấy dưới 15 tuổi.

Như vậy, ta thấy sự có mặt của nhân chứng trong những cuộc thẩm vấn trẻ em từ 4, 5 đến 15 tuổi. Những cuộc thẩm vấn này luôn luôn là được thấu vào máy ghi âm nếu đó thuộc về trọng tội.

Đối với những trẻ em từ 15 lên đến

18 tuổi thì kể cũng như là người lớn nên khỏi cần nhân chứng trong cuộc thẩm vấn. Không cần nhân chứng, nhưng lại cần thấu thanh vào máy ghi âm, và chỉ thấu thanh những việc nào có một tánh cách quan trọng mà thôi.

TOÀ ÁN.

Năm 1962, Ban Điều-tra Hình-sự Sở Cảnh-sát Cö-pän-ha-gö thấu thanh được tất cả là 250 vụ thẩm vấn trẻ em với tư cách bị cáo, nạn nhân hoặc nhân chứng.

Toà án đã nghe đủ tất cả 250 cuốn băng nhựa, và nhìn nhận những lời cung khai ấy rất có giá trị, vì nó có tánh cách « chính xác »

Toà án cho rằng những cuộc thẩm vấn được thấu thanh vào máy ghi âm có thể dễ xét định hơn là một biên bản thẩm vấn viết trên giấy mà nữ thẩm vấn viên thường vẫn sửa chữa câu trả lời của trẻ em cho được gọn gàng, đúng văn phạm.

Còn thấu thanh cuộc thẩm vấn là trực tiếp ghi lời nói và giọng nói của trẻ em, nghĩa là nguyên văn và nguyên giọng.

Hơn nữa máy còn thấu luôn những « ngập ngừng » trong một câu nói, những « âm điệu » khi trầm khi bổng, những câu trả lời không được liền sau khi câu hỏi dứt, v.v.. Đây là những yếu tố cần thiết giúp cho các vị Chánh án dễ nhận xét hơn.

Khi ra trước phiên xử, Chánh án cũng biết rằng trẻ em rất chóng quên nên không bao giờ hỏi trở lại một câu nào đã thấu vào băng nhựa. Chánh án chỉ hỏi đương sự một vài câu không liên quan đến nội vụ để có một ý niệm tổng quát về mức độ tâm trí của đương sự. Làm như vậy để Tòa án kiểm soát lại mức độ tâm trí và âm thanh của đương sự trong băng nhựa xem có giống với khi đương sự đang đứng trước Tòa hay không.

Luật pháp Đan-Mạch nhìn nhận việc thấu vào máy ghi âm cuộc thẩm vấn trẻ em thuộc về trọng tội là một chứng tích có giá trị và diện pháp lý.

Lâm Phi Hải-Sơn



CÂU ĐỒ NÁT ÓC

★ Búa Thép

GIẢNG CÂU ĐỒ KỲ TRƯỚC.

(tiếp theo số 41)

1— CHIẾC KẼO KHÓ NHAI

(trang 64)

Người chị sau khi nghe câu đố của em, phải nát óc mấy ngày mới tìm ra được câu giảng.

— Đó là cái **kiềng** bằng sắt dùng để đun bếp.

Căn cứ vào câu văn được phân tích như sau :

Câu 1.— Một mình đứng vững ba chân là hình cái **kiềng**. Phương ngôn có câu : « Dù ai nói ngả nói nghiêng, thì tôi cũng vững như **kiềng** ba chân. »

Câu 2.— Kiềng đun phải có than bằm, nên gọi là **lầm than**.

Câu 3 và 4.— Kiềng giúp đời rất nhiều thế mà lại đặt cho cái tên là **kiềng** là lánh ra, chừa ra (ý nói chừa mặt ra không thêm đụng tới, ngó tới).

Cô em nghe chị giảng xong chịu là đúng.

2.— CÔ EM NGOAN CỐ

Búa Thép vừa nhận được cánh thư ngỏ của Hiếu Kỳ ở miền Trung gởi về giảng câu đố này tả hình dung ngôn ngữ cử chỉ của em gái vị thành niên ấy là Radio. Nhưng cuối bức thư, bạn Hiếu Kỳ sợ luật gia đình nên từ chối không muốn đón cô Radio về làm vợ vì anh đã lập gia đình rồi.

3.— NỮ QUÁI KIỆT

Tên nữ quái kiệt trong câu đố này đã được một bạn giải trúng, theo anh thì đó là 1 chiếc **đồng hồ** (ăn mỡ đầu là tra mỡ đầu cho trơn máy ; kim là kim chỉ giờ phút, biết đi là kim chạy, ngoài bụng là lên dây thều.)

4.— MỸ NHÂN LẠ

Câu này cũng được một bạn giảng là **chiếc máy khâu** (cười giòn là tiếng máy chạy ; răng cứng ngắt là răng bánh xe ; mũi dài là mũi kim máy ; nhai áo quần là may (hình dung chiếc thoi đẩy vải như miệng nhai.)

5.— ĐỐ CHỮ

Em Ái Khanh giảng câu này giúp ông cụ « trai già nữ ngọc » như sau :

Một ngang một sổ là chữ « T »

Một lỗ thông qua là chữ « O »

Trên lợp mái nhà là dấu mũ « ^ »

Dưới đeo cục đá là dấu nặng « . »

Vậy chữ này là chữ « TỘ »

Từ nay trở đi, Búa Thép đoán rằng tuy ông cụ đã qua cơn bẽ tắc với câu con rỗi, nhưng chắc sẽ còn gặp nhiều câu nát óc khác của « cục cưng » đòi phải giảng tiếp.



CÂU ĐỐ KỲ NÀY.

1.— BỐN PHÉP TOÁN

Nhân một bữa tiệc liên hoan, một bạn nọ bốc hứng, sau khi cạn ly rượu đầu tiên, có ra cho mỗi người câu đố như sau, dưới nhan đề là « bốn phép toán »

Hãy dùng bốn phép toán ra,

Hai mươi, cộng sáu, trừ ba rạch rồi.

Còn thừa trừ chín chia hai,

Ngày gì ? bạn nêu có tài đoán xem.

Câu đố này ra được tất cả mọi người trong bữa tiệc đoán trúng. Nhưng Búa thép còn giữ bí mật, kỳ sau mới công bố câu giảng.

2. CHƠI CHỮ.

Sau giờ sử địa, muốn gây hào hứng cho học sinh trong lớp để gọi óc tìm tòi và cũng là để ôn lại danh từ triều đại, giáo sư có ra cho học sinh một câu đố như sau :

Rõ ràng y-phục chỉnh tề,

Đai vàng, hột ngọc, áo uê long bào.

Thề mà thiên hạ thì thảo,

Rằng không có chiếc nào che thân,

Đố là tên một triều đại nào ở Việt-Nam ?

(xem tiếp trang bìa sau)



TIN TỨC CỦA CHI-ĐOÀN CÔNG-CHỨC CÁCH-MẠNG QUỐC-GIA

ĐOÀN VIÊN CỦA CHI ĐOÀN TỰ NGUYỄN ĐÓNG GÓP TIỀN LƯƠNG VÀO QUỸ CHỐNG CỘNG

Các đoàn viên công-chức thuộc các hạng A, B, C, và D chính-ngạch và công nhật của Chi-Đoàn đã tự nguyện đóng 10/o tiền lương tháng 6/63 vào quỹ chống Cộng được là : 587. 450đ,00 (năm trăm tám mươi bảy ngàn một trăm năm mươi đồng bạc) và đã nạp vào chương mục của Trung Ương LB C.C.C.M.Q.G — chương mục số 2625 KT do các biên lai số 3875 và 4034.

BAN PHỤ TRÁCH PHÂN-ĐOÀN NHIỆM KỲ 1963

Cuộc bầu cử Ban phụ trách của các Phân-Đoàn thuộc Chi-Đoàn C.C.C.M.Q.G, Nha Tổng Giám-Đốc C.S.Q.G. được tổ chức từ 5/3 đã kết thúc vào 26/3.

Sau đây là danh sách các Ban Phụ-trách Phân-Đoàn :

A — KHỐI HÀNH CHÁNH

Ban phụ-trách Phân-đoàn « Dân-chủ »

- Phân-Đoàn Trưởng : — Ông. Lê-Sơn-Thanh
- Phân-Đoàn Phó :
- Đệ-Nhất : — Ông. Phạm-Quang-Giàu
- Đệ-Nhị : — Ông. Huỳnh-Công-Quy
- Thư-Ký :
- Đệ-Nhất : — Ông. Vũ-Ngọc-Liên
- Đệ-Nhị : — Ông. Nguyễn-Đình-Chiêu
- Ủy Viên Xã-Hội :
- Đệ-Nhất : — Ông. Đỗ-Văn-Định
- Đệ-Nhị : — Bà Hồ-Thị-Duy-Thanh
- Ủy Viên Thuyết-Trình :
- Đệ Nhất : — Ông. Vũ-Quốc-Phúc
- Đệ Nhị : — Ông. Nguyễn-Văn-Loát

Ban Phụ Trách Phân Đoàn « Thống-Nhất »

- Phân Đoàn-Trưởng : — Ông. Kiều-Đắc-Thời
- Phân-Đoàn-Phó : — Ông. Hoàng-Đình-Thắng
- Thư-Ký : — Ông. Lê-Văn-Thanh
- Ủy-Viên Xã-Hội kiêm phụ tá Thư-Ký : — Ông. Nguyễn-Thanh-Son
- Ủy-Viên Thuyết-trình : — Bà Phạm-Thị-Son
- Ông. Phạm-Vũ-Ram
- Ông. Đặng-Ngọc-Chi
- Ông. Phạm-văn-Khoa

Ban phụ trách Phân-Đoàn « Quyết-Thắng »

- Phân-Đoàn-Trưởng : — Thiếu-Tá Phạm-văn-Luân
- Phân Đoàn-Phó : — Đại-Ủy Huỳnh-Văn-Luân
- Đại-Ủy Bùi-Ngọc-Thiện
- Thư-Ký : — Ông. Nguyễn-Văn-An
- Ông. Nguyễn-Văn-Nép
- Ủy-Viên Thuyết-Trình : — Ông. Nguyễn-Hữu-Thi
- Ông. Trần-Đức-Trung
- Ủy-Viên Xã-Hội : — Ông. Nguyễn-Trọng-Hải

Ban phụ-trách Phân-Đoàn « Công-Lý »

- Phân-Đoàn-Trưởng : — Ông. Nguyễn-Công-Chánh
- Phân-Đoàn-Phó : — Ông. Phạm-Văn-Huỳnh
- Thư-Ký : — Ông. Nguyễn-Văn-Thái
- Ủy Viên Xã-Hội : — Ông. Đỗ-Văn-Nay
- Ủy Viên Thuyết Trình : — Ông. Nguyễn-Văn-Bái

Ban phụ trách Phân Đoàn « Thành Tín »

- Phân Đoàn Trưởng : — Ông. Hoàng-Khâm-Sen
- Phân Đoàn Phó :
- Đệ Nhất : — Ông. Ngô-Chuẩn
- Đệ Nhị : — Ông. Dương-Đình-Đổi
- Thư Ký :
- Đệ Nhất : — Ông. Ngô-Trọng-Cự
- Đệ-Nhị : — Ông. Nguyễn-Thế-Thái
- Ủy Viên Xã Hội : — Ông. Nguyễn-Kim-Hoàng
- Ủy Viên Thuyết Trình : — Ông. Võ-Văn-Sáu
- Ông. Hoàng-xuân-Nghị

Ban phụ trách Phân đoàn « Quyết Tiến »

- Cố Vấn Phân Đoàn :
- Ông. Hồng-Văn-Long : Biên-Tập-Viên thượng hạng 1, Chủ-Sự Phòng Văn-Thư.
- Phân Đoàn Trưởng :
- Ông. Trần-Tư-Khẩn : Phó Thăm-Sát-Viên thượng hạng ngoại hạng,
- Phân Đoàn Phó :
- Ông. Trịnh Đình-Đàm : Phó Thăm-Sát-Viên thượng hạng hạng 1.
- Ông. Nguyễn-Văn-Tơ : Phó Thăm-Sát-Viên thượng hạng hạng 4.
- Thư Ký :
- Ông. Nguyễn-Đức-Quý : Phó Thăm-Sát-Viên hạng 1,
- Ủy Viên Xã-Hội :
- Ông. Võ-Văn-Tây : Thăm-Sát-Viên đặc-biệt thượng hạng hạng 2,
- Ủy-Viên Thuyết-Trình :
- Ông. Hoàng-Mai-Đóa : Phó Thăm-Sát-Viên công-nhật

Ban Phụ-trách Phân-Đoàn «Bạc-Dân»

- *Phân-Đoàn Trưởng* : — Ông. Vũ-Khắc-Hải
- *Phân-Đoàn Phó* : — Ông. Phạm-Công-Thành
- *Thư ký* : — Ông. Nguyễn-Văn-Khâm
- *Ủy Viên Xã Hội* : — Ông. Dương-Xuân-Đào
- *Ủy Viên Thuyết-Trình* : — Ông. Lê-Hữu-Đề

Ban phụ trách Phân đoàn «Trung-Kiên»

- *Phân-Đoàn-Trưởng* :
Đại-Ủy Võ-Văn-Thân : Đại-Ủy Quân-Đội V. N. C. H.
Chủ-Sự Phòng Truyền Tin
- *Phân-Đoàn Phó* :
— Ông. Hà-Hữu-Phương : Thăm-Sát - Viên công - nhật
(Đệ-nhất) Trung-Tâm Phó T. T. T. T.
Nha Viện-Thông,
- Ông. Lương-Văn-Tây : Phó Thăm-Sát-Viên hạng 1,
(Đệ-Nhị) Trưởng Ban Sửa Chữa Phòng
Truyền Tin
- *Thư-Ký* :
— Ông. Nguyễn-Văn-Quý :
(Đệ-nhất) Phó Thăm-Sát-Viên hạng 2,
— Ông. Vũ-Ngọc-Phác : Phó Thăm-Sát-Viên hạng 2,
(Đệ-Nhị) Thư ký Nha Viện-Thông,
- *Ủy Viên Xã Hội* :
— Ông. Phạm-Gia-Song : Nhân-viên công nhật, Thư-
(Đệ-nhất) ký Phòng Truyền Tin
- Ông. Nguyễn-Quang-Nghị : Phó Thăm-Sát-Viên hạng 1,
(Đệ-nhị) Trưởng Xưởng Mã Nha
Viện-Thông,
- *Ủy Viên Thuyết-Trình* :
— Ông. Trần-Đình-Kỷ : Phó Thăm-Sát-Viên hạng 4,
(Đệ-nhất) Thư-ký Phòng Truyền Tin,
- Ông. Nguyễn-Văn-Trí : Thăm-Sát-Viên công nhật,
(Đệ-nhị) Thư ký Nha Viện-Thông.

Ban phụ trách Phân Đoàn «Cộng-Hòa»

- *Phân-Đoàn Trưởng* : — Ông. Hà-Văn-Mào
- *Phân-Đoàn-Phó* : — Ông. Bùi-Đề-Hà
— Ông. Nguyễn-Hữu-Chương
- *Thư Ký* : — Ông. Đỗ-Hữu-Dị
— Ông. Phạm-Duy-Linh
- *Ủy Viên Xã Hội* : — Ông. Thiệu-Phước-Thành
- *Ủy Viên Thuyết Trình* : — Ông. Nguyễn-văn-Ngãi
- *Phụ Tá* : — Ông. Trần-Văn-Khi
— Ông. Bùi-Văn-Giáp
— Ông. Nguyễn-Quang - Uyên

Ban phụ trách Phân Đoàn «Diệt-Cộng»

- *Cố Vấn Phân Đoàn* :
— Ông. Võ-Lương : Quận-Trưởng thượng hạng,
Giám-Đốc Trung-Tâm Huấn-
Luyện Sơ - Cấp Cảnh - Sát
Quốc-Gia.
- *Phân-Đoàn-Trưởng* :
Ông. Cao-Xuân-Hồng : Quận-trưởng hạng 2,
Phó Giám-Đốc Trung-Tâm.
- *Phân-Đoàn-Phó* :
Ông. Nguyễn-Long-Tràng : Biên-Tập-Viên hạng 2,
Chủ - Sự Phòng Học - Vụ
Trung-Tâm.

— Thư-Ký

Ông. Bùi-Tây : Phó Thăm-Sát-Viên thượng
hạng hạng 4, Giảng-viên.

— Ủy-Viên Xã-Hội kiêm Thả-Quý :

Ông. Nguyễn-Khánh-Thọ : Phó Thăm-Sát-Viên hạng 1,
Giảng-Viên.

— Ủy-Viên Thuyết-Trình :

Ông. Phạm-Quang-Nghiệp : Phó Thăm-Sát-Viên hạng 4,
Giảng-viên.

B.— KHỐI ĐẶC BIỆT

Ban phụ-trách Phân-đoàn « Tranh-Đấu »

- *Phân-Đoàn Trưởng* : — Ông. Nguyễn-Văn-Phúc
- *Phân-Đoàn Phó* : — Ông. Ngô-Văn-Thông
— Ông. Ngô-Văn-Bảo
- *Thư-Ký* : — Ông. Cao-Khắc-Mùi
— Ông. Hoàng-Văn-Ngo
- *Ủy-Viên-Xã-Hội* : — Cô Vũ-Thị-Kim-Lung
— Bà Nguyễn-Thị-Lang
- *Ủy-Viên-Thuyết-Trình* : — Ông. Nguyễn-Phúc-Tuynh
— Ông. Nguyễn-Thế-Nghệ

Ban phụ-trách Phân-đoàn « Cương-Quyết »

- *Phân-Đoàn Trưởng* : — Ông. Nguyễn-Trọng-Thuấn
- *Phân-Đoàn Phó* : — Ông. Trần-Bá-Nguyệt
— Ông. Huỳnh-Văn-Tính
- *Thư-Ký* : — Ông. Nguyễn-Văn-Thâu
— Ông. Trần Bá-Hiệp
- *Ủy-Viên Xã-Hội* : — Ông. Nguyễn-Văn-Mùi
— Ông. Nguyễn Văn-Quảng
- *Ủy-Viên-Thuyết-Trình* : — Ông. Đỗ-Lâm-Quế
— Ông. Nguyễn-Trọng-Ấn

C.— KHỐI CẢNH-SÁT

Ban phụ-trách Phân-đoàn « Bắc Tiến »

- *Phân-Đoàn-Trưởng* : — Ông. Trần-Vững
- *Phân-Đoàn Phó* :
— Đệ-Nhất : — Ông. Tôn-Thất-Bính
— Đệ-Nhị : — Ông. Vũ-Việt-Hàm
— Đệ-Tam : — Ông. Nguyễn-Thành Nam
- *Thư-Ký* : — Ông. Nguyễn-Văn-Ích
- *Ủy-Viên Xã-Hội* : — Ông. Nguyễn-Trình
- *Ủy-Viên Thuyết-Trình* : — Ông. Nguyễn-Hữu-Chính
— Ông. Nguyễn-Văn-Sa

Ban phụ-trách Phân-đoàn « Đoàn-Kết »

- *Phân-Đoàn Trưởng* : — Ông. Nguyễn-Thành-Quê
- *Phân-Đoàn Phó* :
— Đệ-Nhất : — Ông. Nguyễn-Văn-Thỉnh
— Đệ-Nhị : — Ông. Nguyễn-Văn-Ngo
- *Thư-Ký* :
— Đệ-Nhất : — Ông. Nguyễn-Văn-Hải
— Đệ-Nhị : — Ông. Lý-Chước-Hiền
- *Ủy-Viên Xã-Hội* : — Bà Nguyễn-Thị-Kim-Minh
- *Ủy-Viên Thuyết-Trình* : — Ông. Trần-Văn-Lan
— Ông. Nguyễn-Văn-Định

Ban phụ-trách Phân-đoàn « Nhân-Vị »

- Phân-Đoàn Trưởng : — Ô. Tôn Hi
- Phân-Đoàn Phó :
 - Đệ-Nhất : — Ô. Lê-Đang-Doanh
 - Đệ-Nhị : — Ô. Lương-Kinh
- Thư-Ký : — Ô. Phùng-Quang-Đạo
- Ủy-Viên Xã-Hội : — Ô. Nguyễn-Văn-Chải
- Ủy-Viên Thuyết-Trình :
 - Đệ-Nhất : — Ô. Lương-Thành-Mật
 - Đệ-Nhị : — Ô. Trịnh-Kim-Thanh

Ban phụ-trách Phân-đoàn « Đồng Tiến »

- Phân-Đoàn Trưởng : — Ô. Trần-Văn-Sắt
- Phân-Đoàn Phó : — Ô. Lưu-Bá-Mưu
- Thư-Ký : — Ô. Nguyễn-Văn-Nhi
- Ủy-Viên Xã-Hội : — Bà Lê-Thị-Xinh
- Ủy-Viên Thuyết-Trình : — Ô. Nguyễn-Ngọc-Phúc

Ban phụ-trách Phân-đoàn « Chính-Nghĩa »

- Phân-Đoàn-Trưởng : — Đại-Ủy Võ-Văn-Hai
- Phân-Đoàn Phó :
 - Đệ-Nhất : — Ô. Nguyễn-Hữu-Điện
 - Đệ-Nhị : — Thiếu-Ủy Vũ-Ngạn
- Thư-Ký Phân-Đoàn : — Ô. Phạm-Quốc-Long
- Thư-Ký Phụ-Tá : — Ô. Phùng-Văn-Trác
- Ủy Viên Xã Hội : — Ô. Nguyễn-Văn-Tăng
- Ủy Viên Thuyết-Trình : — Ô. Phạm-Đức-Minh
- Ủy Viên Thuyết-Trình : — Trung-Ủy Nguyễn-Văn-Tòng
- Ủy-Viên Thuyết-Trình : — Ô. Hồ-Văn-Thêm
- Ủy-Viên Thuyết-Trình : — Ô. Phạm-Quốc-Long

Ban phụ trách Phân đoàn « Thành Công »

- Phân-Đoàn-Trưởng : — Ô. Võ-Văn-Phi
- Phân-Đoàn-Phó :
 - Đệ-Nhất : — Ô. Đặng-Văn-Đính
 - Đệ-Nhị : — Ô. Huỳnh-Văn-Lựu
- Thư-Ký :
 - Đệ-Nhất : — Ô. Bùi-Hiến-Tôn
 - Đệ-Nhị : — Ô. Đỗ-Xuân-Thả
- Ủy-Viên Xã-Hội :
 - Đệ-Nhất : — Ô. Nguyễn-Văn-Quá
 - Đệ-Nhị : — Ô. Lê-Văn-Guôi
- Ủy Viên Thuyết Trình :
 - Đệ-Nhất : — Ô. Nguyễn-Ngọc-Tỷ
 - Đệ-Nhị : — Ô. Nguyễn-Văn-Tiêu

Ban phụ trách Phân-Đoàn « Độc-Lập »

- Phân Đoàn Trưởng : — Ô. Vùi-Văn-Quới
- Phân Đoàn Phó :
 - Đệ-Nhất : — Ô. Nguyễn-Lễ-Tính
 - Đệ-Nhị : — Ô. Phạm-Văn-Thông
- Thư-Ký :
 - Đệ-Nhất : — Ô. Nguyễn-Văn-Sáu
 - Đệ-Nhị : — Ô. Văn-Công-Chín
- Ủy Viên Thuyết Trình :
 - Ô. Dương-Thới-Long
 - Ô. Nguyễn-Hoài-Châu
 - Ô. Phạm-Văn-Tuynh
- Ủy Viên Xã Hội : — Ô. Võ-Văn-Hương

Ban phụ trách Phân Đoàn « Cộng-Đồng »

- Phân Đoàn Trưởng : — Ô. Hà-Ngọc-Hoàn
- Phân Đoàn Phó : — Ô. Đặng-Văn-Ưt
- Thư Ký : — Ô. Nguyễn-Văn-Ba
- Ủy Viên Xã Hội : — Ô. Phạm-Long-Tơ
- Ủy Viên Thuyết Trình : — Ô. Nguyễn-Văn-Thê
- Ủy Viên Thuyết Trình : — Ô. Nguyễn-Văn-Son
- Ủy Viên Thuyết Trình : — Ô. Huỳnh-Ngọc-Sáng
- Ủy Viên Thuyết Trình : — Ô. Huỳnh-Văn-Nguyên
- Ủy Viên Thuyết Trình : — Ô. Trần-Quang-Tiến

Ban phụ trách Phân Đoàn « Tự-Do »

- Phân Đoàn Trưởng : — Đại-Ủy Nguyễn-Quyển
- Phân Đoàn Phó : — Ô. Dương-Tấn-Hữu
- Thư Ký : — Ô. Lê-Văn-Chính
- Ủy Viên Xã Hội : — Ô. Lê-Duy-Thuần
- Ủy Viên Thuyết Trình : — Ô. Trần-văn-Tài
- Ủy Viên Thuyết Trình : — Ô. Lê-Hữu-Phú
- Ủy Viên Thuyết Trình : — Ô. Lê-Hữu-Phước
- Ủy Viên Thuyết Trình : — Ô. Nguyễn-Viên-Hoàng

(còn tiếp)



CẢNH-SÁT QUỐC-GIA PHỤC VỤ ĐỒNG-BÀO

✱ Ngày 4-5-63, Nha C.S.Q.G. Ban mê thuật có nạp tại phòng Lực-Sự Tòa Hoà Giải Rộng Quyền Ban mê thuật 2 chiếc xe gắn máy gian :

— Hiệu « Comet » máy Sachs, số máy 2895916, sườn không số.

— Hiệu « Ischia » số máy 3640627, sườn không số

✱ Ngày 6-6-63, Ty C.S.Q.G Vinh-Long, có nạp tại phòng Lực-Sự Tòa Sơ-Thẩm Vinh-Long 1 xe gắn máy gian :

— Hiệu « goebel » số máy 3360753, số sườn 29.159.

✱ Ngày 29-6-63, Ty C.S.Q.G Quảng-Ngãi đã khám phá một vụ trộm và tịch thu được 9 chiếc xe đạp.

— 1 xe đạp đàn bà hiệu Pacific số 1453.

— 1 xe đạp đàn ông hiệu Super Atom số 562g

— 1 « » » Tabor Sterling số.

CD. 110

— 1 « đàn bà » Super Atom số 0035

— 1 « » » Pacific số 1495

— 1 « » » Tabor số 222

— 1 « » » Pacific số 902

— 1 « » » Sterling số 39/556

— 1 « » » Pacific số 1056

Chiếc xe đàn bà hiệu Pacific số 1453 đã được giao trả cho sở hữu chủ còn lại 8 chiếc khác chưa ai nhìn nên được ký nạp tại Phòng Lực-Sự Tòa An Quảng Ngãi.

Sở-hữu chủ các xe kể trên có thể đến địa phương xin lãnh lại xe.

CÂU ĐỐ NÁT ỨC

(Tiếp theo trang 61)

3.— GIỚI THIỆU LỐI LẠ

Bích Ngọc đang tiếp bạn gái là Thanh-Vân trong phòng khách, bỗng có một cô gái tuyệt sắc ở ngoài nhẹ nhàng bước vào. Bích - Ngọc vội đứng dậy trở vào người đẹp vừa bước vào mà đọc hai câu lục bát :

*Phu nhân xuân sắc như lòng hoa,
Tội chi ? bạn có biết là tội chi ?*

Thanh-Vân rất lấy làm ngạc nhiên, không hiểu người đẹp đó là ai, mà Bích-Ngọc lại dám dùng một câu giới thiệu vô lễ với nàng như thế.

Vậy mong các bạn đoán xem Bích-Ngọc định nói gì

4.— VẤN « CHIẾC KẸO KHÓ NHAI »

Để giải quyết « chiếc kẹo khó nhai », sau khi giảng xong 4 câu đố được cô em chịu là đúng, cô chị lại ra 4 câu đố mới :

*Khi xưa ở cánh chim trời,
Bây giờ mới xuống giúp đời ra tay.
Anh hùng nhiệt liệt mê say,
Không-Minh là bạn đêm ngày có nhau.
Đố là cái gì ? vật dụng ?*

5.— ĐỜI MỚI DANH TỪ CHÍNH TRỊ MỚI.

Để nhấn rõ những danh từ chính-trị mới cho các cán bộ Ấp chiến-lược tận thuộc đường lối chính-phủ

một cách sâu xa tỏ tường, một vị cấp bậc tỉnh, nhân liên-hoan ngày Song Thất vừa rồi, có ra cho các cán bộ Ấp một câu đố vui :

*Có công mà chẳng có cò,
Cờ kia lại để ngay đờ đứng yên.
Làm tiên lại chẳng có tiên,
Vì thêm sắc xảo mà lên mới tài.*

Đố là 2 chữ gì ? (chữ quốc ngữ trong danh từ chính trị)

Hiện các cán bộ còn đang suy nghĩ, chưa tìm ra được là 2 chữ gì. Vậy nhờ các bạn gahộ.



BẠN ĐỌC GIẢNG CÂU ĐỐ

Ngày khi báo lên khuôn, Búa Thép có tiếp nhận được thư « giảng câu đố Bạn - Dân » của 3 bạn Trần thứ - Hai, Nguyễn-thiện-Chí và Đinh-văn-Tài.

Hai bạn Hai và Chí chỉ giảng đúng câu : « **Cô em ngoan cố** » ; bạn Đinh-văn-Tài P.T.S.V. Cảnh-sát Quốc-gia Chi Trần-văn-Châu, quận 8, đã giảng đúng 4 câu, còn câu : « **Nữ quá kiết** », chỉ mới gần đúng, vì thật ra Nàng ấy là... chiếc đồng hồ.

Với nhận xét tinh vi, bạn Tài đã đoán đúng đến 990/0 câu đố, đặc biệt nhất là bạn đã dùng lối văn vần để giảng khiến Búa Thép rất hoan nghênh tinh thần tìm hiểu cùng thiên - khứu mẫn nhuệ của bạn. Chắc rằng bạn Tài sẽ nỗ lực gửi về câu giảng kỳ đố này cho Bạn Dân và rất có thể những bạn khác cũng không bỏ qua.

Đây cũng là một tinh thần khiêu hứng có tính cách suy luận tìm hiểu chẳng khác gì cái thú « họa vắn » của các bạn làng thơ.

THẾ GIỚI CÓ GÌ LẠ ?

(Tiếp theo trang 5)

Còn khối Liên - Bang vòng ngoài, tức Maphilindo, gây ra những triển vọng lớn lao hơn : bởi vì Indonésia xứ của ông Soekarno, một nước trung lập có những khi thiên Cộng, đã đứng trong một Liên-Bang cùng với 2 nước chống Cộng : Phi-Luật-Tân (chịu ảnh hưởng Mỹ) và Mã-Lai (chịu ảnh hưởng Anh). Như thế phải chăng Indonésia đã nghiêng sang một chánh sách chống Cộng. Các nhà quan sát đã đồng ý với nhau để công nhận rằng với sự thành lập của khối Maphilindo,

có hai kết quả đáng kể nhất :

1.— Đó là một đòn đánh vào Cộng-sản, nhất là Trung-Cộng. Maphilindo không những bảo vệ cho các đất ở Bornéo, mà còn cả cho Indonésia chống lại những cuộc gây rối của Trung-Cộng.

2.— Sự ổn định ở Đông-Nam-Á sẽ rõ rệt hơn, và như vậy sẽ làm cho kinh tế phát triển mạnh hơn, không những trong khối Maphilindo, mà lợi luôn cả cho các nước khác ở Đông Nam-Á, trong đó có Indonésia (nên ghi : Việt-Nam buôn bán khá nhiều với Indonésia và Mã-Lai)

Nguyễn-Việt

HỢP THƠ BẠN-DÂN

Bạn Trần huệ-phương (Trúc giang)
— Đã nhận được bài. Sẽ có thư riêng.

Bạn Trần ngọc-Thủy (Nha trang).
— Đã nhận được thư và bài « người Cảnh-sát quốc-gia ». Rất thông cảm.

Bạn Châu đình-Thịnh (Phú yên).
— Mấy tập sách nhỏ đã đến nơi. Đang xem. Sẽ có thư trả lời trong ngày gần đây.

Bạn Lê xuân Nhuận. — Trông tin bạn. Sao thư đi mà chẳng thư về ? Vẫn gởi báo hằng tháng đến bạn.

